

I THÁNG 6 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

NHƯ PHONG *phong tỏa Bắc-Việt và tương quan Nga*
Tàu * TỪ MINH *cuộc viếng thăm Nga xô của Tổng*
thống Hoa kỳ * TRẦN NGỌC NINH *giáo dục là mỗ*
sự đầu tư cần được quản trị và kế-hoạch hóa * PHAN
DU *sinh dục và tiến hóa* * TRẦN VĂN KHA *sự bắt*
diệt * ĐỖ NGỌC ÁI *kinh nghiệm tịch cốc đề trị bệnh*
* THỂ NHÂN *buổi hòa tấu nhạc cổ truyền miền Nam*
với nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo ở Paris * BÌNH NGUYỄN
LỘC *danh từ mới của Trung-Hoa* * NGUYỄN MỘNG
GIÁC *vào đời* * NGUYỄN TIẾN CUNG *mưa và nỏ*
chết ở An-Lộc * VŨ HOÀNG CHƯƠNG *tuổi trăm*
sầu * THÁI MINH PHƯỢNG *khu tiên chế 2* *
VŨ HỮU ĐỊNH *trên đoạn đường quê em* * BÁCH
KHOA *đâm thoại với Ngô Thế Vinh từ*
Vòng - đai - xanh đến Mặt -
trận - ở - Saigon * TỪ
MINH *thời sự thế giới* *

370



TẠP CHÍ BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG Chủ nhiệm: LÊ NGỘ CHÂU
HOÀNG MINH TUYNH Chủ bút:

Thư ký: TÔN THẮT HÀM Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
Tòa soạn: NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ BÁO

MỖI SỐ	70đ.
SÁU THÁNG	770đ.
MỘT NĂM	1500đ.

Cao nguyên và Miền Trung, thêm cước phí máy bay 200 đ. một năm.

Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí 400 đ. một năm.

Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, hoặc Tạp chí Bách-Khoa Thời-Đại trương mục 54.262 Tổng ngân khố Việt-Nam.

Bưu chi phiếu xin chuyển cho Tạp chí Bách Khoa Thời Đại 160 Phan đình Phùng Saigon, Trương mục 27-46, Trung Khu Saigon

GIÁ BIỀU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 370 ngày 1-6-1972

NHƯ PHONG <i>phong tỏa Bắc Việt và tương quan Nga-Tàu</i>	05
T MINH <i>cuộc viếng thăm Nga-sô của Tổng-thống Hoa-kỳ</i>	15
TRẦN NGỌC NINH <i>giáo dục là một sự đầu tư cần được quản-trị và kế-hoạch-hóa</i>	23
PHAN DU <i>sinh dục và tiến hóa</i>	31
TRẦN VĂN KHA <i>sự bất diệt</i>	43
Uyên Ba ĐỖ NGỌC ÁI <i>kinh nghiệm tịch cốc đề trị bệnh</i>	49
THỂ NHÂN <i>buổi hòa tấu nhạc cổ truyền miền Nam với nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo ở Paris</i>	53
BÌNH NGUYỄN LỘC <i>danh từ mới của Trung Hoa</i>	59
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>vào đời (truyện dài)</i>	61
NGUYỄN TIẾN CUNG <i>mưa và nổi chết ở An-Lộc (thơ)</i>	67
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>tuổi trắng sầu (thơ)</i>	68
THÁI MINH PHƯỢNG <i>khu tiền chế 2 (truyện ngắn)</i>	69
VŨ HỮU ĐỊNH <i>trên đoạn đường quê em (thơ)</i>	75
BÁCH KHOA <i>đàm thoại với Ngô Thế Vinh từ «Vòng đai xanh» đến «Mặt trận ở Saigon»</i>	77
DƯƠNG NGHIÊM MẬU — TRẦN DẠ TỪ <i>tiếp theo «đoạn chót của một cuộc phỏng vấn»</i>	82
TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU

Chủ bút :

Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG

21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : 70\$ Công sở : 140\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 6đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

Tiểu từ điển nhân vật lịch sử Việt-nam của Nguyễn Huyền Anh, do Thùy Phương xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 340 trang, loại khổ nhỏ «trình bày một cách giản lược thân thế và hành-trạng một số nhân vật lịch sử V.N.» Có thêm niên biểu các triều đại và các nhân vật lãnh đạo quốc gia V.N. và những biến cố trọng đại trong lịch sử V.N». Giá 300đ.

— Lương Khải Siêu của Nguyễn văn Y do Hoa Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 320 trang, gồm 3 phần : Hoàn cảnh lịch sử, thân thế sự nghiệp, trích dịch tác phẩm với hình ảnh và thủ bút của Lương Khải Siêu, một nhà đại cách-mạng Trung-Hoa. Giá 390đ.

— Quê tôi đặc san do Ban Nghiên cứu văn hóa, Hội Hưng Yên tương tế biên soạn và gửi tặng. Đặc san dày 176 trang gồm những bài về địa lý, lịch sử, danh nhân, phong tục, giai thoại văn chương v.v... tại Hưng Yên.

— Tiếng gọi thầm tập truyện của Doãn Dân, do Tân Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 4 truyện đặc sắc của nhà văn quân đội vừa từ trần. Giá nhất định 80đ.

— Hạnh phúc có thật Tập thơ của Huy Lực do Tao Đàn xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 4 của tác giả dày 34 trang, in trên giấy croquis nền «Hoa bướm», trình bày đẹp.

— Đời như một khúc nhạc buồn tập thơ của Phạm Cao Hoàng do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách

dày 80 trang gồm 20 bài thơ của một nhà thơ quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa, trình bày trang nhã. Bản đặc biệt.

— Thần thoại Quyền Ba (C) tuyển tập văn chương Nhi đồng do Doãn Quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật Sáng Tao xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 184 trang trình bày thần thoại Nhật bản, Đại dương châu, Hy Lạp, Bắc Âu. Bản đặc biệt.

— Là loài chim khóc ai tập thơ của Thanh Quang do văn hóa Đại đạo Hồng môn ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 2 phần : Mèo và người và Thế giới mèo trong tâm gồm hơn 90 bài thơ và 2 phụ bản tranh cò. Bản đặc biệt. Giá 300đ.

Sách mới

Chúng tôi vừa nhận được, do L.M. Trương-Bá-Cần, Chủ nhiệm tập san «Chọn», gửi tặng các số báo 15, 16, 17 đặc biệt ấn hành dưới hình thức mỗi số là 1 cuốn sách với các tựa đề như sau :

— Một bài học cho công nhân và nghiệp đoàn : Vụ Pin con Ó gồm các bài của Nguyễn ngọc Lan, Vũ xuân Hiếu, Hồ ngọc Nhuận, Phan khắc Từ, Trương Bá Cần, Huỳnh Công Minh và các công nhân tranh đấu. Sách dày 112 trang. Giá 100đ.

— Công giáo kháng chiến Nam bộ 1945 — 1954 hồi ký của Lê Tiền Giang. Sách dày 80 trang. Giá 100đ.

— Tủ của chế độ ký sự của Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ và Trần Thế Luân. Sách dày 136 trang. Giá 140đ.

Xin trân trọng cảm ơn L.M Trương Bá Cần và xin giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

Phong tỏa Bắc-Việt và tương quan Nga-Tàu

Ngày 29 tháng 3 Bắc-Việt phóng 120.000 quân vượt qua vĩ tuyến 17 đánh vào nhiều phòng tuyến của Việt nam Cộng hòa. Nhiều nhà phân tích đồng ý rằng Bắc Việt đã lợi dụng được yếu tố bất ngờ. Trước đây người ta đã dự liệu rằng Bắc Việt chỉ đại tấn công sau ngày 1 tháng 7, khi mà quân lực Hoa kỳ ở miền Nam rút xuống chỉ còn 49.000 người, trong khi nội bộ Hoa kỳ vướng mắc vào cuộc tranh cử Tổng thống và nhất là khi ông Nixon không còn được rộng đường dùng quyền lực để đối phó với Bắc Việt như tình thế đòi hỏi. Yếu tố bất ngờ này đã giúp cho Bắc Việt tung ra những quả đánh thép (nói theo giọng Võ Nguyên Giáp) và thắng điểm trong bốn tuần đầu.

Nhưng chỉ hai tuần tiếp theo đó, Hoa kỳ cũng tung ra bốn biện pháp còn bất ngờ hơn : rào thủy lôi bầy cửa bể lớn của Bắc Việt, quân lực Hoa-Kỳ kiểm soát chặt chẽ hải phận Bắc Việt để chặn đứng việc tiếp tế và chuyển vận khí giới, cắt đứt hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ và đường sông trên toàn lãnh thổ Bắc Việt, máy bay và tàu chiến Hoa kỳ đánh phá mọi mục tiêu quân sự trên khắp Bắc Việt. Một lực lượng không quân và hải quân mạnh hơn bao giờ hết với trên một ngàn máy

bay chiến đấu oanh tạc trong số đó có 140 máy bay B52 và sáu mươi chiến hạm, trong số có sáu hàng không mẫu hạm, đã được biệt phái để làm tròn sứ mạng đã chỉ rõ. Trước những biện pháp mạnh bất ngờ này, cả Liên-Xô và Trung Cộng đều ra tuyên bố nghiêm khắc lên án Hoa kỳ. Cả hai cùng cam kết tiếp tục viện trợ cho Bắc Việt để "đánh đến cùng, đánh đến thắng". Nhưng cả hai đều chưa có hành động cụ thể nào để thực hiện lời hứa đó. Liên Xô còn 11 tàu nằm lại ở bến Hải Phòng và 2 tàu nằm lại ở bến Cẩm Phả.

Trung Cộng còn 2 tàu neo lại ở Bến Thủy, tất cả đều không dám ra vì sợ trúng thủy lôi. Một hạm đội nhỏ của Liên Xô trên đường đi vào Vịnh Bắc Việt đã ngừng lại ở ngoài khơi đảo Hải-Nam để tránh đụng độ với Hạm đội thứ 7 của Hoa kỳ. Đã thế, cuộc sang thăm Mạc-tư-khoa của Nixon vẫn tiến hành êm đẹp. Lễ tiếp đón có đầy đủ các nghi thức đã dự liệu và các cuộc thảo luận giữa các nhà lãnh đạo Liên-Xô và Hoa Kỳ tuần tự diễn ra theo đúng chương trình đã định. Về phía Trung Cộng, giới lãnh tụ cũng tỏ ra bình tĩnh không kém. Rõ rệt là cả hai đại cường Cộng-sản này đều không muốn phiêu lưu vào một cuộc chiến mà họ chưa sửa soạn để đương đầu với Hoa-kỳ là một

nước đã lâm chiến và đang mở hết máy đề rút ra.

Hai đường Hữu Nghị cùng đứt

Cho tới trước ngày bị phong tỏa, Bắc Việt nhận chiến cụ do các nước Cộng-sản cung cấp bằng hai đường cùng mang tên Hữu Nghị. Đường thứ nhất là đường sắt, từ Mạc-tư-khoa xuyên Sibêri, sang Bắc Kinh, qua Lạng Sơn tới Hà Nội và nối liền với đường sắt xuyên Việt cũ vào tới Vinh. Đường sắt này, cùng với toàn bộ đường sắt của Bắc Việt được Trung Cộng lập giúp ngay sau lần đình chiến 1954 do thỏa hiệp về đường sắt giữa Bắc Kinh và Hà Nội ký kết vào tháng 12 năm 1954. Lễ đường sắt thông ải Nam Quan (Lạng Sơn) được cử hành rất long trọng vào giữa 1955. Từ đó đường này được đặt tên là «Hữu Nghị Liên Vân Quốc Tế».

Sang đầu thập niên 60 việc dùng đường sắt Hữu Nghị này để tiếp tế cho Bắc Việt bắt đầu gặp những trở ngại nhỏ do cuộc xung đột giữa Trung Cộng và Liên Xô. Tới đầu 1964, khi cuộc xung đột này trở nên gay gắt hơn, thì Bắc Việt cũng bắt đầu xa dần đường lối của Trung Cộng để được Liên-Xô viện trợ cho cuộc xâm lược miền Nam. Đến năm 1966, Trung Cộng làm Đại Cách-mạng Văn-hóa Vô sản, diệt trừ hết những lãnh tụ bị coi là có khuynh hướng thân Liên-Xô, thì Mạc-tư-khoa hết dùng được đường sắt Hữu Nghị để cung cấp chiến cụ cho Bắc

Việt. Liên Xô tổ cáo Trung Cộng ngăn chặn và thò phỉ các vật liệu, lương thực và chiến cụ của Liên Xô gửi cho Bắc Việt bằng đường sắt này. Tháng 12 năm 1966, Liên Xô mở đường tiếp tế riêng cho Bắc Việt bằng tàu thủy, nối liền Hải-xâm-uy (Vladivostok) với Hải Phòng. Lễ khánh thành được cử hành khi chiếc tàu của Liên Xô mang tên Smirdrov cập bến Hải Phòng. Đường tiếp tế này được Mạc-tư-khoa và Hà Nội đồng ý đặt tên là «Nhịp Cầu Hữu Nghị».

Theo đài phát thanh «Hòa bình và Tiến bộ» của Liên Xô nói bằng tiếng Tàu thì cho tới tháng 12-1971, «Nhịp Cầu Hữu Nghị» này gồm 24 tàu vận tải thuộc Phòng Thương thuyền Viễn Đông của Liên Xô đảm bảo chuyên chở. Thêm vào đó, còn một số tàu vận tải thuộc Phòng Thương thuyền Hắc Hải ở cảng Odessa tăng cường để đáp ứng nhu cầu chiến tranh xâm lược miền Nam và xây dựng lại miền Bắc. Lý do của việc lập «Nhịp Cầu Hữu Nghị» được đài phát thanh Hòa bình và Tiến bộ, trong buổi truyền thanh ngày 26 tháng 12-1971 được Liên Xô nhắc lại nguyên văn như sau :

«Nhịp Cầu Hữu Nghị giữa Liên Xô và Việt Nam (BV) được lập từ khi các lãnh tụ Trung Quốc từ chối thống nhất hành động với Liên Xô trong công cuộc hỗ trợ nhân dân VN chống Mỹ xâm lược. Các lãnh tụ Bắc Kinh đã dùng nhiều thủ đoạn để ngăn cản việc chuyển vận chiến cụ cùng nhiều vật dụng khác của Liên Xô cung cấp

cho Việt-Nam (BV) xuyên qua lãnh thổ Trung Quốc. Các đoàn xe chất đầy đồ tiếp viện đã bị giữ lại vô thời hạn tại các trạm xe lửa của Trung Quốc, và dưới sự dung dưỡng của những giới có thẩm quyền của Trung Quốc, những đoàn xe đã bị thò phỉ hết. Do đó nhân dân Việt Nam đã không thể nhận được những tiếp viện quân sự trọng yếu. Hành động này của những giới có thẩm quyền của Trung Quốc nhằm mục đích bôi nhọ chính sách quốc tế của Liên Xô đang làm cho Việt Nam (Bắc Việt) phải tách rời khỏi người bạn trung thành và đồng minh đặc lực là Liên Xô.»

Mặc dầu có lời tố cáo này của Liên Xô, các nguồn tin có thẩm quyền của Hoa Kỳ cho biết rằng, trong những tháng vừa qua, 25 phần 100 tổng số nhập cảng của Bắc Việt đã được đưa vào do các ngã đường qua biên giới Trung Cộng, nhất là bằng đường sắt. Chiến cụ nặng của Liên Xô cung cấp cho Bắc Việt như xe tăng, đại bác hỏa tiễn SAM đều được đưa vào bằng đường sắt xuyên qua lãnh thổ Trung Cộng. Bởi vậy, với các biện pháp ngày 8 tháng 5 vừa qua, Hoa Kỳ phá hủy và ngăn chặn tất cả mọi đường tiếp vận từ bên ngoài vào Bắc Việt.

Những điều kiện để thống nhất hành động

Một số các nhà quan sát cho rằng các biện pháp của Hoa Kỳ phong tỏa Bắc Việt quá chặt chẽ, đánh phá các hệ thống giao thông thủy bộ và kho chứa quá dữ dội có

thể làm cho Liên Xô và Trung Cộng xích lại gần nhau để hợp sức cứu Bắc Việt. Vấn đề đặt ra thoát nghe có vẻ hữu lý. Nhưng nếu xem xét lại từ chỗ bắt đầu, người ta nhận thấy ngay rằng kẻ đưa đề nghị thống nhất hành động giúp Bắc Việt xâm lược miền Nam chính là Liên Xô. Nếu quả thật Đại sứ Liên Xô ở Bắc Kinh, ông Tolstikov đã được yết kiến Chu Ân Lai hoặc Cơ Bằng Phi đề xin cho Liên Xô được chuyển chiến cụ cho Bắc Việt qua các cửa bề và hệ thống giao thông phụ của Trung Cộng ở Hoa Nam, thì chắc chắn là viên đại sứ này đã được mời trả giá.

Kẻ đứng bầu chủ cho Bắc Việt tiến đánh miền Nam từ 1964 đến nay không phải là Trung Cộng mà là Liên Xô. Càng đi sâu vào cuộc chiến tranh này, Bắc Việt càng xa rời đường lối của Trung Cộng. Từ 1966, Bắc Việt đã hiện nhiên dùng công thức chiến tranh chính quy với vũ khí hiện đại do Liên Xô chỉ đạo (1). Sự thất bại của Bắc Việt trong cuộc xâm lược miền Nam bằng vũ lực chính là sự thất bại của đường lối do Liên Xô đề xướng gọi là "giải phóng các dân tộc nhược tiểu khỏi ách đế quốc". Trong trường hợp này Trung Cộng càng có nhiều triển vọng hơn để tiến tới nắm trọn quyền lãnh đạo thế giới thứ ba đang lập quốc tế vô sản kiểu Tàu. Miễn là Hoa Kỳ và VNCH đứng tiến quá xa khiến cho Trung Cộng cảm thấy an ninh của mình bị đe dọa, thì Trung Cộng có lẽ không mong gì hơn là được thấy Liên Xô khuyến khích Bắc Việt bỏ cuộc.

Như vậy lời cáo giác của Trung Cộng từ bao lâu nay được chứng minh: «bọn đế quốc xã hội chủ nghĩa xét lại Liên Xô bán rẻ quyền lợi của các dân tộc Đông Dương cho đế quốc tư bản Mỹ». Dù thất bại trong công cuộc xâm lược miền Nam, Bắc Việt vẫn còn đó chớ không dọn nhà đi đâu được nhưng nhân lực, tài lực, vật lực kiệt quệ, tinh thần sa sút hơn bao giờ hết. Trong hoàn cảnh đó Bắc Việt chỉ còn có thể dựa vào Bắc Kinh để tồn tại và như vậy càng phải lệ thuộc lâu dài vào Bắc Kinh.

Mặt khác nếu Bộ trưởng Bộ Giao thông của Bắc Việt là tướng Phan Trọng Tuệ, có mặt ở Bắc-Kinh cho tới hạ tuần tháng này, dám bạo phổi xin cho Bắc-Việt được đón nhận viện trợ của Liên-Xô qua các cửa bễ Trung-Cộng ở Hoa Nam thì viên Bộ trưởng này cũng được Bắc-Kinh mời trả giá. Có lẽ cái giá mà Mao và Chu đòi hỏi ở Bắc-Việt cũng không cao lắm. Bắc Kinh chỉ cần các lãnh tụ của Hà-nội noi gương các đồng chí ở Albani mà lên án «liên minh thân thánh Xô-Mỹ» đừng có đường trở đầu về núi với Mao Chủ tịch.

Trong các mối tương quan giữa Trung Cộng và Liên Xô, Bắc Việt chỉ là một vấn đề nhỏ trong nhiều vấn đề lớn mà vấn đề chính yếu là vòng đai thép của Liên Xô bao vây Trung Cộng. Điều phức tạp nhất là từ 1960 cho đến nay Liên Xô ở vào thế bất đắc dĩ phải bao vây Trung Cộng. Ngược lại, trong khi bị bao vây Trung Cộng lại luôn luôn giữ thế chủ

động tấn công Liên Xô ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Liên Xô biết rõ mỗi hiểm họa sẽ phải gánh chịu nên nhượng bộ Trung Cộng một bước. Chỉ một bước lùi của Mạc-tư-khoa đối với Bắc Kinh cũng đủ làm một sức đẩy cho khối chư hầu Đông Âu mau đi tới tan vỡ, kéo theo những rối loạn ngay trong nội bộ chính quốc Liên Xô. Chẳng những Trung Cộng có đồng minh trong tất cả các đảng Cộng sản và công nhân trên khắp năm châu Âu, Á, Phi, Mỹ latin và Úc, mà ngay trong nội bộ Liên Xô cũng còn có những khuynh hướng muốn tìm cách thỏa hiệp với Bắc Kinh. Phe Stalinít vẫn còn mai phục khắp nơi, nay lại thêm những môn đệ của Suslov, lý thuyết gia xuất sắc nhất vừa bị loại khỏi trung tâm quyền lực vì sai lầm tả khuynh chống thỏa hiệp Xô-Mỹ.

Hiệu quả giới hạn của phong tỏa

Cho tới nay các giới có thẩm quyền của Liên Xô cũng như của Trung Cộng và ngay cả một số giới chức Hoa Kỳ cũng đều cho rằng bốn biện pháp của Nixon áp dụng tại Bắc Việt chỉ có hiệu quả sau từ ba đến sáu tháng. Người ta nói rằng Bắc Việt đã tích trữ đủ dùng tại chỗ, nghĩa là ngay tại chiến trường miền Nam.

Cố vấn Hoa kỳ J.P. Vann của Quân khu II nói rằng quân Bắc Việt đã tích lũy chiến cụ đạn dược cho chiến trường này ít nhất từ hai hoặc ba năm qua. Cho rằng điều này đúng thì nó cũng cần được hiểu

khác nhau từ hai phía. Đối với phía Cộng sản thì đó là lời trấn an để tiếp tục đánh tới và dứt điểm nội ba hoặc sáu tháng và đối với phía chống Cộng thì đó là lời kích thích phải tự lực chiến đấu để có thể tồn tại ít nhất trong ba tháng. Nhưng trong và sau thời gian đó thì Liên Xô và Trung Cộng phải làm và có thể làm những gì giúp Bắc Việt để giữ vững hoặc tranh đoạt ảnh hưởng? (Ước tính đến tiến hành động của Hoa kỳ không thuộc phạm vi bài này).

Về phía Liên Xô, chiều hướng chính sách hiện nay cho thấy là Mạc tư khoa muốn giải vây cho Bắc Việt bằng đường lối thương lượng với Hoa-kỳ chứ không phải với Trung-Cộng. Sự nhân nhượng lẫn nhau về những vấn đề nào đó ở đâu đó, chẳng hạn như vấn đề lập một tình trạng quân bình cho toàn vùng Trung Đông hoặc cho toàn vùng Nam Á và Thái Bình Dương vốn thuộc những đề tài trong các cuộc thương lượng giữa Hoa-Kỳ và Liên Xô đã từ lâu và có phần hứa hẹn. Trong phạm vi những vấn đề thuộc loại này Liên Xô dễ dàng đi tới một thỏa hiệp với Hoa-Kỳ hơn là phải thương lượng về bất cứ một vấn đề nào với Bắc Kinh. Nếu Liên Xô làm được cho Hoa-Kỳ yên lòng mà chấp thuận cho hạm đội Liên Xô vào vớt mìn, hoặc hơn thế nữa làm cho Hoa-Kỳ tự hủy hàng rào thủy lôi, thì kết quả hiển nhiên là Bắc Việt chỉ có một bầu chủ là Liên Xô mà không có hai. Trong trường hợp

tàu biển Liên Xô lại ra vào được các cửa khẩu của Bắc Việt trong khi toàn bộ hệ thống đường sắt và đường bộ nối liền Bắc Việt với Trung-Cộng vẫn bị cắt đứt thì ảnh hưởng của Bắc Kinh đối với Hà-Nội không thể không sa sút.

Bắc Kinh hẳn phải biết rõ điều đó nhưng họ vẫn có quyền lựa chọn. Hoặc là họ chịu trả cho Hoa Kỳ một giá cao bằng hoặc cao hơn giá của Liên Xô, hoặc là để yên cho hai «đế quốc thỏa hiệp với nhau trên đầu các nước nhỏ». Trong chiều hướng chính sách hiện tại, có thể là Trung Cộng lựa chọn thái độ thứ hai. Và lại bề nào thì tất cả các cầu đường từ Bắc Việt sang Trung Cộng cũng bị phá rồi. Phải đợi sau mùa mưa lũ kéo dài từ tháng 7 đến tháng 9 Trung Cộng mới có dịp để đưa ngay hoặc đợi tới sang Xuân 1973, từ 50 đến 100.000 nhân công và thợ chuyên môn trở sang Bắc Việt một lần nữa để mau lẹ lập lại các hệ thống giao thông giữa hai nước theo đúng các thỏa hiệp cho tới nay vẫn còn nguyên vẹn giá trị. Nếu luận điệu này đúng thì Trung Cộng lại cần đốc thúc Hoa Kỳ phải đòi hỏi Liên Xô trả một giá thật cao mà trong đó Trung Cộng có phần chia. Điều đáng kể nhất trong phần chia này các lãnh tụ Bắc Kinh đã chỉ rõ từ lâu là «sự phản bội của đế quốc xã hội chủ nghĩa xét lại đối với phong trào giải phóng các dân tộc trên toàn thế giới».

Ông Lê Đức Thọ đã hoàn toàn đúng khi ngày 23 tháng 5 vừa qua nhắc lại lời tố cáo nói rằng Mỹ đang

dùng mọi thủ đoạn để phá hoại sự đoàn kết của các nước Cộng-sản. Nhưng lời tố cáo này chỉ đem lại ít, rất ít hiệu quả giúp Bắc Việt được khai thông. Nó sẽ chẳng có chút hiệu quả nào dù ông Lê Đức Thọ nhắc lại trăm lần đi nữa nếu nội ba tháng sắp tới quân đội Cộng-sản Bắc Việt ở miền Nam không thắng được một trận quyết định.

NHU PHONG
25-5-1972

(1) Báo chí và đài phát thanh Liên Xô

luôn luôn tự hào rằng quân đội Cộng sản Bắc Việt nhờ được Liên Xô trang bị và huấn luyện giúp cho nên đã giành được những thắng lợi to lớn trong chiến tranh chống Mỹ. Ngày 22 tháng 12-1971, đài phát thanh Mạc tư Khoa đã cho truyền thanh nhiều bài phóng sự dài nhân dịp kỷ niệm 27 năm thành lập Quân đội Nhân dân của Bắc Việt. Đặc phái viên của đài Mạc tư khoa tại Hà Nội à Stanislav Blazhenkov đã kể lại hàng loạt chiến công của bộ đội Bắc Việt nhờ Liên Xô mà có, kèm theo những lời tự thuật "rất biết ơn các bạn Liên Xô" của các cán bộ Bắc Việt như Trung úy Đỗ Huy Sáng, Trung sĩ Phạm Song An v.v.. thuộc các đơn vị "Tên lửa chống máy bay" của Hà Nội.

SÁCH SÁNG TẠO mới phát hành

- **THẦN THOẠI** (Nhật Bản, Đại Dương Châu, Hy Lạp, Bắc Âu) Doãn Quốc Sỹ sưu tập và dịch thuật
- **ĐỆ NHỊ THỂ CHIẾN VÀ CHIẾN TRANH LẠNH**
G.s. Nguyễn Mạnh Quang (tốt nghiệp Cao-học Đại-học-đường Ohio)

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Cuộc viếng thăm Nga-sô của T.T. Hoa-kỳ Richard Nixon

Ngày thứ bảy 19. 5. 1972 Tổng-thống Nixon đã cùng với phu nhân và một đoàn tùy tùng trên 30 người gồm có Ngoại trưởng William Rogers, Cố vấn Kissinger v...v... lên đường đi Mạc-tư-khoa. Ngoài ra 182 ký-giả Mỹ cũng được chỉ định tháp tùng Tổng-thống Hoa-kỳ. Khi phi cơ riêng của ông Nixon cất cánh, cả thế giới đã thở dài nhẹ nhõm. Điều mà người ta hằng lo ngại đã không xảy ra. Thật vậy, 53 ngày trước khi Hội-nghị thượng-đỉnh Nga-Mỹ mở màn, quân Bắc-Việt đã mở một cuộc tấn công đại qui mô ở Nam-Việt với vũ khí của Nga viện trợ. Và 14 ngày trước khi ông Nixon khởi đầu cuộc Nga du, chính phủ Hoa-kỳ đã ra lệnh thả mìn chung quanh lãnh thổ Bắc-Việt để ngăn chặn không cho tàu Nga chở vũ khí tới. Vì vậy mà các giới chính trị trên thế giới đã tỏ ra hết sức lo ngại trước viễn-tượng một cuộc đụng độ Nga-Mỹ trầm trọng đến độ cuộc Nga du của ông Nixon có thể bị phe này hay phe kia hủy bỏ.

Nhưng người ta lại lấy làm ngạc nhiên trước phản ứng ôn hòa của Nga, nhất là trước ý chí duy trì hội nghị thượng đỉnh của cả hai phe Nga và Mỹ. Vì cuộc Nga du của ông Nixon không bị hủy bỏ nên ai cũng cố gắng theo dõi diễn tiến của nó để so sánh với cuộc Hoa-du cách đây 3

tháng mà dự đoán sự thành công hay thất bại của hội-nghị thượng-đỉnh kẻ trên.

Một chuyến đi không hào hứng

Ngày 18-5-1972 bầu trời chính trị ở thủ-đô Hoa-thịnh-đốn đã trở nên sáng đẹp. Ông Henry Kissinger đã có thể tạm quên được việc quốc sự để đến dự tiệc sinh-nật một người bạn. Tiệc nửa chừng thì chuông điện thoại reo vang. Ở đầu dây bên kia Đại-sứ Nga-sô Anatole Dobrynin thân mật nói với ông Kissinger : "Henry, tôi có chút việc muốn nhờ anh. Tổng Bí-thư Brejnev vừa gửi sang một thông-điệp riêng cho Tổng-thống Nixon. Anh có cách nào cho tôi gặp Tổng-thống ngay đêm nay không ?"

Thế là ông Kissinger vội vã bỏ bàn tiệc ra về để cùng ông Dobrynin đến Camp David hội kiến với Tổng-thống Hoa-kỳ. Trong bản thông-điệp này, Brejnev đã ngỏ ý mong mọi Hội-nghị thành công và diệt-kẻ những vấn đề mà ông muốn thảo luận với Tổng-thống Hoa-kỳ. Thông-điệp này, được gửi cho ông Nixon 5 ngày trước khi ông lên đường, đã nói lên sự nôn nóng của các lãnh-tụ Nga mong chóng được gặp Tổng-thống Mỹ.

Cũng trong ngày 18-5 Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng-sản Nga-sô đã được triệu tập để nghe Tổng Bí-thư Brejnev phúc-trình về chính sách đối ngoại của Nga-sô. Vì tầm quan trọng của phiên họp nên các Ủy viên Trung ương đang công cán ở ngoại quốc cũng nhận được lệnh trở về Mạc-tư-khoa gấp. Sau nhiều giờ thảo-luận Ủy-ban đã đồng thanh ủng-hộ ông Brejnev đề tiếp tục mời ông Nixon sang Nga.

Đồng thời hãng Thông-tấn Tass của Nga cũng loan báo những điểm chính trong chương trình thăm viếng của Tổng-thống Nixon. Theo hãng Tass thì ông Nixon sẽ gặp Tổng Bí-thư Brejnev và Thủ-tướng Kossyguine vào các ngày 23, 24, 25 và 29-5. Hãng Tass cũng không quên bà Nixon, khi loan báo rằng Phu nhân Tổng-thống Mỹ sẽ là thượng khách của một tiệc trà do hai bà Brejnev và Kossyguine khoản đãi vào ngày 23-5.

Tại Nga, các công tác chuẩn bị dư luận về cuộc viếng thăm của ông Nixon cũng được xúc tiến một cách sâu rộng. Tại địa-phương, tại các xưởng máy, nhiều buổi học tập đã được tổ chức trong những ngày gần đây để nhấn mạnh rằng của cuộc Nga-du của ông Nixon là nền tảng chính-sách đối-ngoại của Nga.

Về phía Mỹ tuy người ta hy vọng rằng cuộc du hành không gặp trở ngại, nhưng từ Tổng-thống Nixon đến các ký-giả không mấy ai tỏ vẻ

hân hoan hay hồi hộp trước chuyến đi này. Thật vậy, đây là lần thứ 4 mà Tổng-thống Nixon tới Nga. Cách đây 13 năm ông đã từng sang thăm Nga-sô để dự Hội chợ Mạc-tư-khoa với tư cách Phó Tổng-thống. Tại gian hàng của Hoa-kỳ ông đã từng đấu lý với Krouchtchev về ưu điểm của chủ-nghĩa tư-bản. Sau khi rời khỏi chính quyền, ông cũng đã trở lại Nga-sô hai lần với tư cách riêng nhưng cũng đã gặp nhiều chính-khách Nga. Nếu đối với ông Nixon, sang Trung-hoa là một cuộc phiêu lưu sang đất địch, thì sang Nga-sô chỉ là một cuộc viếng thăm cố nhân sau nhiều năm lạnh nhạt mà thôi.

Đối với các ký giả, những di tích lịch-sử của Nga mà họ sẽ đi xem cùng với Tổng-thống Nixon thì họ đã quá quen biết. Không có một đền đài thắng cảnh nào còn bí hiểm như Vạn-lý trường-thành ở Hoa-lục nữa.

Ngoài ra trong bang giao Nga-Mỹ người ta thấy có quá nhiều điểm tương đồng nên dù Tổng-thống Nixon có đạt được những thỏa-hiệp gì chẳng nữa thì đó cũng không phải là những thành quả ngoại-giao quan trọng. Sau chuyến Hoa-du, chuyến Nga-du không còn là một chuyến đi hào hứng nữa.

Ngày 22-5 hồi 15 giờ (giờ địa-phương) Tổng-thống Nixon và phu nhân đã đặt chân trên đất Nga. Khi chiếc phi cơ riêng của ông đáp xuống phi-trường Vnukovo, ông bà Nixon đã tươi cười bước xuống. Lần này ông Nixon đã không dám vỗ tay «kiểu

Cộng-sản như khi ông tới Bắc-kinh nữa. Các lãnh-tụ Cộng-sản Nga dành cho ông một cuộc tiếp đón "kiểu Trung-Cộng" nghĩa là trịnh-trọng nhưng lạnh nhạt. Chủ-tịch nhà nước Nikolai Podgorny và Thủ-tướng Chính-phủ Alexi Kossyguine đã tiến tới chân thang máy bay để bắt tay ông Nixon. Tuy hai ông Nixon và Podgorny bắt tay nhau rất lâu và nói chuyện với nhau trong 20 giây, nhưng người ta thấy sự đón tiếp này khác hẳn với những sự đón tiếp mà chính phủ Nga thường dành cho các lãnh tụ nước bạn như Nasser, Fidel Castro v.. v... Người ta không thấy các ông Podgorny và Kossyguine trao đổi với ông Nixon những cái ôm hôn chặt chẽ theo phong tục Nga, như họ thường làm với các lãnh-tụ Á-Phi.

Podgorny phu nhân cũng có mặt tại phi-trường để đón bà Nixon và trao tặng bà này một bó hoa cầm-chương đỏ tượng trưng màu cờ Cộng-sản.

Sau đó hai ông Nixon và Podgorny duyệt qua đoàn quân danh dự và tiến ra phía đoàn xe đợi sẵn. Tổng-thống Nixon và Chủ-tịch Podgorny ngồi trên một chiếc xe hiệu Zil-117 bóng loáng, dài lê thê có 8 cặp lính cưỡi mô-tô hộ tống. Theo đúng nghi lễ của Nga, ngay sau xe của ông Nixon có 4 chiếc xe chở các viên chức Nga và Mỹ đi kèm theo. Bà Nixon chỉ được ngồi chiếc xe thứ 6 cùng với bà Podgorny. Và sau đó là 35 chiếc xe nối đuôi nhau chạy trên một khoảng đường dài 26 cây số.

Trái ngược với sự đón tiếp ở

Bắc-kinh trong sự thờ ơ của dân chúng, ông Nixon đã được 100.000 dân Nga cầm cờ Mỹ hoan hô trên khoảng đường từ phi-trường tới điện Kremlin.

Buổi lễ tiếp đón ông Nixon ở phi trường đã được trực tiếp truyền hình trên toàn lãnh thổ Nga và tại các nước Cộng sản Đông-Âu. Các báo chí Nga cũng dành trang đầu để viết về cuộc viếng thăm của Tổng-thống Hoa-kỳ với những hàng « tit » lớn chạy trên 8 cột.

Điều mà người ta chú ý tới nhiều nhất là sự vắng mặt của ông Brejnev tại phi-trường. Sự vắng mặt này chứng tỏ rằng ông Brejnev tự coi mình là nhân vật số 1 của Nga-sô nên đã xử sự như khi ở Bắc-kinh Mao-trạch Đông ngồi nhà đợi Nixon tới điện kiến. Nhưng, cũng như họ Mao, ông Brejnev rất nôn nóng gặp ông Nixon nên khi ông này vừa tới đã cho mời lại Văn-phòng Tổng Bí-thư để đàm đạo ngay. Cuộc đàm đạo đầu tiên giữa Brejnev và Nixon đã kéo dài tới 2 giờ đồng hồ, chỉ có sự chứng kiến của cố vấn Kissinger và một thông-dịch-viên mà thôi. Sau cuộc hội đàm này, ông Brejnev đã hân hoan tới dự ngay buổi dạ tiệc do Nhà nước Nga-sô khoản đãi ông bà Nixon và từ đây trở đi ông Brejnev không còn bắt chước họ Mao nữa.

Thường lệ, mỗi khi có quốc yến thì các báo chí đua nhau đăng tải thực đơn và liệt kê các thứ rượu. Nhưng trong buổi dạ tiệc ngày 22-5

ngoài việc đầu bếp điện Kremlin phải dùng tới 600 miếng bít-tết, mãi đến hôm nay người ta vẫn chưa biết ông Nixon đã ăn gì và uống những gì. Có lẽ vì Nga không phải là một nước nổi tiếng về ăn nhậu như Pháp và Tàu nên việc này là điều không đáng nói tới. Có lẽ cũng vì phong tục Nga không cho phép nhà báo tới dự kiến quan khách dùng cơm, nên người ta chỉ còn chờ phái đoàn Mỹ trở về mới biết được thêm chi tiết.

Gặp nhau không chán

Vì ngày 22 ông Nixon tới Mạc-tư-khoa hơi muộn, nên cho đến tận sáng hôm 23, người ta mới bắt đầu làm việc thực sự. Một phiên họp khoáng-đại đã được triệu-tập tại sảnh đường Catherine, trong một phòng hội rộng lớn. Phòng hội này vào thế-kỷ thứ 17 thường được dùng làm nơi Nữ Đại-đế Catherine (Catherine la Grande) thiết đại-triều. Vì bây giờ Nga không còn là nước quân-chủ nữa nên chính thềm Cộng sản Nga đã dẹp ngai vàng của Catherine vào viện bảo-tàng nhưng cách trần thiết trong phòng vẫn được giữ nguyên như cũ. Trên trần 11 bộ đèn trùm (lustres) mạ vàng vĩ đại, tỏa ánh sáng qua các bóng đèn bằng pha-lê trong vắt. Thay vì là ngai vàng, người ta đã kê trong phòng một chiếc bàn dài 14 thước, phủ khăn màu mỡ gà, thay vì màu xanh lá cây như theo thông-lệ ngoại-giao. Dọc hai bên bàn hai dãy ghế bành trạm trổ vàng son, di tích của thời Nga-hoàng, cũng được bày sẵn

đội hai phái đoàn tới an tọa. Trước giờ họp, ông Brejnev đã cùng với hai ông Podgorny và Kossyguine tới phòng họp để cẩn thận xem lại cách bày biện và trang hoàng.

Khi chiếc đồng hồ vàng trong sảnh đường Catherine điểm 11 tiếng, dưới sự hướng dẫn của ông Brejnev phái đoàn Nga-sô gồm có các ông Podgorny, Kossyguine, Gromyko v...v... bước vào phòng họp. Hai phút sau, ông Nixon cũng hướng dẫn phái đoàn Mỹ tới. Về phía Mỹ người ta thấy các ông Rogers, Kissinger, Hillebrand v...v... Chủ và khách niềm nở bắt tay và ngồi vào hai hàng ghế đã đặt sẵn. Ông Nixon ngồi đối diện ông Brejnev. Các vị phụ tá của hai bên cũng tùy theo thứ tự, đẳng-cấp ngồi hai bên hai vị Trưởng phái-đoàn. Ông Podgorny tỏ vẻ lịch thiệp cầm chiếc hộp vàng đựng thuốc lá mời ông Nixon và nói: "Đây là thuốc lá do vùng Ukraine sản xuất, không đến nỗi tệ lắm đâu". Ông Nixon chỉ cầm hộp lên mỉm cười rồi lại đặt xuống và người ta không thấy viên chức Mỹ nào hút thuốc Nga cả.

Sau khi đề cho các nhiếp-ảnh-viên và đoàn quay phim cho đài truyền-hình hoạt động 5 phút, người ta đã mời các ký - giả ra ngoài và đóng cửa họp mật. Cuộc hội đàm này đã kéo dài tới giờ dùng cơm trưa.

Đặc biệt là trong ngày thứ hai của cuộc viếng thăm, ông Brejnev và ông Nixon gặp nhau không chán.

Vừa rời phòng họp ăn cơm trưa xong, ông Brejnev lại lôi ông Nixon vào phòng đóng kín cửa nói chuyện riêng từ 2 giờ tới 4 giờ chiều. Sau đó ông Brejnev lại đưa ông Nixon tới cung Vladimir để ký 2 thỏa ước. Tại cung Vladimir, nơi trú ngụ của Nga-hoàng Vladimir vào thế-kỷ thứ 15, ông Nixon đã cùng với ông Podgorny ký thỏa ước hợp tác để cải thiện hoàn-cảnh sinh-hoạt (environment). Sau đó ông William Rogers cũng ký với Bộ-trưởng Y-tế Nga Boris Petrovsky một thỏa-ước hợp tác trong ngành nghiên-cứu trị-liệu các chứng bệnh đau tim và ung thư.

Để mừng hai thỏa-ước này, một tiệc xâm banh đã được tổ chức ngay trong phòng ký thỏa-ước. Người ta thấy ông Brejnev vui vẻ trò chuyện, vung tay làm đồ cả một ly xâm banh ra quần. Trong khi một cô chiêu-dãi-viên lấy khăn thêu ra lau cho ông, Brejnev vẫn không ngắt chuyện trò với Nixon.

Sau khi cùng với Nixon cùng ly, người ta thấy Brejnev đột nhiên đưa tay ôm lấy vai Tổng-thống Hoa-kỳ kéo vào phòng riêng nói chuyện nữa. Cuộc mật đàm này không được dự trù trong chương-trình nên bà Nixon ngồi đợi chồng về ăn cơm tại Dinh Quốc-khách mà không thấy chồng về. Sau đó ông Nixon phải gọi điện-thoại cho vợ yêu cầu ăn cơm trước vì ông còn phải ở lại ăn cơm với Tổng Bí-thư Brejnev.

Trong khi ông Nixon bận mớ

mắt hết hội nghị, lại mật đàm, hết mật đàm lại đến ký thỏa-ước, thì Bà Nixon cũng bận rộn không kém. Bà được mời đi thăm đường xe điện hăm ở Mạc-tư-khoa. Hệ-thống xe điện hăm ở Mạc-tư-khoa là một niềm kiêu hãnh của người dân Nga. Thật vậy các đường hăm đều lát đá cẩm-thạch, chính Krouchtchev cũng đã góp phần vào việc thiết lập hệ thống này. Bà Nixon đã tỏ ý thán phục rằng đây là loại xe điện đi nhanh nhất mà bà đã từng sử dụng. Trong ngày 23, Bà Nixon cũng đã đi thăm một trường Trung-học, đi thăm các phòng của Điện Kremlin, dùng trà với bà Brejnev. Bà Brejnev luôn luôn có mặt bên cạnh bà Nixon trong các cuộc viếng thăm này. Bà Nixon, bị báo chí bao vây, đã luôn luôn luôn vui vẻ trả lời các câu hỏi, trong khi Bà Brejnev không « chịu chơi » bằng bà Nixon, nên đã tỏ vẻ khó chịu khi bị ký giả Mỹ phỏng vấn. Tuy vậy bà cũng cố gắng trả lời nhà báo rằng nếu được mời, bà sẽ sang thăm Hoa-kỳ.

Ngày hôm 24, chương trình hoạt động của bà Nixon cũng nặng nề không kém. Bà được đưa đi thăm các cửa hàng, thăm trường Đại-học Khoa-học. Bà tiết lộ cho báo chí biết rằng cả ngày bà chẳng có lúc nào gặp Tổng-thống, vì luôn luôn ông Nixon bị giữ lại trò chuyện với ông Brejnev.

Ngày 24, hồi 9 giờ 45, Tổng-thống Nixon đến « Mồ Chiến sĩ vô danh » ở chân thành Điện Kremlin để đặt một vòng hoa hồng cao hai thước. Sau đó ông đã cùng Brejnev tới cung

Catherine họp một phiên khoáng đại thứ hai. Vào buổi chiều, lúc sáu giờ hai phái đoàn lại trở lại cung Vladimir ký thêm hai thỏa-ước nữa, một về hợp tác nghiên-cứu không gian và một về hợp-tác kỹ-thuật. Ông Brejnev càng ngày càng tỏ ra vui vẻ. Sau lễ ký kết, ông đã mang ly xâm-banh đến cung ly với từng người Mỹ hiện diện. Đặc biệt nhất là khi cung ly với Thiếu-tá Thủy-quân lục chiến John Brennan, cận vệ của ông Nixon, ông Brejnev đã đứng ngắm nghía hồi lâu những huy-chương mà viên Thiếu-tá này đoạt được nhờ những chiến-công ở Việt-Nam. Sau buổi lễ người ta lại thấy ông Brejnev quàng vai ông Nixon đưa ra xe. Buổi tối hôm đó, các ông Brejnev Kossiguine và Podgorny đã rủ các ông Nixon, Rogers và Kissinger tới căn biệt thự cũ của Krouchtchev ở vùng ngoại ô Mạc-tư-khoa để thảo luận cho yên tĩnh hơn. Tại đây cả 6 người đã dùng cơm chiều trên một chiếc du thuyền đi lơ lửng trên mặt hồ. Cuộc hội đàm này đã kéo dài đến 12 giờ đêm.

Trong ngày thứ tư của cuộc viếng thăm, một hiệp-ước về hải quân lại được ký kết để tránh cho hải quân của hai bên khỏi đụng độ với nhau trên mặt biển.

Sau 4 ngày đầu với 5 thỏa ước được ký kết người ta bước vào một giai đoạn mới gay go hơn vì đề cập tới những vấn đề mà hai bên ít điềm tương đồng hơn. Vì vậy hai thỏa ước quan trọng nhất là thỏa ước

thương mại và thỏa ước hạn chế vũ khí nguyên tử gặp nhiều trở ngại.

Trước hết là những trở ngại trong hiệp ước thương mại. Hoa-kỳ muốn rằng trước khi cộng tác với Nga trong ngành thương mại, Nga phải trả cho Mỹ không những 11 tỷ Mỹ-kim nợ trong kỳ đệ-nhi thế-chiến mà còn phải trả cả món 75 triệu Mỹ-kim mà Nga-hoàng đã vay của Mỹ trước Cách-mạng 1917 bùng nổ. Vì Nga chỉ bằng lòng trả có 200 triệu Mỹ kim nên thỏa ước thương mại chưa được ký kết.

Thỏa ước hạn chế vũ khí chiến lược cũng bị chậm vì Mỹ muốn nối liền hai thỏa ước thương mại và vũ khí với nhau. Do đó việc ký kết thỏa ước hạn chế vũ khí được dự trù vào hôm thứ sáu 26 đã bị hoãn lại. Tuy nhiên vì muốn cho Hội nghị thượng đỉnh có vẻ thành công, cả hai bên đã cố gắng ký thỏa-ước này vào sáng thứ bảy 27-5. trước khi ông Nixon lên đường đi thăm Le-ningrad.

oOo

Màn một của chuyến Nga du đã chấm dứt, khi ông Nixon cùng đoàn tùy tùng lên đường đi thăm các đô-thị Nga. Hiện thời người ta chưa rõ Hội-nghị thượng-đỉnh Mạc-tư-khoa trong 6 ngày đã lượm được những kết quả gì. 6 thỏa ước liên tiếp được ký kết, hàng chục giờ đồng hồ hội đàm tay đôi hay khoáng đại, một bầu không khí vui vẻ và cởi mở đã là những bước đầu tiên

trong việc nối lại nhịp cầu thông cảm giữa hai cường quốc lớn nhất thế giới. Nếu vì lý do tranh cử mà ông Nixon muốn thực hiện cuộc Nga-du thì vì muốn củng cố địa vị cá nhân mà ông Brejnev cũng muốn có cuộc viếng thăm này. Nhận xét của một nhà ngoại giao Nga tại Hoa-thịnh-đốn

đã nói lên tầm quan trọng mà các lãnh-tụ Nga đặt vào chuyến đi của ông Nixon : « Hoa-kỳ nhờ vào mặt mình, mà mình vẫn phải đón tiếp Tổng-thống Nixon ».

TỪ MINH

27-5-72

Sách Mùa Thu

BÙI GIẢNG
GIẢNG GIẢI THI CA VIỆT
(Thơ xưa và nay)

Sách viết kỹ lưỡng, thiên về giáo khoa

Đã phát hành : LỜI CỔ QUẬN (An Tiêm)
CON ĐƯỜNG NGÃ BA (An Tiêm)
Sắp phát hành : LỄ HỘI THÁNG BA — LÁ CÂY THÁNG BA

ASPRO



trị :

**CÁM CÚM
ĐAU NHỨC**

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. T&P-TR

KN 226.BYT

HỘP THƠ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Trần Dza Lữ (thơ), Hồ Khê Bạc (thơ), Nhã Nam (thơ), Thiện Sơn (Khoa-học-gia và kỹ sư Họa-kỹ), Huỳnh Uyên Trang (thơ), Thượng Thuật (thơ), Nguyễn Hoàng Thu (thơ), Trần Vạn Giã (thơ), Đặng Vĩnh Chánh (thơ), Trương Văn Ngọc (thơ), Bùi Tuấn Kiệt (thơ), Phạm Nga (Nỗi thèm muốn giữa giòong), Phạm Ngọc Lư (Tình hoài, thơ) Trịnh Khả Nguyên (Như cánh vạc bay), Phạm Trương Ly (thơ) Ptt. Hồng (thơ), Bùi Nguyễn Dương Thanh (thơ), Phạm Hồ (thơ), Lê Nguyên Ngữ (thơ), Hà Vũ Giang Châu (thơ), Hữu Phúc (thơ) Phạm Lỗi Chi (thơ), Hồng Lạp (thơ), Vũ Huyền Phương (thơ), Trần Châu Kỳ (Mười ba ngày trong trại nhập ngũ số 2), Trần Mai Hoạt (thơ), Luân Vũ (thơ), P. Trinh Nguyên (thơ), Nguyễn Triều Kha (Mùa tại một nơi có đông), Nguyễn đình Chiến (thơ), Nguyễn Tiến Cung (Nỗi thống khổ và tiếng kêu), Quách Nhân (thơ), Ngô Hát Tuyển (thơ), Phạm đình Chương (thơ), Bùi Nhung (thơ), Phạm Duy Thoại (thơ), Ngô Cang (thơ), Chu Vương Miện (thơ), Hoàng Chu Ân (Trong vườn), Thiện Thư (thơ) Hoàng An Hậu (thơ) Nguyễn Đức Nhân (thơ), Nguyễn Đình Chiến (Hoa giấy; Quảng đời), Tổ Diễm (thơ), Thiên Cu (Những đồng bạc chì), Hàn Nhân (thơ), Chung Tử (thái; Cuộc tình dang dở của Phạm Thái), Trần Thuật Ngữ (thơ) Trần Nam (thơ) Đặng Xuân Hùng (thơ),

Nguyễn Vinh Trường (Vài cảm nghĩ khi nghe chương trình phát thanh Thanh - niên sáng ngày 4-4-1972), Trầm Thụy Du (thơ), Nguyễn Nhật Ánh (thơ), Phạm Hy (thơ), Bùi Bá Bổng (thơ), Võ Văn Lê (thơ) Lê Văn Trung (thơ), Phan Phụng Thạch (thơ) Nguyễn Miên Thượng (thơ): Đoàn Khánh (thơ) Huỳnh Kim Sơn (thơ) Phạm Nhân Hà (thơ).

Những bài được lựa đăng, chúng tôi sẽ liên lạc bằng thư riêng hoặc sẽ nhắn tin trên các số Bách-Khoa tới đây.

— *Trần Hoài Thư* : Sẽ đăng "Bóng Tháp" và "Đêm Bão" trên những số tới. Mong anh cho biết địa chỉ hiện tại của anh.

NHẮN TIN

Ô.Ô. Trần Hữu Ngũ, Trần Hữu Lục, Trần Hoài Thư, Đỗ Nghê, Hồ Thanh Ngạn, Hồ thủy Giũ, Lê Ký Thương, Võ Văn Khanh, Lữ Kiềm, Châu Văn Thuận, Nguyễn Minh.

Không hội đủ điều-kiện đã dự thảo trong hai lá thư trước, kế hoạch ấy phải đình lại. Xin thông báo các anh rõ.

LỮ QUỲNH

SÁCH MỚI

— Con Yêu tinh trên tàu Long Vương tập truyện dịch, do Nam Bằng tuyển dịch, « Mới » xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 196 trang gồm 5 truyện ngắn yêu ma của 5 tác giả ngoại quốc. Giá 280đ.

— Vườn Thúy nguyên tác « Nguyệt mãn Tây lâu » của Quỳnh Dao, bản dịch của Hoàng Diễm Khanh, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 148 trang, có hình ảnh và thủ bút của Quỳnh Dao. Giá 190đ.

Giáo-dục là một sự đầu tư cần được quản-trị và kế-hoạch-hóa

CĂN BẢN KINH-TẾ-HỌC CỦA GIÁO-DỤC

(tiếp theo BK số 369)

Một vài huyền thoại về giáo-dục

Chúng ta nhận tầm quan-trọng của giáo-dục trong sự phát-triển quốc-gia. Đầu tư giáo-dục là một việc phải làm. Sự tiến-triển của giáo-dục phải song-song với sự khai-phát của kinh-tế. Nhưng chúng ta cũng cần phải hiểu một cách rõ ràng rằng sự phát-triển phải có đường lối, phải hợp lý và phải đi sát với thực-tế của nước nhà.

Có những sự thực mà ta cần biết rõ để khỏi thất vọng rồi mất tin-tưởng mai sau. Trong phạm-vi của bài này, tôi không thể kể hết được những bài học kinh-nghiệm có thể rút ra ở lịch-sử cận-đại của các nước cùng một tình-trạng như ta. Tôi nghĩ rằng chúng ta cần học hỏi ở những quốc-gia đang phát-triển ở Á-châu và Phi-châu nhiều hơn là ở các nước tiến-bộ Âu-Mỹ. Tôi cũng cần nói thêm rằng ở đây, tôi chỉ xét về hiệu-năng của giáo-dục theo phương-diện kinh-tế mà thôi. Những phương-diện xã-hội, văn-hóa được tạm đề ra ngoài, mặc dầu chúng ta đều biết rằng các khía-cạnh liên-quan với nhau một cách vô-cùng phức-tạp. Hai quan-niệm sai lầm, dựa trên hai cái huyền-thoại của thời xưa để lại, cần được vạch ra

trước khi đi vào vấn-đề xây dựng :

1) Cần xét lại vấn-đề *cưỡng-bách giáo-dục tiểu-học và văn-đề mù chữ* về phương-diện phát triển kinh-tế-xã-hội.

Sự *cưỡng-bách* giáo-dục ở tiểu-học là một bước đường phải đi đối với thể-hệ trẻ, đó là cái chìa khóa của sự tiến-bộ. Trong số 100 trẻ em bắt đầu vào trường năm nay thì có thể sẽ có 20 em được học lên tới trung-học sáu năm sau, và có thể có 3 sinh-viên kỹ-thuật và đại-học vào khoảng năm 1982. Bởi thế không có một kế-hoạch quốc-gia nào có thể bỏ được mục-tiêu *cưỡng-bách giáo-dục tiểu-học*.

Nhưng cũng cần phải hiểu rõ rằng :

Trong một thời gian lâu dài nữa, sự *cưỡng-bách giáo dục tiểu-học* còn là một khu-vực tiêu-thụ, đòi hỏi rất nhiều chi phí mà không giúp được bao nhiêu vào sự sản-xuất.

Điều tôi vừa nói về tiểu-học cũng đúng cho cả những chương-trình chống nạn mù chữ. Nạn mù chữ hầu như không có ảnh-hưởng gì đối với nền kinh-tế.

Một bài nghiên-cứu của M.J. Bowman và Anderson (1) kết luận

(1) M.J. Bowman and C.A. Anderson. *The Role of Education in Economic Development* trong sách *Development of Emerging Countries*. The Brookings Institution x.b, Washington D.C. 1962.

rằng trong nước, khi tỉ-số dân mù chữ ở vào khoảng 30 đến 70%, dân-số thì không có một sự liên-hệ rõ ràng giữa chỉ số này và lợi-tức quốc-gia. Sự liên-hệ chỉ rõ ràng ở những chỉ-số thực cao và thực thấp. Khi số dân biết đọc biết viết dưới 30%, lợi tức đầu người không hơn 200 Mỹ-kim một năm. Nhưng trên mức lợi tức 500 Mỹ-kim một người một năm, thì chỉ có những nước có được hơn 90% dân biết chữ, ngoại trừ ba nước Porto Rico, Uruguay và Venezuela ở Mỹ. Giữa hai đầu ấy: có những nước tỉ-số dân có học lên cao trên 60% mà mức lợi-tức đầu người dưới 100 Mỹ-kim (đó là trường-hợp Việt-nam); và trong khoảng 100 Mỹ-kim, 200 Mỹ-kim, có những nước được tỉ số có học là 70 đến 80% dân chúng. Hình như là phải đạt tới một cái bực nào đó, có lẽ ở khoảng 70 đến 80% dân số, và phải sau một thời gian nào đó, thì sự biết chữ mới bắt đầu có một ảnh hưởng nhận xét được về phương-diện kinh-tế.

Nội-dung chương-trình tiểu-học cũng rất quan trọng. Trong nhiều nước, sự học căn-bản và thực-là-đại-chúng này xa vời với đời sống thực-tế trong cộng-đồng và hoàn toàn vô ích về khía cạnh nâng cao mức sống của người dân.

Hơn nữa, những con số chính-thức về người có học trong nước lại không đúng với sự thực. Có nhiều người biết đọc nhưng không đọc gì cả và cũng chẳng hơn gì người mù chữ. Ở nhiều nơi, họ cũng không có gì để mà đọc, ngoài những truyền-đơn trống rỗng và biểu-ngữ có tính-cách chính-

trị lừa dối. Có thể rằng chính đây là mục-tiêu của các chính-phủ và các đảng-phái, nhưng trong lâu dài, những mục-tiêu này thường quật ngược trở lại mà hại cho những người muốn lợi dụng dân-chúng.

Khi nào một người biết chữ không sử dụng sự biết của mình thì rất chóng, người ấy lại trở lại tình-trạng mù chữ. Bài hát cô Tú của ta (1) là một sự thật đáng buồn. Trong một vùng quê xứ Uruguay, người ta thấy rằng 82% dân-chúng được học đủ 5 năm tiểu-học lúc nhỏ nay đã thành ra mù chữ hay gần mù chữ vì sau khi rời trường, họ không có gì để đọc cả. Đứng về phương-diện cá-nhân, có lẽ những người này cũng không hiểu nổi rằng họ đã thiệt-thòi những gì. Nhưng đứng về phương-diện quốc-gia, thì sự phí-phạm thực là ghê-gớm.

Để phát-triển kinh-tế xã-hội, không nên quên rằng với những phương-pháp thính-h-thị ngày nay (nhất là Tivi và Radio) và với những đoàn-thể cán-bộ có huấn-luyện, người dân có thể học được rất nhiều mà không cần phải biết đọc biết viết. Một thí-nghiệm ở Thái-lan cho thấy rằng, trong một khu-vực, người ta đã dạy dân bốn kỹ-thuật mới để trồng trọt. Kết quả là trong số những người theo mới, có 60% biết chữ và tới 40%

(1) Ai về Chợ Huyện Thanh Vân

Hỏi thăm cô Tú đánh vần được chưa

Đánh vần năm ngoái năm xưa

Năm nay quên hết nên chưa biết gì

Trên trời tiếng sáo vu vi

Vâng nghe ai học chữ i chữ tờ.

không biết chữ. Con số 40⁰/₀ này thực là đáng kể, và còn đáng kể hơn nữa nếu ta nhìn lại sự phân phối trong dân vùng đó, có 56% biết chữ và 44⁰/₀ không biết chữ ! Sự chênh lệch không còn lại bao nhiêu.

2) Nhiều nước chưa mở mang nghĩ rằng sự học kỹ thuật sẽ đem lại sự phồn thịnh trong nước, và cố gắng khai triển những ngành học này. Đại-học cũng được khuyến khích, vì sự hãnh-diện của quốc-gia.

Đó là những cố gắng rất đáng khuyến - khích, — nếu thực có một kế-hoạch phát triển đi trước để sử dụng những chuyên viên mới được đào tạo.

Trong thực tế, điều-kiện tiên quyết này không có. Nạn trí thức thất nghiệp đe dọa một cách trầm - trọng những nước không kiểm soát được các ngành học.

Ai-cập là một thí-dụ điển-hình. Ấn-độ là một thí - dụ khác. Trung-Hoa cộng - sản cũng có thể sẽ lâm vào tình trạng này. Việt-nam Cộng-hòa chưa có nạn ấy chỉ vì chiến-tranh thu hút rất nhiều trí thức.

Về phương - diện kinh-tế, những nước vừa kể là những nước còn chậm tiến ! Ai-cập có một lợi tức đầu người còn thấp (140 Mỹ-kim một năm). Nền kinh-tế còn 65% là nông-nghiệp. Giáo-dục tiểu-học chưa hoàn toàn phổ-thông. Nhưng so với dân-số thì Ai-cập có nhiều học - sinh trung-đại-học gấp đôi Tây-Đức và hơn cả Anh-quốc. Chỉ-số trí-thức thất nghiệp rất

nặng nề. Trong guồng máy cai - trị, có quá nhiều nhân - viên làm ngăn trở công việc. Hàng ngàn giáo - sư, kỹ-sư phải bỏ nước đi làm việc ở những nước lân cận.

Ấn - độ còn nghèo hơn Ai - cập. Nhưng ở Ấn-độ, số trí - thức cũng rất cao, trong đó có những nhà trí-thức thượng - thặng, những giải Nobel về khoa-học, những kỹ-thuật-gia rất giỏi, những nhà kinh-tế học lỗi-lạc. Không có việc làm, một số lớn trí-thức Ấn tự xuất cảng đi các nước khác hoặc làm việc cho những cơ-quan quốc-tế.

Trung-Hoa cộng sản cũng là một nước chậm tiến ; mặc dầu có bom khinh-khí và hỏa-tiến, nền kinh-tế còn 80% là nông-nghiệp. Lợi-tức quốc-gia không hơn 75 Mỹ-kim một người dân. Giáo-dục được phát triển rất mạnh-mẽ ; trong vòng 9 năm đầu tiên, số học-sinh tiểu-học tăng lên 3 lần, số học sinh trung-học tăng lên 9 lần, số học sinh đại-học tăng lên 6 lần. Nhưng như vậy mà cũng mới chỉ đạt được tới mức 40% ở tiểu-học, 14⁰/₀ ở trung-học và 1⁰/₀ ở đại-học mà thôi. Ở đại-học, những môn học văn-hóa bị bỏ rơi : 55⁰/₀ sinh viên theo học khoa-học và kỹ-thuật, một tỉ-số có thể nói là lớn nhất thế-giới vì các nước khác chỉ có vào khoảng 25⁰/₀ theo học khoa-học và kỹ-thuật. Số kỹ-sư ra trường mỗi năm ở Trung-Hoa gần ngang ở Hoa-kỳ, và trong số 250.000 khoa-học — kỹ-thuật-gia hiện có trong nước thì 90% là những người trẻ mới được học từ

khí có chế-độ cộng-sản (1).

Tuy nhiên với những con số ấy, người ta không hiểu phẩm-chất thực của nền giáo-dục kỹ-thuật ở vào mức-độ nào ; và nền kinh-tế còn thô-sơ của Trung-Hoa có thể thu hút được số kỹ-thuật-gia ấy không ?

Một mặt khác, nền giáo-dục ở Trung-Hoa cộng-sản có một tính-cách chính-trị rất nặng. Việc huấn-luyện chủ-nghĩa là phần chính ở mỗi bậc học. Sự lao-động được coi là một giá-trị giáo-dục và học-sinh, sinh-viên đều phải làm công việc sản-xuất (2). Đảng luôn luôn tỏ ra vội vã và muốn nhay vọt : trong việc giáo-dục, sự vội-vã ấy có những ảnh-hưởng tệ-hại về phương-diện phẩm-chất. Trong lâu dài, ta sẽ thấy sự «hăng tiến» theo những huấn - lệnh trung-trương tạo ra nhiều hậu-quả bất ngờ cho xã-hội Trung - Cộng.

Việc kế-hoạch giáo-dục trong khuôn khổ phát triển quốc-gia.

Vì những lẽ trên, chúng ta không thể đặt vấn-đề phát triển giáo-dục một cách riêng rẽ được. Sự đầu tư giáo-dục phải được quan niệm đồng thời với công-việc mở mang quốc-gia.

Công - việc phát triển quốc - gia không phải chỉ là kinh-tế. Vấn đề này đã nhiều lần tôi nói tới và chỉ cần nhắc lại ở đây rằng sự tiến-bộ xã-hội ít ra cũng cần-thiết ngang với sự tiến-triển kinh-tế. Một căn-bản thứ ba có một tầm quan-trọng trong lâu dài là văn-hóa. Trên ba cái căn - bản

ấy : văn-hóa, kinh-tế và xã-hội, sự phát triển quốc-gia sẽ tiến hành một cách quân-bình để tạo nên sự phú-cường cho đất nước và hạnh - phúc cho người dân.

Giáo-dục đóng một vai-trò vô cùng quan-trọng trong sự phát-triển này.

Sự phát-triển ngày nay không bắt buộc và cũng không nên theo những đường lối phát-triển của Tây-Âu trong thời-kỳ cách - mạng kỹ - nghệ. Nói rằng sự phát - triển phải quân-bình trên cả ba phương - diện : văn-hóa, kinh-tế và xã-hội, tức là đương-nhiên công nhận sự cần-thiết phải có một kế - hoạch toàn - diện trong đó một chính - quyền sáng suốt, có sự ủng-hộ của toàn dân và có sự tham-gia của trí-thức, giữ một trách-nhiệm quan trọng, lãnh-đạo, chỉ-huy, thúc đẩy, hướng - dẫn, kiểm soát và sửa sai. Những phương - pháp khoa - học và những kỹ-thuật mới nhất phải được áp-dụng trong mỗi giai - đoạn để đỡ sự phung-phí thì giờ, tài-nguyên và nhân-lực.

Như Jan Tinberger đã nhận định, một kế-hoạch giáo-dục phải chú trọng cả về phẩm lẫn về lượng. Thực-sự ra, phẩm và lượng ở đây lẫn lộn và

(1) Những tài-liệu này lấy ở F.H. Harbison and C.A. Myers—*Education, Manpower and Economic Growth*. Mc Graw — Hill Book Co.x.b, 1964. Sách này phân tích tình-trạng của 75 nước.

(2) Lục Định Nhất nói : «Cuộc Cách-mạng Văn-hóa có nghĩa là đại-chúng thợ thuyền và nông-dân trở thành những người trí-thức, và những người trí-thức thì thành lao-động chân tay!» (Tháng 6, 1960)

không thể phân tách ra được, vì một sự tiến bộ về phẩm tất phải có một khía cạnh lượng và ngược lại cũng thế.

Phương-diện phẩm chú ý đến sự cải tiến *phương-pháp* giáo-dục, và *nội-dung* học-vấn. Chuyển từ sự học nô-lệ sang sự học tự-do, từ sự học bảo-thủ sang sự học tiến-bộ, tất-nhiên phải từ bỏ những lối học thuộc lòng, những bài mẫu, những lẽ-lối giảng dạy dựa vào uy-quyền, những phương pháp huấn luyện trí nhớ, để dẫn dắt trẻ biết ham thích sự học, biết cố gắng tìm hiểu, biết trình bày ý-tưởng, biết sắp đặt, biết xây dựng, biết suy tư, biết sáng tạo.

Nội-dung học-vấn phải được luôn luôn cải thiện. Quá nhiều môn học làm lạc lõng những trí-tuệ còn non nớt, phải *thâu* dồn lại và làm cho học sinh hiểu được sự liên-hệ giữa các kỉ-luật của trí-tuệ và các khoa. Những cái gì đã trở thành cồng kềnh, lạc hậu, vô dụng, phải *vứt* bỏ đi cho khỏi rườm rà chương - trình, để chỗ cho những ý-niệm đúng hơn, những phương-pháp mới và hiệu - quả hơn, những quan-điểm vững chắc hơn. *Nội-dung* học-vấn cũng cần phải *thực-tế*, nhất là ở những lớp dưới là những lớp căn bản. Ba phần tư chương-trình hiện-tại ở tiểu-học xa với đời sống quanh mình đứa trẻ. Năm mươi phần trăm chương-trình trung - học là những điều vô bổ và lỗi thời. Người ta nói rất nhiều đến toán-học mới, ngữ-học mới, địa-lí mới, khoa-học mới, nhưng có lẽ với một số lớn

giáo-sư và sinh-viên ở đây, vẫn chỉ là chuyện «nghe hơi nời chỗ» mà thôi, không biết rằng ở các nước, và ở ngay cả những nước cạnh vách ta như Mã-lai, Đài-loan, những quan-niệm mới ấy đã đi sâu xuống đến tiểu-học. Giáo - dục cộng - đồng vẫn chỉ có ở những cái bảng tên trường ; trong thực - tế thì giáo - dục chẳng biết gì đến cộng-đồng và cộng-đồng cũng chẳng kể gì đến giáo-dục. Lên đến đại-học, cũng không có học về toán-cơ điện-tử và việc tích-trữ tài-liệu cùng cách đặt chương-trình để giải-quyết các vấn-đề. Nguyên-tắc cải tổ chương trình học đã được đặt ra từ tháng Tám 1965, gần năm năm sau vẫn chưa có lấy một Ủy-ban nghiên-cứu !.

Về *lượng*, sự đầu tư vào các cơ-sở giáo-dục và vào học-liệu, học-cụ cần-thiết, phải đi đôi với sự *huấn-luyện* giáo chức cho đủ để phát-triển việc học và đạt tới một tỉ-lệ tốt giữa số thầy và số trò. Tỉ-lệ ấy là một giá-trị đo lường được, tính được bằng số và bằng tiền, nhưng chính cũng là yếu-tố quan-trọng nhất về phẩm. Ở Anh-Mỹ, về tiểu-học, 1 thầy trung bình có 12 trò ; ở Hi-lạp, Ấn-độ, 1 thầy có 30 trò ; ở Mã lai, Thái-lan, 1 thầy có 40 trò ; ở Việt-nam, 1 thầy có từ 80 đến 120 trò. Về đại-học, ở Anh-Mỹ cứ 1 thầy thì có 4 trò, ở Mã-lai cứ 1 thầy thì có 6 trò, ở Việt-nam, có trường 1 thầy phải diễn giảng cho 2000 trò. Phẩm chất ở đâu cao, ở đâu thấp đã rõ rệt.

Bởi thế nên P. H. Coombs (1) nói rằng trong việc kế-hoạch-hóa giáo-dục mỗi nước sẽ phải giải quyết vấn-đề theo cách-thức riêng, nhưng điều đầu tiên phải làm là *«phân tích một cách rõ-ràng và phê-bình thẳng-thắn cái hệ-thống sư-phạm hiện-tại»*. Ông nói ngay rằng việc đó không hiên nhiên và giản dị như người ta tưởng đâu, vì thực ra phần lớn các nước biết rất ít về hệ-thống giáo-dục của chính mình. Ông đặt một số câu hỏi mà ông cho là căn-bản và nói rằng phải có những tài liệu chính xác về những vấn đề ấy rồi mới có thể kế-hoạch-hóa được việc giáo-dục. Những câu hỏi sau đây thuộc về đại-học:

Gần đây, có những sự biến-đổi gì, nếu có ở trong thành-phần sinh-viên về phương-diện trí-tuệ và môi-trường xã-hội-kinh-tế?

Có bao nhiêu sinh-viên lẽ ra có thể học được mà lại không được học. Lí-do của sự phí-phạm ấy ở đâu?

Những mục-tiêu của hệ-thống giáo-dục ở mỗi trình-độ và trong mỗi khu-vực có rõ-ràng không? Những tài-nguyên để làm giáo-dục (không phải chỉ có ngân-sách, mà còn nhân lực, trang-bị, v.v.) có được phân phối theo những mục-tiêu ấy không?

Giáo-dục như hiện tại có hiệu-quả không? Số xuất so với số nhập như thế nào? Phẩm chất của những người tốt nghiệp ở mức nào? có đủ để sử dụng không?

Những chi phí tổng quát về giáo-dục được bao nhiêu so với lợi-tức

tổng-hợp của quốc-gia? Trong sự phát-triển quốc-gia, tỉ-lệ này đã thay đổi như thế nào?

Những vấn-đề chính, những ưu-điểm cùng nhược-điểm của hệ-thống giáo-dục là gì?

Cái công việc khởi-thủy này làm xong mới sang được giai-đoạn thứ hai, là *định rõ những mục-tiêu và điều-kiện của kế-hoạch*.

Một kế-hoạch lâu dài phải được đặt ra, rồi sau đó mới cắt thành từng giai đoạn. Như Đài-loan, năm 1965, đã công bố một kế-hoạch 15 năm để phát-triển giáo-dục. Sau đó, sẽ lại chia ra thành chặng, 3 năm hoặc 5 năm.

Kế-hoạch hậu-chiến của chúng ta rải ra trên 10 năm, cũng sẽ phải cắt thành từng phần đường ngắn hạn. Mục-tiêu và đường lối xây dựng tổng-quát định rồi, còn qua phần chi-tiết và định đoạt việc phát-triển từng vùng, từng bậc, từng khu-vực, cho giáo-dục cũng như cho kinh-tế.

Kế-hoạch này thực hiện được hay không là nhờ mức độ thành công của sự *động-viên các nguồn tài-lực và nhân-lực trong nước*. Vì thế, giai-đoạn thứ ba là *tổng-kết các tài-nguyên kinh-tế và đề-nghị những cải-cách cần-thiết để đạt được các mục-tiêu ấn định bởi kế-hoạch*.

Những giới-hạn về tài-nguyên và nhân-lực cần được biết rõ để khỏi đi vào những chương-trình và những

(1) P.H. Coombs, *Quelques aspects économiques du développement de l'éducation — trong AIDU: Quelques aspects du développement de l'éducation en Europe 1965.*

phương-sách đòi hỏi quá nhiều tiền-tài và phương-tiện. Như trong tình-trạng nước ta ngày nay chẳng hạn, với một lợi-tức đầu người chưa tới 75 đô-la mà lại muốn có những thực-hiện và theo những lẽ lỗi của một nước có một lợi-tức đầu người 3000 đô-la thì thực là viển vông vô-lý.

Thực-tế về chính-trị, hành-chính và xã-hội có thể có một ảnh-huởng quyết-định cho sự thực-thi kế-hoạch. Sự động-viên tài-lực phải có những điều-kiện tâm-lí thuận-lợi và vượt qua được những trở lực của guồng máy chế-tài, thì việc tiến-hành kế-hoạch mới có thể thành tựu một cách khả-quan.

Sau đó là công việc thực hiện, theo dõi, kiểm-tra và sửa đổi. Đồng thời, phải bắt đầu sự phóng-chiếu để sửa soạn giai-đoạn sau.

oOo

Chúng ta đã đi một vòng từ những tân-thuyết về kinh-tế giáo-dục đến vấn-đề kế-hoạch-hóa sự phát-triển quốc-gia. Những tân-thuyết ấy nói rằng giáo-dục là một công việc đầu-tư rất hiệu-quả. Một quốc-gia càng tiến-bộ càng cần dùng nhiều chất xám : sự nuôi-dưỡng các khối óc và những tài-năng đặc biệt, sự đào tạo yếu tố phẩm-chất trong nhân-lực, sự giáo dục nói chung, đã là nguyên động-lực quan-trọng nhất để nền kinh-tế kỹ-nghệ có thể tự vượt mà sang giai-đoạn hậu-kỹ-nghệ với những năng-lượng hạt nhân, những toán-cơ điện-tử, và sự thừa-hành tự-động trong các cơ-xưởng.

Nhưng đối với các quốc-gia chưa mở-mang thì vấn-đề căn-bản là sự phát-triển. Ngày-nay không có sự

phát-triển quốc gia nào mà không chú trọng đến kế-hoạch giáo-dục. Đó là một nhu-cầu tinh-thần, và cũng là một nhu-cầu xã-hội-kinh-tế. Điều đó, chúng ta đã biết từ lâu và không cần phải chờ những lí-thuyết mới của các nhà kinh-tế-học Tây-phương mới hiểu. Trong nước ta, các cụ già thường nói rằng "Đề của cho con chẳng bằng dạy cho nó một cái nghề". Một câu châm-ngôn của người Trung Hoa cũng nói như thế :

Cho ai một con cá, thì người ấy được một bữa ăn.

Dạy ai biết câu cá, thì người ấy nuôi miệng được suốt đời.

Một nhà hiền triết đời Chu viết rằng:
Tinh trước một mùa, thì trồng lúa.
Tinh trước vài năm, thì trồng cây.
Tinh trước nhiều năm, thì dạy người.

Trồng lúa thì thâu lợi được một mùa.

Trồng cây thì thâu lợi được nhiều năm.

Dạy người thì cái lợi cả trăm năm sau cũng chưa hết.

Phương-diện cá - nhân cũng như phương-diện quốc-gia đều đã được gọi ra trong những lời ấy.

Đối với chúng ta ở giai-đoạn này của lịch-sử, sự phát - triển quốc - gia phải được coi là mục-tiêu đầu tiên và căn-bản. Nếu sự phát-triển quốc-gia có thể thực hiện được một cách quân-bình trên cả ba quan-điểm văn-hóa, kinh-tế và xã-hội, thì rất chóng, như lí-thuyết cho phép ta hi-vọng, giáo-dục sẽ thành một việc đầu - tư lợi nhất, quan-trọng nhất, và đẹp nhất, vì chính là nhờ giáo-dục mà ta có thể mong rằng con người sẽ thực sự chinh phục được sự tự-do và nước Việt-nam sẽ có một chỗ đứng dưới ánh sáng mặt trời.

TRẦN-NGỌC-NINH

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

Trụ-sở chính : 61-63, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 -- 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 Tổng Đốc Phương
ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, Bác sĩ Yersin
ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, Gia-Long
ĐT 96.827

Chi nhánh Biên Hòa : 10, Nguyễn Hữu-Cảnh
ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, Amatrang-Long
ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hối - Đoái,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Sinh dục và Tiến hóa

(tiếp theo B.K. 369)

2 -- Ý-nghĩa sinh dục trong cuộc tiến-hóa sinh vật

a) Ở giới Vi-sinh-vật đơn bào (sinh-dục Vô-tính, chương trình Di-tính «đúng»)

Một khi đã lúng sâu vào, đã thám hiểm, soi rọi tận-tường nội-cảnh của một tế-bào vi-trùng mà, trước đó, thường được gọi là cái «túi chứa phân-tử», nhà bác-học đã thấy những gì?

Phản-ứng đầu tiên phải là cả một sự sửng-sốt, bàng-hoàng. Một sự kinh-ngạc còn lớn-lao hơn nỗi kinh-ngạc của Leeuwenhoeck trước kia, qua câu nói của ông đã thốt ra khi nhìn vào kính hiển-vi:

— Ôi, Thượng-đế! có biết bao nhiều là kỳ-quan được gói ghém trong một vi sinh vật nhỏ nhút thế kia!

Và lần này, những kỳ-quan được gói ghém trong đó còn nhiều gấp bội phần, để khi nhìn vào đây với cái nhìn gần thấu suốt của nhà bác-học thời nay, chúng ta hẳn phải chấp nhận quan-niệm về «sự thống-nhất của cái Cực-Đại và cái Cực-Vi» là quá đúng. Những gì người xưa cảm-nghịệm được bằng trực-giác thì, đến nay, lại phát-nhiên tỏ tường dưới kính hiển-vi điện-tử, và có gì khiến chúng ta phải sức nhớ đến câu: «Thành Dĩnh có cả thiên hạ» của Huệ-Thi, hay «Trời Đất là hạt thóc, ngọn lông tơ là gò núi» của Trang-tử. Đúng

ra thì cái vi-vật nhỏ-nhút đến mắt trần không thể thấy được ấy còn có gì lạ-lùng, kỳ-quặc hơn là cái «Thiên hạ» trong thành Dĩnh và «Gò núi» trong ngọn lông tơ.

Là vì cái túi càn-khôn cực kỳ tế-vi ấy chứa có tới hàng ngàn chủng loại phân-tử. Xét về tầm vóc, chúng có thể được chia thành hai phần khác biệt hẳn nhau. Một nửa gồm những phân-tử khá nhỏ, còn một nửa thì gồm những phân-tử rất lớn. Giữa hai loại phân-tử này không có hình-thái cơ trung-gian. Nhưng đây vẫn chưa phải là hiện-tượng đáng kinh-ngạc. Chính những hoạt động xảy ra trong đó hay, nói cách khác, chính những phương-thức của tế-bào áp dụng vào việc sản-xuất các nguyên-tử cấu tạo này mới thực là tinh-vi, trác-tuyệt. Công việc tạo tác gồm có hai kỳ:

— Ở kỳ đầu là sự tổ-hợp các nguyên-tố — được thu thập từ trong môi-trường — qua một loạt biến hóa. Từng cái một hay từng nhóm, các nguyên-tố này hoặc được trao đổi, hoặc phải dời chỗ, hay thêm vào, bớt đi không ngừng. Công-tác ở kỳ này nhằm chắp nối các nguyên-tố thân tổ vào nhau, tạo thành những bộ sườn của nhiều cơ cấu khác biệt, trên đó, sẽ có những nguyên-tử khác đến bám thêm vào. Hoạt động tạo tác này cần vận dụng đến hàng trăm phản-ứng hóa-học, nhưng chỉ sản xuất một số có hạn những hợp-chất nhỏ, nhiều lắm cũng chỉ độ vài chục loại mà thôi.

— Qua kỳ hai, những phân-tử nhỏ được ghép vào nhau để tạo ra phân-tử lớn. Khác hẳn kỳ đầu, những phản ứng hóa học lần này đều giống nhau cả, nghĩa là chỉ lặp đi, lặp lại một loại phản-ứng, nhằm đưa thêm một đơn-vị vào cái chuỗi biểu—thị đặc-tính của các đại phân tử — đang được tạo ra. Và như vậy, chỉ với một số gốc hóa học đơn giản và có hạn, chỉ cần thay đổi chiều dài của mỗi chuỗi, sắp xếp các đơn vị theo thứ tự khác nhau, tế bào đã có thể tạo ra rất nhiều loại đại phân-tử khác biệt hẳn nhau.

Lại theo dõi kỹ hơn, thì sự hoạt-động bên trong cái tế-bào nhỏ-nhất ấy còn rộn rịp, tấp nập, phức tạp và tinh xảo hơn bất cứ một xưởng chế-tạo tối tân, vĩ đại nào trên thế-giới này. Hai ngàn phản ứng hóa học cùng phân tán, giao thoa, hội tụ với tất cả sức nhanh, mà không hề gây ra một sự lộn xộn, trục trặc nào, không mảy-may sai chạy, trái lại, tất cả đều chế tạo được một cách đúng đắn, về phẩm cũng như về lượng, các chủng loại phân-tử cần thiết cho sự trưởng-thành cũng như cho sự sinh-sản, với cái năng suất gần đúng một trăm phần trăm. Kỳ diệu hơn, là phần nhiều những phản-ứng ấy thường diễn tiến rất chậm trong những điều-kiện của phòng thí-nghiệm hầy của tế-bào, nhưng sở dĩ chúng có thể tác động một cách nhanh chóng như vậy, có thể chỉ thu gọn, vào một vài giây thôi, cái thời-lượng lẽ ra phải kéo dài rất nhiều ngày hay nhiều thế-kỷ, là nhờ một bí-quyết của tế-bào : sự xử-dụng các vật xúc-tác (1). Khác hẳn với các vật xúc-tác được dùng trong phòng thí-nghiệm, mỗi vật xúc-tác

của tế-bào có tính cách đặc thù, có công dụng đặc-biệt, chỉ dành riêng cho mỗi phản-ứng hóa-học mà thôi. Nói rõ hơn, là mỗi phản ứng hóa-học có một vật xúc tác riêng, một loại điều tổ riêng, và chỉ một loại mà thôi. Để thực hiện hai ngàn phản ứng hóa-học, tế-bào vi-trùng phải sản-xuất những 2.000 loại điều-tổ khác nhau. Mỗi loại điều-tổ có tới vài ngàn nguyên-tử được ghép vào nhau theo một thứ tự nghiêm ngặt, chặt-chẽ. Chính cái tính chất hình-học này

(1)— Đề cơ-thể sinh-vật có thể sống và trưởng-thành, các phản-ứng hóa học xảy ra trong các mô cần được thể-hiện theo một tốc-độ cực kỳ nhanh chóng. Điều-kiện này được bảo-đảm bởi các vật xúc-tác vốn có công dụng làm tăng nhanh tốc độ. Các vật xúc - tác trong cơ - thể gồm có bốn loại : điều-tổ, kích-thích-tổ, muối khoáng và sinh-tổ. Điều-tổ giữ vai trò quan-trọng nhất, và tất cả các điều-tổ đều thuộc cùng một họ phân-tử là Protéine. Không phải Protéine nào cũng là điều-tổ, nhưng tất cả các điều-tổ đều là những phân-tử Protéine. Tác-động của điều-tổ được yểm-trợ bởi khoảng 20 muối - khoáng, kích-thích - tổ và sinh - tổ. Chính nhờ những thứ này mà khối thực phẩm khi vào ống tiêu - hóa được biến đổi thành những chất mà tế bào có thể xử-dụng được (Protéine biến thành acides aminés, Hydrates de carbone thành đường, nhất là glucose, mỡ thành acides gras và cam-du (glycérol). Ở bên trong tế-bào các điều-tổ giúp cho các chất dinh-dưỡng lọt qua màng tế-bào. Ở trong ty-thể, điều-tổ chủ-trì các hiện-tượng phức tạp tạo thành năng lượng từ chất đường. Điều tổ còn giữ một vai trò căn bản trong việc chế tạo Protéine bằng cách kết hợp các phân-tử nhỏ để tạo thành đại phân-tử. Các Ribô-thể, ở bên trong tế-bào, xử dụng năng-lượng tích trữ trong các ty-thể, để kết hợp, theo các chỉ-thị của Nhân, những acides aminés thành chuỗi, các chuỗi hay những protéines này có thể có từ 124 đến 10.000 acides aminés.

của cơ-cấu qui-định đặc-tính của mỗi loại điều-tổ do tế-bào sản-xuất (1)

Trước những kỳ-quan như vậy, ẩn náu bên trong một vi-sinh-vật nhỏ-nhất như vậy, trước những hoạt-động phức tạp, tinh-vi, lạ lùng, kỳ diệu như vậy, nhà bác-học không thể không tự đặt câu hỏi :

— Để làm gì thế ? Nhằm vào mục-đích nào đây ? với sự chứa đựng vô-vạn phân tử nhỏ và những 2.000 đến 5.000 loại phân-tử lớn ? (2), với sự sản xuất 2.000 điều tổ cho 2.000 phản-ứng hóa-học ? Để làm gì vậy, nhằm mục-đích nào, với tất cả những kỹ-thuật, hoạt-động tinh-vi, rắc rối, phức tạp, kể tục ngày đêm liên miên, bất tuyệt, trong cõi âm-thầm ẩn-vi như vậy ?

Qua những hiện-tượng xảy ra trong cái thế-giới cực vi ấy, qua lối động ượng của một tế-bào vi-trùng, nhà bác học từng cặm-cuội theo dõi, chỉ có thể tìm được một lời giải-đáp mà thôi. Là : tất cả mọi nỗ lực ấy, ở một tế bào vi-trùng, chỉ nhằm vào mục - đích duy - nhất là *Sinh-sản*, là đem lại cho nó cái thể có thể từ *Một* mà biến thành *Hai*, giúp nó tạo được một tế-bào vi - trùng *thứ hai* giống y như nó

Quả là như vậy. Những gì xảy ra ở vi-trùng ấy đã cho phép nhà sinh-vật-học thời nay khẳng-định được rằng :

« Trong một sinh-vật, tất cả đều được sắp xếp nhằm vào mục-đích sinh-sản mà thôi. Thử hỏi một con vi-trùng, một biến-hình-trùng, một cây dương-xỉ có thể mơ ước cái định - mệnh nào khác hơn là chuyển tự tạo thành hai con vi - trùng,

hai biến-hình-trùng và nhiều cây dương-xỉ ? (3).

Chúng ta chưa tin chăng ? Nhà bác-học sẽ mời chúng ta thử nhìn vào ống kính hiển-vi. Đây là một con vi-trùng, một Colibacille, được cấy vào một môi-trường có vài chất muối khoáng và một hợp chất hữu - cơ, như đường chẳng hạn, hay một môi-trường có nhiều chất hữu-cơ hơn, như nước hầm thịt. Vi-trùng liền thu nạp thức ăn và sự biến-dưỡng xảy ra, những tổng-hợp phát-hiện. Sự *biến-dưỡng* gồm có hai hiện-tượng : *đồng-hóa* và *hoàn-nguyên*. Hiện-tượng *Đồng-hóa* mới chính là một biệt-tính của sự sống. *Đồng-hóa* là sự ghép các vật-liệu cấu-tạo cơ nhỏ, như những *acides aminés* và các *badơ nuc lé-ic* (bases nucléiques) vốn là của chung của tất cả mọi sinh-vật, thành những đại phân-tử *Protéines* và *acides nucléiques* riêng biệt của mỗi chủng-loại sinh - vật (4). Và trong cái môi-trường đầy đủ chất dinh-dưỡng nói trên, với những điều - kiện về nhiệt - độ và thông khí thích nghi, con vi-trùng của chúng ta càng chóng sinh - sản. Nó dài lãn ra, lớn dần lên, rồi thay vì phải cần tới 30 phút trong điều-kiện thường (5) thì,

(1) — La logique du vivant. F. Jacob (Chap. IV. La molécule) p. 292.

(2) — L'Ordre biologique par André Lwoff (Chap II — Les Problèmes — Unité) p. 28. Marabout Université. 1970.

(3) — La Logique du vivant par F. Jacob (Introduction — le Programme) p. 12

(4) — L'Ordre biologique par André Lwoff (Chap. Ier-Introduction à la Biologie : vie, organisme, reproduction et assimilation) p.18

(5) — Les Conquêtes de la vie par Henri Friedel (De l'exploration à l'invasion) p.15

ở đây, chỉ độ 20 phút thôi, nó đã tự cát liệt thành hai (1). Mọi sự diễn ra trong cơ thể con vi-trùng cho thấy rằng hai ngàn chủng loại Protéines của nó, loại nào như loại này đều thích ứng với năng chức riêng của chúng và đã góp phần một cách đặc lực, với một sự chính xác và một năng-xuất rất đáng kinh-ngạc, vào việc giúp cho tế-bào vi trùng từ một hóa được thành hai. Như vậy, ngay từ một sinh-vật đơn-bào, một vi-sinh vật nhỏ-nhất, nhiều sự-kiện cũng đã chứng tỏ rằng sự sinh-dục, theo máy hóa-sinh, đã tác-động như một tay thủ-thuật chính-yếu trong thế-giới vật-sống. Và chính sự khám-phá này đã đưa tới những nhận-thức sau đây :

— Trong thế-giới sinh-vật, tuy muôn loại tạo-sinh khác nhau không những về tầm vóc, hình-thái mà còn khác nhau về mặt hóa-hợp, về mặt dinh-dưỡng, biến dưỡng nhưng một khi đã giản lược cơ thể sinh-đến mức tế bào, thì người ta nhận thấy rõ ràng là tất cả đều được tạo thành bởi một *hoàn-h - đồ duy - nhất*, cùng một *chức-năng duy-nhất* và do những thành phần cấu tạo duy-nhất. Nói duy-nhất về *hoàn-h - đồ*, là vì tế-bào nào cũng có một cái *nhân* nằm trong *tế-bào-chất*. Nói duy-nhất về *chức năng* là vì sự biến-dưỡng đều giống như nhau ở mọi tế-bào. Còn cho rằng *thành phần cấu tạo duy-nhất* là vì mặc dù mỗi chủng - loại sinh - vật có những đại phân-tử riêng của chúng loại mình, nhưng tất cả những đại phân-tử của bất cứ chủng - loại nào cũng được cấu-tạo bằng những phân-tử nhỏ giống như nhau cả. (2)

— Trong thế - giới sinh - vật có hai

loại cơ-thể : cơ-thể *đơn-bào* và cơ-thể *đa-bào*. Mức độ nhỏ nhất của một cơ-thể đơn bào là vào khoảng $1/2$ phần ngàn của một ly mét đường kính. Nhỏ nhất như vậy nhưng nó cũng vẫn là một hệ-thống tích hợp nhiều cơ-cấu đại phân-tử và nhiều năng chức, vẫn chứa tới vài ngàn loại đại phân-tử khác nhau, mỗi đại phân-tử, dù đơn-giản nhất, cũng đã là một bộ máy khá phức-tạp rồi. Tế-bào là cả một xưởng chế-tạo có tổ-chức rất qui củ, hoạt-động theo những chương-trình kế-hoạch do *Nhân* tế-bào đề ra, điều-khiển, chỉ-huy, kiểm - soát. Nó là một hệ - thống tích - hợp có khả năng biến-dưỡng và sinh-sản, một *đơn-vị sinh sản độc lập và tối-hậu*. Nói *tối-hậu* là vì không còn đơn-vị sinh-sản nhỏ hơn nữa. Mà nói *tối-hậu* là cũng còn vì lẽ rằng : ở ngoài tế-bào không thể có sự sinh-sản. Tất cả mọi cơ-cấu trong nó, nếu bị loại ra khỏi nó, thì chỉ còn được coi là những phân-tử hữu cơ mà thôi. Ngay đến cả chất A.D.N., nguyên - liệu di-truyền, (sẽ nói ở sau), nếu không nằm trong tế-bào thì không thể hiện được cái khả năng tái sinh-sản, tự chép lại một pho bản đúng nguyên như nó. (3) Còn cơ - thể đa bào thì gồm có nhiều tế-bào. Các tế-bào này được phát triển, gia tăng, theo lối gián-phân, từ một *Hợp-tử*, rồi được phân-hóa nghĩa là biến đổi hình dạng, thay đổi cách cấu-

(1) La logique du vivant par André Lwoff (Ordre héréditaire, Information génétique) p.36.

(2) — L'Ordre biologique par André Lwoff (Chap. II-Les Problèmes-Unité) p.29.

(3) — La Logique du vivant par F.Jacob (Conclusion : L'Intégron) p.328.

tao, lối xếp đặt, kết thành nhóm, tổ-chức thành *Mô*, từ mô thành các *cơ-quan*. Trong cơ-thể đa-bào, chỉ có *tế-bào* sinh dục biến thành giao-tử đực hoặc cái (tinh trùng hay noãn) — có tính cách đơn-tướng, chỉ mang nửa số nhiễm thể của chủng loại — góp vào công việc sinh-dục mà thôi.

Nếu chúng ta lại theo dõi lối cát-liệt của một *tế-bào* vi-trùng hay sự phát-triển của một Hợp-tử thành phôi-châu và thai nhi, thì y như là bao giờ cũng vậy, ở một chủng-loại sinh-vật nhất-định nào đó, sự cát liệt của *tế-bào* hay sự phát-triển của phôi-châu cũng luôn luôn diễn tiến cùng một cách-thể như nhau, theo đúng một lớp-lang, thứ tự như vậy, trong thời-gian và trong không-gian. Chẳng hạn như ở phôi-châu Người, thì sau khi thụ tinh, ngay ngày thứ nhất *Hợp-tử* hay *Tế bào* tối sơ đã trải qua một kỳ gián-phân đầu tiên thành hai *tế-bào* tiên khởi. Sự gián phân này được hoàn tất sau 36 tiếng đồng hồ, sau các *tế bào* lại tiếp tục gián phân, theo cấp số nhân, để hai ngày sau, trải qua thời-kỳ *tang-thâm* với số *tế-bào* lên tới ba tá, vào ngày thứ sáu chuyển qua kỳ *Phôi-nang* với số *tế-bào* lên 150, rồi qua kỳ *Phôi-tràng*, vào ngày thứ mười-hai thành lập *Nội-bì*, *Ngoại-bì*, tới đầu tuần thứ ba thì có thêm *trung bì*, sau đó các *tế bào* phân-hóa, tổ chức thành mô, các *cơ-quan* lần lượt thành hình. (2).

Trước những diễn tiến này, chúng ta không thể không tự hỏi: do một sự thúc đẩy nào, một cơ-dam khép mở huyền-diệu nào, *tế-bào* vi-trùng có thể cát-liệt, hợp-tử đã có thể triển khai theo một cung cách, khuôn phép nhất-định như vậy? Mọi sự xảy ra khiến chúng ta phải

nghĩ đến sự thực-hiện một *chương-trình* thể-hiện một *Ký-ước*. Và cái điều phỏng-đoán này lại không phải là hồ-dồ, viễn-vông chút nào.

Quả vậy, sự khám phá then máy sinh hóa đã cho chúng ta biết rằng mỗi *tế-bào* vi-trùng; mỗi *Hợp-tử*, đã mang ngay trong Nhân nó một cái *vốn di-tính* bao gồm các nhiễm-thể và những hạt giống di truyền. Mỗi hạt giống di truyền là một đoạn của cái chuỗi A.D.N. gồm có vô số những nấc thang cực kỳ tinh xảo của cái *Thang Huyền-diệu* mà Waston và Crick, vào năm 1953, đã hình dung và dùng sợi kim-khí để trình bày về lối kiến-trúc, cơ-cấu của loại đại phân-tử này (3). Chất này vốn được khám phá từ năm 1869 bởi nhà hóa-học, người Thụy-sĩ, Friedrich Miescher, và được ông đặt tên là *Acide nucléique*. Nhiều cuộc nghiên-cứu sau đó đã xác nhận chất này chỉ có trong nhiễm-thể mà thôi. Tìm hiểu về lối hóa-hợp của nó, người ta đã đặt cho nó một cái tên mới là A.D.N. (*Acide désoxyribonucléique*) Rồi lại tìm được một loại *acide nucléique* thứ hai, không khác gì A.D.N

(1) — Đến nay người ta đã được biết sự phân-hóa của *tế-bào* là do sức tác động của một nhóm *Protéines* đặc-biệt có tên gọi là *Histones*, nhưng câu hỏi tại sao *Histones* có thể qui định được sự phân hóa theo nhiều năng chức riêng biệt, thì chưa trả lời được

(2) — *La Croissance* par J.M. Tannier, Gordon Rattray Taylor (*Les premières phases*) p. 42 — *Les neuf premiers mois de la vie* par Géraldine Flux Flanagan (*La Première semaine*) p. 32—33.

(3) *L'Evolution* par Ruth Moore (*Le Secret de l' A.D.N.*) p. 69-70 — *Collection Time — Life* - 1969.

lầm, được mệnh danh là A.R.N ('Acide ribonucléique'). Mãi vào khoảng từ 1941 đến 1944, ba nhà bác-học thuộc Viện Rockefeller mới nhận ra được vai trò quyết-định của nó trong sự Di-truyền(1). Rồi đến năm 1953, người ta mới biết thực rõ về lối hóa-hợp và cơ-cấu của nó(2).

A.D.N. quả là một mảnh vật chất nhỏ-nhút tới độ chúng ta không thể nào thấy được nếu không nhờ ở sức bội-giác của kính hiển-vi điện-tử. Nhưng chính nó lại là cái *giá* của sự di-truyền có khả năng phát - động, chỉ huy những tiến trình hóa học, không phải chỉ gồm có một phản-ứng duy nhất, mà là vô vàn hiện-tượng hóa học được vận-dụng vào công việc phát-triển, sinh sản của tế-bào cũng như sự biến - dưỡng bình thường của chúng. Nó mang đủ mọi chỉ thị cần thiết cho sự cấu tạo, hình thành một sinh vật mới, từ một siêu vi-

(1) La Croissance par James M. Tanner, Gordon Rattray Taylor (Domaines inexplorés Unité fondamentale : la cellule) p.11.

(2) Đại phân-tử A.D.N. gồm có ba loại phân-tử : 1) Các bases đạm-chất : 2 bases puriques (Adénine và Guanine) và 2 bases pyrimidiques (Thymine và Cytosine) — 2) Một ngũ-giá-đường (Pentose) tức là Désoxyribose — 3) Một phân-tử lân toan (acide — phosphorique).

Mỗi base đạm chất kê trên chấp với một phân-tử đường (désoxyribose) và một phân-tử lân-toan, kết hợp thành một nucléotide. Các nucléotide chấp lại thành một chuỗi. Trong mỗi A.D.N. có hai chuỗi xoắn nhau, ngược chiều, quanh một cái trục giả-tượng. Mỗi base purique của chuỗi bên này nối kết với mỗi base pyrimidique của chuỗi bên kia, bởi những cây cầu khính khí và theo đúng nguyên tắc chặt chẽ là Adénine bao giờ

cũng đi đôi với Thymine và Guanine bao giờ cũng đi đôi với Cytosine. Waston và Crick đã trình bày cơ cấu này thành hình một cái thang có hai thành thang hình xoắn, mỗi nấc thang là hai bases đạm chất đáu vào nhau, như vậy mỗi nấc thang là một cặp nucléotides. Trong một hạt giống di-truyền có thể có tới 2.000 nấc như vậy, và 46 nhiễm thể của tế-bào người có vào khoảng từ 4 tỉ đến 6 tỉ nấc thang. Khi tế bào gián phân, thì sự hóa thành đôi của đại phân tử A.D.N. xảy ra như sau : thang nứt dọc ở giữa, hai thành thang tách rời mang theo các bases đạm chất của mỗi bên, như vậy mỗi nấc thang chỉ còn có một nửa, tức là một base đạm chất mà thôi. Liền đó, những nucléotides do điều-tổ sản-xuất sẽ đến điền khuyết và lấp thành nửa bên thang bị thiếu, cũng theo nguyên-tắc là Adénine tìm đến với Thymine, Guanine với Cytosine. Như vậy mỗi phần thang cũ đã trở thành một cái thang, mới. Từ một thang chúng ta đã có hai thang, một đại phân tử A.D.N hóa thành hai đại phân-tử. Tuy nhiên, với những khám phá mới, người ta thấy có nhiều loại A.D.N. có những bases nucléotidiques khác với các bases vừa kể. Chẳng hạn trong loạt T của các thực bào vi-trùng thì base Cytosine lại được thay thế trọn vẹn bởi một hợp chất gần giống, tức là 5 — Hydroxyméthylcytosine — Nguyên liệu di tính của siêu vi-trùng có khi là A.R.N. thay vì A.D.N. — Gọi là ARN vì chất đường của nó là Ribose chứ không phải là désoxyribose (loại đường đặc biệt, mỗi phân tử chỉ có 5 nguyên tử thán-tố thay vì 6), và base Thymine được thay thế bởi hợp chất Uracile. Trong tế bào, đại phân tử ADN có tới hai chuỗi nucléotides, còn ở siêu vi trùng thì chỉ có một chuỗi. Nhà sinh vật lý học Sinsheimer, qua sự nghiên-cứu ADN của loại thực bào lx 174, đã cho biết rằng loại ADN một chuỗi của thực bào này, sau khi đột nhập vào bên trong tế-bào vi-trùng mới tạo ra một chuỗi bổ-túc, rồi sau đó ADN hai chuỗi mới được tái tạo thành nhiều phó bản — (Theo L'Ordre biologique của André Lwoff và La Génétique nouvelle của Léonard Engel).

trùng, một con cá, con chim, cho đến một con người, cho nên có thể coi nó là nguyên liệu di-truyền chung cho muôn loại tạo sinh: động vật, thực - vật, vi - sinh vật, là nền tảng cụ thể của sự Sống và của cuộc tiến - hóa sinh-vật (1).

Sự phám phá được năng chức và vai trò quan-trọng này của A.D.N đã giải đáp cho con người điểm thắc - mắc đầy thán phục :

Ngồi thử ngắm thợ Trời kia khéo quá,

Núi tự tại có sao sông bắt xả ?

Chim thì lông, hoa thì cánh,

Công đâu tạo hóa khéo thừa trù ?

(Nguyễn-công-Trứ)

Có thể niềm thán phục của chúng ta hiện nay còn lớn hơn nhiều, trước sự soi sáng của Khoa-học về cái tài chế-biến của Hóa-công, vì để tạo ra muôn vàn hình-trạng, cơ-cấu, chức năng khác biệt, để giải quyết vấn-đề di-truyền, biệt phân chủng-loại, hóa-công chỉ cần sử-dụng một số rất ít nguyên - liệu cấu-tạo hữu-cơ mà vẫn có thể bày ra cái cảnh phần tạp của muôn loại tạo-sinh.

Tính-cách nhất thể của vạn vật còn được chứng minh tỏ tường hơn, với cuộc thí-nghiệm của bác-sĩ Fritz Lipmann, vào năm 1962. Vị bác-sĩ, từng được giải Nobel, đã cùng các bạn cộng - sự của ông, dùng một con vi - trùng lấy ra từ ruột người để tạo thành huyết-cầu-tổ của loài thỏ. Và như vậy, với một thứ chất liệu di - tính của vi - trùng, Lipmann đã tạo thành loại máu của một

hậu-sinh động-vật (2).

Chính sự thành - công của cuộc thí nghiệm này lại gợi thêm cho con người một điểm thắc-mắc nữa về cái thủ-thuat kỳ lạ của Hóa - công. Vì nếu vạn vật đã cùng là nhất thể, đã cùng được hình-thành từ những chất-liệu duy - nhất thì tại sao Cây lại không trở ra Chim, Cá không thể đẻ ra Chồn, Voi không cho ra chào đời một đàn Chuột nhắt và loài Người không thể là những đấng sinh-thành của Khỉ Đột, Đười-ươi ? Tại sao từ muôn thuở vẫn là cái nề-nếp :

Trứng Rồng lại nở ra rồng,

Hạt Thông lại nở Cây Thông rườm-rà ?

Từ muôn thuở chưa hề có một sự lộn-xộn nào, một tình-trạng vô-kỷ-luật nào về mặt sinh-sản, chẳng hạn chủng-loại này, vì đấng trí hay vì cái tính nghịch-ngợm, để bày thành chủng - loại khác, đã được phát-hiện trên mặt tinh - cầu. Tại sao như vậy ?

Điểm thắc-mắc này đã được nêu ra từ lâu rồi, và, cũng đã từ lâu rồi một số giải đáp từng được đưa ra, nhưng chưa thỏa đáng. Nageli chẳng hạn cho là vì chất huyết tương chủng tộc của mỗi loài khác nhau, còn theo Weismann, thì đó

(1) Riêng Siêu vi trùng thì nguyên - liệu di-truyền có khi là AND, có khi là ARN, cũng có loại có cả hai thứ. Chẳng hạn siêu-vi-trùng bệnh Cúm và bệnh Ấu-liệt (Polymyélite) thì nguyên liệu di - tính là ARN. Siêu vi trùng bệnh đậu mùa, bệnh chàm bàm là ADN. Còn siêu-vi trùng các chứng bệnh của ác-mô (Leptosittacose) và bệnh đau mắt hột thì có cả ADN lẫn ARN.

(2) L'évolution par Ruth Moore (Le secret de l'ADN) p. 76.

là do lối cấu tạo lý-hóa và tính chất phân-tử khác biệt của tế-bào chủng-hệ thuộc mỗi chủng-loại tạo-sinh (1). Đến nay, Khoa-học đã giải tỏa thực sự thắc mắc nói trên. Cá chỉ sinh ra Cá, Chim chỉ đẻ ra Chim, hạt Thông chỉ nở ra cây Thông là vì chất A.D.N. ở mọi loài tuy giống nhau về hóa hợp nhưng lại khác hẳn nhau về kích tấc. Các nhà di-truyền học đã cho biết rằng tính theo chiều dài của các sợi A.D.N. thì ở loài *Sao-Bê* là 30 phân, ở loài *Chim* là 60 phân, ở loài *Người* gần 1 thước. Trên nguyên-tắc, cơ-thể càng phức tạp thì chiều dài của A.D.N. càng tăng thêm, trừ một trường-hợp ngoại-lệ đã được nhận thấy là ở loài *Ếch*, chiều dài của A.D.N. có tới 240 phân tây (2).

Với chất-liệu căn bản trên đây, hay A.D.N, cái vốn di-tính bao hàm trong nó cả một *Chương-trình*, một *Ký-ức Di-tính*, đúng như sự ước-đoán của Max Delbruck, tích-lũy những kinh-nghiệm trải qua bao nhiêu thế-hệ đã có từ trước, bởi lẽ ngay một chú *Colibacille* nhỏ nhút, vô-nghĩa, cũng có một quá-khứ lâu dài, một lịch-sử kéo dài trên hai tỉ năm trời.

Và những gì mà cái vốn di-tính, cái ký-ức di-tính ấy phải trao truyền từ thế-hệ này qua thế-hệ khác, gồm có :

— Những chỉ-thị đặc-định các cơ-cấu phân tử thuộc riêng mỗi chủng-loại sinh-vật.

— Hoàn-hồ kiến-trúc cơ-thể tương-lai.

— Những phương-thức thực hiện các hoàn-hồ này và phối-trí các hoạt-động

của toàn bộ hệ-thống.

Như thế, mỗi *nhân* của tế-bào vi-trùng, của Hợp-tử đều chứa đủ, trong vốn di-tính, tất cả cái tương lai của cơ-thể con vật, các giai đoạn phát-triển hình-thái và những đặc tính của nó. Cơ-thể sinh-vật là *thành-quả của sự thực-hiện một chương-trình đã ấn-định sẵn-sàng*.

Đến đây, chúng ta hãy quay lại với chú *Colibacille* của chúng ta để đi sâu vào chương-trình di-tính cùng lối thực hiện chương trình ấy ở các loài vi-sinh vật đơn bào. Lịch sử của một Vi-trùng tuy rất lâu dài, nó có thể tự hào đã có ít ra là trên hai tỉ năm «văn-hiến», nhưng nội dung thì chỉ là một chuỗi dài những thành công về mặt sinh-sản được ghi chép, trao truyền cẩn-thận để truyền-tử lưu-tôn. Và, qua lối động ứng, triển-khai của các loại vi-sinh-vật, điểm đáng ghi nhận là đối với những sinh-vật đơn-giản như vậy, tiêu-chuẩn duy nhất mà luật Đào-thải tự nhiên nhắm vào, chỉ là *sức nhanh chóng của sự sinh sôi, nảy nở*.

Trong cuộc chạy đua cam go, hiểm

(1) Nageli cho rằng Huyết-tương chủng-tộc (*Idioplasmata*) kết hợp bởi rất nhiều vi-thể hay «micelles». Trong một thể-khối : 1/1000 m³ đã có tới 400 triệu micelles. Chính lối phân bố và phân-phối khác nhau của micelles trong huyết tương chủng tộc qui định đặc-tính của mỗi chủng loại. Còn theo Weismann, sự sinh-sản dựa hoàn toàn vào tính chất và đặc-tính của tế bào chủng-hệ. Loại tế bào này không quan trọng đối với đời sống của mỗi con vật nhưng chính nó mới duy trì được chủng-loại.

(2) Tính theo trọng lượng thì ADN trong nhân tế bào Gà là 23 phần tỉ của 1mlm³. ở Ếch là 140. Rùa là 53. Người độ 60 (*The Léonard Engel-La génétique nouvelle*)

nghèo này, giới vi-trùng cho đến nay, đã tỏ ra đầy đủ khả năng thu đạt mục tiêu. Chúng sinh-sản rất chóng và đã giữ được cái thể thượng-tồn qua những hai tỉ năm trời. Nhưng chính điểm này lại có gì khiến cho chúng ta phải thắc-mắc nhiều, là vì dưới mắt chúng ta, sau một thời gian dài đặc những hai tỉ năm, con vi-trùng vẫn chỉ là con vi trùng. Có sinh mà không có hóa!

Lý-do? Trước tiên là vì cơ-cấu của cái vốn di-tính ở tế-bào vi-trùng đang còn đơn-giản so với cơ-cấu di-truyền ở các loại sinh-vật đa-bào. Trong nhân tế-bào vi-trùng chỉ có một phân-tử A D.N. mà thôi, với một nhiệm-thể chứa độ 2 000 hạt giống di-truyền. Nếu cơ-cấu di-truyền đến nay được coi như một loại chương-trình, thông-diệp để giải chép, thông dịch, thực hiện, trao truyền từ thế-hệ này qua thế-hệ khác, thì bức thông điệp trong nhân tế-bào là một sợi A D.N. dài trên 1m/m ấy, với khoảng 1 triệu ký-hiệu xếp thành dãy dài trên đó. Khi tế-bào đến kỳ cát-liệt thì phân-tử A.D.N. độc-nhất này lại tự tạo thành một phân-tử thứ hai giống y như vậy để mỗi vi-trùng lại có một cái vốn di-tính giống nhau.

Lỗi tiếp thu, ghi chép chương-trình di-tính ở tế-bào vi-trùng do đó mà rất trung-thành, không mấy may sai chạy, đã thế lại còn thứ then máy đặc biệt để kiểm-soát, dò tìm những sai lầm, lệch-lạc trong khi thực hiện, nhằm điều chỉnh kịp thời và nhờ vậy mà cả hệ-thống được bảo-trì một cách chu-đáo qua vô vàn thế-hệ.

Cơ-cấu đã đơn-giản, chương-trình di-

tính của tế-bào vi-trùng lại là một loại chương-trình "đóng" hiểu theo cái nghĩa là Tế-bào, hay cơ-thể, chỉ tiếp nhận được ở môi-trường một sự thông-báo rất giới hạn và cũng chỉ phản-ứng lại theo một cách thể hữu-hạn và nhất-định mà thôi. Tất cả những gì một vi-trùng có thể tri-giác chỉ là sự có hay không có một số hợp chất nào đó trong môi trường, và tất cả những gì nó có thể biểu-thị như là những đáp ứng, chỉ là sự sản-xuất hay không sản-xuất các loại Protéines tương-xứng. (1)

Đã bị giới-hạn như vậy, lại vì lối sinh-dục trực - phân, cát - liệt vốn cũng quá đơn-giản, nên chương-trình di-tính của loại sinh-vật đơn-bào không có thể

(1)— Sự sản xuất, tổng-hợp các protéines của tế-bào chỉ thực hiện theo đúng mức cung cầu. Một điều-tổ cần thiết cho việc xử-dụng một thực phẩm có thán chất và năng lượng chỉ được tổng-hợp khi nào chất thực phẩm ấy có trong môi trường mà thôi. Ví dụ điều-tổ B—Galactosidase chuyên trách về việc biến dưỡng chất nhũ đường (lactose)—bằng lối thủy-phân để phân hóa nhũ-đường thành glucose và galactose—. Không có điều-tổ này thì vi-trùng không thể triển khai được trong một môi trường chỉ có chất nhũ-đường là nguồn thán-tố và năng lượng duy nhất. Cặp trường hợp trong môi trường có chất nhũ-đường, tế-bào liền tổng-hợp loại điều-tổ B—Galactosidase và một loại điều-tổ thẩm càn thiệp cho điều-tổ này. Điều-tổ thẩm thu nhận các phân-tử nhũ-đường trong môi trường, đưa qua màng tế-bào. Điều-tổ B—Galactosidase ở trong tế bào chất, tiếp nhận và lo việc biến-dưỡng. Nhưng nếu môi trường không có chất nhũ-đường, thì Protéine tiết chế không cho tế bào tổng hợp lại loại điều-tổ nói trên, vì sản xuất những thứ không cần thiết là một sự phí phạm, có hại cho việc tranh thủ sinh-tồn.

nói rộng, khó bề cạnh cải, do đó, sinh thì có sinh, và dù sinh nhanh chóng mãnh-liệt thực sự, nhưng lại ít hóa, hay nói đúng hơn, cái hiện-tượng sinh-hóa ở giới vi-sinh chưa được tổ tường, rõ rệt, mặc dù ở chúng cũng có những biến-dịch, ngẫu biến xảy ra. (1).

Nếu chỉ cần sinh để mà sinh thôi, thì đường lối *sinh dục vô tính*, phương-thế trực-phân, cắt-liệt của tế-bào vi-sinh-vật cũng đã quá đủ để đáp ứng nhu-cầu. Nhưng nếu cần sinh để mà hóa, để mà tiến-hóa thì phải cần đến một cuộc cách mạng về đường lối sinh-dục có thể biến cải, nói rộng, uốn chuyển-hóa chương trình di tính vốn đơn giản, thuần nhất và cứng chắc ở giới đơn bào. Hiện

tượng sinh-hóa chỉ thực sự phát hiện tổ tường khi đường lối sinh-dục hữu-tính, từ cái vai trò phụ thuộc, thứ yếu, chuyển thành chính yếu, giữ một vai trò hệ-trọng trong cuộc chinh-phục tinh-cầu của sự Sống.

(còn tiếp)

PHAN DU

(1)— Có loại vi trùng hoang dại có khả năng tổng-hợp điều-tổ B—Galactosidase lại sinh ra loại vi-trùng không có điều-tổ này. Cũng có những loại không có khả năng tổng-hợp chất Tryptophane lại sinh ra những vi-trùng có khả năng này, do một sự biến đổi của hệ-thống điều-tổ (Luật Beadle Tatum: một hạt giống di-truyền chuyên trách sự tổng-hợp một loại điều-tổ.)



Nhức đầu

Mông

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức mồm đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN 55 1211/877/GCOP

Cơ sở Xuất bản ĐỒNG DAO vừa phát hành:

Đời như một *KHÚC NHẠC BUỒN*

Tập Thơ của PHẠM CAO HOÀNG

- Tập Thơ dành riêng cho những người đang yêu nhau và đang xa nhau.
- Tiếng hát ngậm ngùi của một gã lang bạt đang bước đi dưới trời Tân Xuân Thu.
- Sách in toàn trên giấy croquis, trình bày trang nhã và công phu.
- Các bạn yêu thơ ở xa muốn có sách xin liên lạc với nhà xuất bản ở Địa Chỉ:

21. HƯNG-PHÚ — SAIGON 8



HIỆU THUỐC THƠM,
VIRGINIA NỔI TIẾNG
NHỜ...

ĐẦU LỘC

MIC. CHOLON

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HÀ (Menthol)



BẦU LỘC BIỂU DÃI

Thượng hảo hạng

'Thong mùi-mát cơ' thơm dịu

SỰ BẤT DIỆT

L.T.S Đại tá Trần văn Kha năm 1966 đã cho xuất bản cuốn "Yoga". Tác giả cuốn sách là người đã luyện tập Yoga từ thời còn trẻ, nên phần lớn viết theo kinh nghiệm thiết thực của mình. Do đó mà cuốn sách được hoan nghênh vì cả người cần tập Yoga lẫn người muốn tìm hiểu triết lý Yoga cũng đều dễ lãnh hội. Tuy nhiên cuốn "Yoga" vẫn còn một số khuyết điểm, nên sau khi thu thập mọi phê bình và góp ý, tác giả lại viết thành cuốn sách "Yoga" mới, sẽ phát hành vào cuối tháng này.

Trong cuốn Yoga sắp xuất bản có một chương bàn về "Sự bất diệt". Chúng tôi đã xin phép tác giả trích đăng chương này trên Bách-Khoa. Chương này gồm 3 phần : Sự sống bất diệt, bản chất của vật chất và sự hiện diện của tinh thần. Vì khuôn khổ của tờ báo, chúng tôi chỉ đăng được phần thứ 3 nhưng cũng xin trích và tóm lược lại sau đây hai phần trên :

«Về sự bất diệt, trong một buổi nói chuyện tại nước Mỹ, Swami Vivekananda đã nói như sau :

«Nếu ta lấy bốn con súc sắc tung lên bàn, và các con số sau đây được nhận thấy 4, 5, 6, 3. Nếu bốn con súc sắc cứ được tung lại mãi thì sẽ đến lúc chúng ta lại có một sự kết hợp y như cũ.

«Bây giờ thử ví dụ rằng mỗi một nguyên tử cấu tạo ra anh, ra tôi, là một con súc sắc, thì một ngày nào đó chúng ta lại có sự kết hợp y như cũ. Cuối cùng nhà Triết học kết luận :

«Vậy thì có thể rằng trong một chu kỳ đã qua nào đó cách đây triệu triệu năm, có một sự kết hợp y như ngày hôm nay. Quý vị có mặt ở cái quá khứ đó, và tôi cũng đang nói chuyện với quý vị về vấn đề này. Cả cái bình nước này nữa cũng đã có mặt ở đây».

«Thực thế, nếu đề tâm quan sát, ta sẽ thấy rằng sự sống hiện diện ở mọi nơi, mọi chỗ, một cách liên tục, và chỉ có biến đổi mà không có chết...

«...Con người lúc chết sẽ trả về cho đất những thứ đã nuôi dưỡng con người. Thế rồi đất ấy lại nuôi sống những rau cỏ khác, vật khác và người khác. Ta có thể hình dung ra rằng thân xác ta tan vào đất, nhưng một ngày nào đó thân xác ấy cũng góp phần vào sự sống của cây, của cỏ, của vật, và cuối cùng là của người. Nghĩa là có thể 10 năm sau, 50 năm sau, hay 100 năm sau thân xác ta có thể là một thành phần nào đó của những người sinh ra 10 năm, 50 năm hay 100 năm sau.

«Vậy thì không có gì sai lạc khi bảo rằng sự sống là vĩnh viễn, bất diệt và ở trong vũ trụ không có gì mất đi cả, mà chỉ có đổi thay.»

Về bản thể của vật chất, sau khi trình bày và đối chiếu những tư tưởng, nhận xét của các khoa học-gia, triết-gia Tây phương và Đông phương, tác giả kết luận rằng trong vũ trụ có a) vật chất và năng lực và b) cả hai thứ đó đều bất diệt.

SỰ HIỆN DIỆN CỦA TINH THẦN

Những sự kiện trong vũ trụ bao giờ cũng đi đôi và đối nghịch với nhau, như có dài thì phải có ngắn, có nóng thì phải có lạnh, có động thì phải có tĩnh, có sinh thì phải có tử, và có tử tất nhiên cũng phải có sinh. Ngày nay vấn đề Âm-Dương và mâu thuẫn đã trở thành một vấn đề thông thường, và người ta không phủ nhận được sự hiện diện của tinh thần trong vật chất.

Trong phần thảo luận về vật chất, chúng tôi đã trình bày quan điểm của những nhà khoa-học và Triết-học về vật chất và năng lực, xin phép tóm tắt như sau :

«Ta không bao giờ thấy năng lực mà không có vật chất, hay vật chất mà không có năng lực. Năng lực không thể đứng riêng rẽ, và không thể xuất hiện được nếu không có trung gian». (Triết-gia Ấn-Độ).

«Mỗi sự vật vật chất có một khối lượng, bất cứ thuộc về loại nào, đều có một thứ năng lực tương ứng».

Nếu những hạt nguyên-tử kết hợp nên thân xác con người tan rã để trở về thể đơn thuần, sau khi con người chết, thì cũng không có nghĩa là những nguyên-tử ấy đã chết. Người ta được biết rằng trong hạt nguyên-tử có một cái nhân ở giữa với những điện-tử dương và trung-hòa tử, và bên ngoài có những điện-tử âm luôn luôn chuyển động xung quanh cái nhân ấy. Như vậy là năng-lực vẫn hiện diện trong hạt nguyên-tử. Nhưng cái gì, năng lực nào đã kết hợp các hạt nguyên-tử ấy để cấu tạo ra quý vị

và ra tôi. Năng-lực ấy, thường được gọi là linh hồn, hay theo Triết - học Ấn-Độ là «Năng-lực ý-thức» (Force Conscience), theo Yoga là Prana, và kinh Dịch là Lý. Chính Năng-lực ý-thức ấy đã tạo ra Vũ-trụ một cách có ý thức, chứ không phải như một ngẫu nhiên».

Năng-lực ý thức ấy cũng còn được gọi là cái «Tôi». «Tôi» là gì ? «Tôi» là thân xác, «Tôi» là tư tưởng, hay «Tôi» là linh hồn bất diệt !

Nếu «Tôi» là thân xác thì tỉ dụ như khi có một cánh tay, hay một cái chân mất đi, «Tôi» đã bị mất đi một phần. Hay là khi nhìn vào tấm ảnh chụp lúc còn bé «Tôi» không có quyền nhận nó là «Tôi». Vậy thì «Tôi» không phải là vật chất. Bên trong phần thể xác có một cái gì liên tục không thay đổi mang nhãn hiệu «Tôi».

Tôi đi, tôi đứng, tôi tư tưởng, tôi lúc bé, tôi lúc trưởng thành, và tôi bây giờ. Cái «Tôi» ấy hiện diện như thế nào ? Bây giờ thử ví dụ rằng quý vị đang mãi mê đọc một truyện hay, thì có thể rằng quý vị không nghe thấy người ta gọi đến tên mình ngay lần đầu, mà phải gọi tới ba hay bốn lần mới biết. Mỗi khi có tiếng động, thì luồng sóng âm thanh chạy vào tai, nhưng sự kiện vừa kể trên chứng minh rằng tai chưa đủ làm cho nghe thấy tiếng động. Tai chỉ là một phần của hệ-thống nghe mà thôi. Khi tiếng động đập vào tai, thì giây thần kinh di chuyển tiếng động vào óc. Mắt cũng vậy,

khi một vật gì in hình vào mắt, thì gây thần kinh di chuyển hình ảnh ấy vào óc. Mắt, tai, mũi là cơ quan bên ngoài, mỗi một cơ quan như thế lại có một trung tâm tiếp nhận nào đó ở trong óc, và được nối liền nhau bởi các giây thần kinh. Sở dĩ mỗi một cơ quan lại có một trung tâm riêng biệt ở trong óc, vì nếu không như thế, thì quý vị có thể vừa chăm chú đọc sách như ở trên, vừa nghe thấy tiếng gọi trong cùng một lúc. Người ta chỉ nghe thấy, trông thấy, nếu có phản-ứng, và tỉ dụ rõ ràng nhất, là khi ngủ say thì không nghe thấy tiếng động, mặc dầu tiếng động vẫn đập vào tai, hoặc là có người ngủ mở mắt nhưng mắt vẫn không trông thấy. Đến đây người ta nói đến «tinh thần», và khi «tinh thần» phản ứng đến tai thì nghe thấy tiếng động, phản ứng đến mắt thì trông thấy. Tinh thần có lúc cao, lúc thấp, lúc vui, lúc buồn, thay đổi theo hoàn cảnh và sức khỏe, nên các nhà Triết-học Ấn-Độ đi xa hơn nữa mà nói rằng, ở bên trên tinh thần, bên trên tư tưởng là «linh hồn bất diệt», là cái «Tôi» và chỉ khi nào cái «Tôi» ấy phản-ứng thì mới trông thấy, nghe thấy, v.v. Nhưng khi chết cái «Tôi» ấy đi đâu?

Chúng tôi xin thử đem thuyết Luân-hồi ra để chứng minh cho sự bất diệt của cái «Tôi» ấy. Đã có nhiều người làm việc này, và cũng đã có nhiều cách phản đối. Một trong các cách phản đối là nếu có kiếp trước tại sao tôi không nhớ

những cái gì đã xảy đến cho kiếp trước. Sau đây là lý luận đã được dùng để trả lời.

a) Khi chết đi, ta mang theo kết quả của kiếp sống. Với kết quả đó, ta đầu thai vào một gia đình phù hợp với bản chất của ta. Khi chỉ mang theo kết quả thì làm sao có thể nhớ lại được biết bao nhiêu nguyên nhân đã cấu tạo thành kết quả đó, hơn nữa vật liệu cấu tạo nên bộ óc trong kiếp sống mới đã khác hẳn với bộ óc trước khi chết. Bây giờ thử lấy một tỉ dụ trong cuộc sống hàng ngày để giải thích rõ hơn.

Một cầu thủ mang banh đến trước mặt thành rồi sút vào gôn, quả banh đá lọt vào gôn là kết quả của trái banh cuối cùng và của cầu thủ cuối cùng. Nhưng trước khi có quả banh để sút, thì quả banh đó đã đi qua nhiều cái chân cầu thủ, người đá đi, kẻ đá lại.

Ngồi xem cầu thủ truyền banh, ta có nhớ hết các sự sự qua lại của trái banh từ khi bắt đầu trận đấu không? Chắc là không, ta chỉ có thể nhớ Hội A thắng Hội B ba bàn trắng chẳng hạn là do công của trung phong C hay Q.

Trái banh sút vô gôn là kết quả, nhưng các nguyên nhân đưa tới việc sút trái banh vô gôn có rất nhiều. Các nguyên nhân ấy có thể là sự khôn khéo của hàng tiền đạo, sự sơ hở của đối phương, hay sự lơ đãng của thủ môn.

Đối với một quả banh sút vô gôn, ta đã không nhớ hết các nguyên nhân, thì khi đầu thai vào một kiếp sống mới, ta làm sao nhớ được các nguyên nhân đã đem lại kết quả cho việc đầu thai ấy. Ngoài ra nếu cứ cho rằng hễ đã không nhớ thì coi như không có, vậy bây giờ có một người điên đã mất hết trí nhớ, anh ta bảo anh ta là cái cây, thì ta có đồng ý mà coi anh ta không phải là người chẳng?

b) Mặt dầu rằng, thỉnh thoảng cũng có người nhớ lại kiếp trước, nhưng sự nhớ lại ấy nhiều khi có hại hơn là có lợi. Nếu ta nhớ ra rằng ở kiếp trước ta làm lớn, có kẻ vâng người dạ, có nhà nhiều tầng cho thuê, mà bây giờ ở kiếp này ta phải sống trong một túp lều tranh và đi làm công thì sự nhớ lại làm cho ta thiếu can đảm để sống. Không lợi gì cả. Ngoài ra việc nhớ lại còn gây ra rất nhiều lộn xộn về liên hệ gia đình. Đọc đến đây chắc có vị không đồng ý mà cho rằng, việc nhớ lại có tác dụng như một bài học, hay một lời cảnh cáo. Đây không phải là một cách lý luận, mà chỉ là một cảm giác về liên hệ nhân quả, nên không được vững lắm.

Thử ví dụ rằng một người nào đó nhớ lại kiếp trước giàu sang của mình, thì người đó cũng không biết nguyên nhân nào đã làm cho trở thành nghèo ở kiếp sau này, vì nguyên nhân thì nhiều như đã trình bày ở trên, nên sự nhớ lại không có giá trị một bài học. Đến ngay như trong cuộc sống hiện tại, nhiều liên-hệ nhân-quả rõ ràng còn chưa đủ giá trị một bài học. Sau đây là ba trong rất nhiều tỉ dụ:

— Xe chạy mau, mà xảy ra tai nạn, thì thế nào cũng có người chết. Điều này ai cũng biết, nhưng sự biết ấy có đủ hiệu-lực để làm giảm bớt tốc độ của xe không? Ngày nào mà không có tai nạn chết người trên xa lộ.

— Thuốc phiện, ai cũng biết là độc. Tại sao vẫn có người hút?

— Tham quyền thì sẽ mất quyền mà có khi còn mang họa vào thân. Tại sao ai cũng thích củng cố địa vị?

Liên-hệ nhân-quả đã rõ ràng như vậy mà còn không tránh được, thì làm sao có thể tin được rằng, vì sợ nhân quả mà không cho xe chạy nhanh, không làm giàu bất chánh, không tranh giành địa vị. Quả còn xa, hiện tại thì gần, vì vậy khó mà thoát được sự cám dỗ của tiền bạc, và quyền hành. Đã có nhiều người khi thất thế phải bỏ xứ, mang tiền đi ngoại-quốc để sinh sống, nhưng cũng đã có nhiều người không tìm thấy hạnh phúc ở nước ngoài mà tiền bạc rồi cũng hết.

Còn như đối với những người tự tử vì thất bại trong công cuộc làm ăn hay vì tình thì có nên bắt họ nhớ lại không? Vì vậy, việc nhớ lại tiền kiếp chỉ gây thêm rắc rối. Quá khứ nên trả về cho quá khứ, chúng ta can đảm xây dựng một cuộc đời mới. Hơn nữa kiếp này còn chẳng nhớ hết, nói gì đến kiếp trước. Và ngay trong cả kiếp này có nhiều việc người ta mong có thể quên đi được, thế mà còn muốn bắt nhớ cả kiếp trước thì có khác gì phải chịu cực hình. Những người xuất thân từ một hoàn cảnh rất khiêm tốn nếu

bây giờ có làm lớn, chắc không muốn ai nhắc tới quá khứ tầm thường của mình. Có những trường hợp biết quá nhiều thì mang họa, vì vậy nếu trong lúc nhỏ, người ta có cùng với mình đánh bị đánh đáo, mà bây giờ người ta làm quan to, thì chớ có lại gần, xin xỏ cái này cái khác mà vỡ mộng.

c) Ngay trong một kiếp sống ta đã thấy có sự đổi thay, khác biệt. Một đứa trẻ sau này trở thành ông già, đứa trẻ năm tuổi không phải là ông già 70 tuổi. Ông già 70 tuổi không phải là đứa trẻ 5 tuổi. Giữa đứa trẻ và ông già có sự khác biệt ghê gớm, nhưng hai người vẫn còn có liên-hệ với nhau bởi trí nhớ.

Giữa một ông già lúc chết, với một đứa trẻ ra đời ở kiếp sau cũng có sự khác biệt như trên, nhưng vào trường hợp này trí nhớ bị đứt quãng. Vậy thì giải thích ra sao?

Người ta đã lý luận rằng, ta không thể nhớ lại kiếp trước như đã trình bày ở trên. Nhưng giữa ông già lúc chết và đứa trẻ ra đời sau này, có liên hệ với nhau bởi nguyên nhân và kết quả. Nếu không có sự tái sinh thì làm sao cắt nghĩa được các sự khác biệt nhau về thông minh hay tài năng đặc biệt của mỗi người. Về điểm này có người cho rằng tài năng là do cha mẹ truyền lại. Nếu đúng như vậy, thì giải thích như thế nào về những trường hợp cha mẹ rất tầm thường mà con sau này trở nên nổi tiếng. Lập luận về sự tái sinh của chúng tôi đã trả lời cho câu hỏi thứ hai nêu ra ở đầu bài,

là con người chết đi để rồi lại sẽ sinh ra.

Lý luận về vấn đề sống chết lẽ dĩ nhiên chỉ giải đáp một phần nào những thắc mắc và con người vẫn còn là một bí mật.

Tuy nhiên không phải chỉ có nhà Triết-học mới lý luận như thế, các nhà khoa-học khi đi tìm hiểu những bí mật của vật chất, của vũ trụ, đã trở về xác nhận rằng

«Con người đi vào đường cùng không lối thoát, con người cũng là một thành phần của vũ trụ mà con người muốn khám phá, thân xác con người, và cái trí óc mà con người lấy làm hãnh diện, chỉ là sự kết hợp những mảnh vụn đơn thuần, cũng chính nguyên-liệu ấy đã cấu tạo nên những đám mây đen đang chuyển động, trong khoảng không gian liên tinh tú. Con người là một sự bí mật lớn lao nhất, con người không hiểu được cái vũ trụ bao la và kín đáo, trong đó có cả con người, bởi vì con người đã không hiểu được chính mình».

Chúng ta đi vào con đường cùng không lối thoát, cả khoa-học lẫn triết học đều xác nhận rằng, «con người không hiểu được chính mình».

Chúng ta có nên thất vọng không? Nếu chỉ dùng lý luận thì quả là chúng ta phải thất vọng, nhưng tương lai còn hứa hẹn nhiều bất ngờ.

TRẦN VĂN KHA

Đã phát hành :

DAVID RIESMAN

QUẦN CHÚNG CÔ ĐƠN

(THE LONELY CROWD)

Giải phẫu Xã-hội Hiện-đại

Hoàng Minh Tuynh

Trưởng Tiểu-Ban Xã-hội-học Ủy-Ban Điền-Chế Văn-Tự

dịch và bình-ngệ

« THE LONELY CROWD » của Giáo sư David RIESMAN có thể coi là một trong những cuộc thí nghiệm nổi tiếng nhằm xác định bước tiến của xã hội Tây-phương hiện đại, bắt đầu từ Mỹ-quốc. Theo tác giả thì Mỹ-quốc khởi sự từ đầu thế kỷ XX đã là nước tiên phong dẫn đầu các nước Tây-phương khác, nhờ sức sản xuất cao đã làm phát sinh cuộc *cách mạng tiêu thụ* thay thế cho cuộc *cách mạng sản xuất* phát sinh từ Âu-châu thời Trung-cổ, qua các cuộc Phục-Hưng Văn-Nghệ, Cải-cách Tôn-giáo, các cuộc cách mạng công-nghiệp và chính-trị từ thế-kỷ XVII cho tới thế-kỷ XIX. Mỹ-quốc hiện đại là nước đi trước trong quá trình sản xuất tiêu thụ, thế tất rồi sẽ tới phiên các nước vẫn gọi là tiền tiến Âu-châu. Tác giả coi Mỹ-quốc hiện đang trên đường tạo thành nền *Văn minh Liên Tây Phát-Triển*. Mỹ-quốc không những đại diện cho cái hiện tại của thế giới Tây-phương, nó còn tiêu biểu một phần cho cái đang hình thành của nhân loại trong kỷ-nguyên toàn cầu. Cuốn sách của Giáo sư Davis RIESMAN phân tích tỉ mỉ Mỹ-quốc về mặt kinh tế — xã-hội học, mổ xẻ tận đáy mọi khu vực của cuộc sinh hoạt hiện đại dưới một khía cạnh thực độc đáo : giáo dục, báo chí, điện ảnh, đảng phái chính trị, phương pháp trị quốc, quan hệ trong gia đình và xí nghiệp v.v., chẳng khu vực nào là không được ông đem ánh sáng khoa phân tâm kinh-tế — xã-hội-học soi rọi vào mà ban ra cho mọi người thấy rõ.

Sách dày 464 trang

Giá bán : 600 đ.

Tủ Sách Xã Hội
xuất bản

Kinh - nghiệm Tịch - cốc trị bệnh

Tạp chí Bách-Khoa số 365 có đề cập đến Phương pháp nhịn ăn để trị bệnh ở Việt-nam, do Bà Võ-thị-Thanh-Roàn sưu khảo và trình bày, để độc giả bốn phương tùy nghi áp dụng cho được hữu hiệu. Tôi rất hoan hỷ hưởng ứng mỹ ý của Bà, và xin góp thêm ý kiến theo kinh nghiệm riêng mà tôi đã trị bệnh bằng phương pháp kể trên.

Là một công chức đang tòng sự tại Bộ Công-Chánh, mắc bệnh phong thấp kinh niên, đau một nửa mình về phía trái không thể quay đi quay lại được như thường, dù chỉ quay từ bàn trên qua bàn dưới để lấy cái thước kẻ, hoặc cây bút cũng không được.

Buổi sáng ngủ dậy, không thể đứng ngay lên được, phải tỳ 2 bàn tay vào mép giường, uốn thẳng xương sống, nhờ 2 cánh tay đẩy thân người dần dần đứng lên.

Không còn sức lực tiếp tục nhiệm vụ được, tôi đành từ chức về trị bệnh. Năm ấy là 1957 tôi 56 tuổi (sinh năm 1901).

Lẽ dĩ nhiên, phương pháp trị bệnh thì thuốc ta, thuốc tây đều được áp dụng cả.

Nhưng, mỗi khi gặp được thứ thuốc nào kiến hiệu thì cũng chỉ đỡ đau được độ ba, bốn tháng, rồi đau lại hoàn đó, thứ thuốc nào đã quen rồi thì không hiệu nghiệm nữa, phải tìm thứ thuốc khác.

Thuốc mới, đỡ được ít tháng rồi cũng trở lại như xưa.

Năm sáu năm trời đau đớn khổ sở, thuốc nào trị cũng không khỏi, 2 bên hông chích nhiều quá rần lại, mỗi khi chích xong, phải chườm nước nóng mới tan mà rút cục bệnh thì chứng nào vẫn giữ tật ấy.

Chán nản, sống dai dẳng với bệnh tật đau đớn, tưởng chừng vô phương cứu chữa.

Một hôm, người em họ đến thăm, cho biết chú ta đau bao tử. Là một sỹ quan, nên đã vào chữa tại Bệnh viện Cộng-hòa, bác sỹ cho biết; bệnh đã đến thời kỳ thứ 2, phải mổ mới chữa khỏi được.

Vốn sợ mổ, về nhà kiếm được một ông Đạo tu ở Thất Sơn, mới tản cư về Sài-gòn, chữa cho bằng phương pháp nhịn ăn (Tịch cốc), nhịn 5 tuần, chú em khỏi, rồi giới thiệu cho tôi.

Cách chữa :

Khi nhịn ăn, hành giả phải nghỉ trong 1 căn nhà riêng, yên tĩnh, gọi là (Tĩnh-Thất).

Hành giả vào nghỉ ở trong Tĩnh-Thất gọi là vào Thất hay là nhập Thất cũng thế.

Kỳ hạn mỗi lần nghỉ gọi là một Thất, mỗi Thất tùy theo các vị lãnh đạo tinh thần giới hạn, ví dụ :

Sư bà Trúc Lâm-Nương mỗi thất giới hạn là 9 ngày.

Tu sỹ Nguyễn-văn-Sự mỗi thất giới hạn là 9 ngày

Cư sỹ Giác Ngộ mỗi thất giới hạn là 7 ngày

Pháp sư Tỉnh Quang mỗi thất giới hạn là 7 ngày

Lúc bắt đầu vào thất thì uống 1 liều thuốc xổ

Theo bài trình bày của Bà Võ-thị-Thanh-Roàn đăng trong Tạp chí Bách-Khoa số 365 trang 53 trở đi đúng như cách thức tôi đã áp dụng từ 7,8 năm trước đây.

Thất thứ nhất là 7 ngày gọi là đi một thất, sáng ngày thứ 8 ra thất, độ 5, 6 giờ sáng uống một liều thuốc xổ đi cầu độ 3, 4 lần, đến trưa thì hết, độ 1 giờ chiều, ăn ít cháo lỏng, không nên ăn nhiều một lúc, mỗi lúc ăn ít độ 1 chén mà ăn làm nhiều lần.

Ngày thứ hai ăn cháo đặc, ngày thứ 3 ăn cơm nhão từ ngày thứ tư mà đi ăn như thường nhưng cũng không nên ăn no quá một lúc.

Trong 1 tuần lễ, tuyệt đối không được ăn thức ăn sống, như : mắm, gỏi, nem, bò tái, rau sống dưa cải chua, trái cây rắn như dưa bo, ổi, xoài v.v.. cứ nước đá lạnh, ngoài 1 tuần sẽ ăn như thường.

Ăn độ 1 tháng hoặc ngoài 1 tháng bắt đầu nhập thất lần thứ hai, cũng uống thuốc xổ và theo cách thức nhịn như thất đầu, nhưng lần này nhịn luôn 2 kỳ (14 hoặc 18 ngày) gọi là hai thất, qua kỳ hạn, ra thất, sáng sớm lại uống thuốc xổ, rồi cũng ăn kiêng cứ như trước.

Ăn độ 1 tháng hoặc hơn, lại đi thất thứ ba nhịn 21 ngày liền.

Cứ như thế tiếp tục, cần đi nhiều ít là tùy thuộc bệnh nặng nhẹ của hành



Ngày ra Thất 13-4-65



14-6-65 ăn 2 tháng sau khi ra Thất giá. (thất thứ tư nhịn 28 ngày liền).

Riêng tôi, theo sự đau đớn đã trình bày ở trên, tôi đi xong 7 thất tức 49 ngày liền thì bệnh đỡ nhiều, đã quay phải, quay trái tự nhiên, đêm ngủ bất cứ lúc nào thức giấc ngồi dậy như thường, nhưng khi lái xe hơi, hoặc ngồi xe gắn máy còn thấy hơi ngượng, nên định vào thất 100 ngày cho dứt bệnh tật, sắp hết thất thứ 8, thân nhân trong gia đình thấy tôi gầy quá e sợ ra hiểm nghèo chẳng nên khuyên tôi ra thất.

Thấy cả nhà lo ngại về mình, tôi đành vui lòng ra thất thứ 8, mới nhịn được 56 ngày, hôm ấy là 13-4-1965 (tôi 64 tuổi).

Gầy đi mất 12 kilos, ăn hai tháng, cân lại lên được 14 kilos.

Nghĩa là khi chưa vào Thất tôi có 57 kilos

Tịch cốc sau 8 Thất, còn 45 kilos

Ra Thất, ăn 2 tháng cân được 59 kilos

Đến đây, xin tường trình cùng độc giả bốn phương về phương pháp nhịn ăn trị bệnh đã đem lại kết quả như trên cho tôi lành mạnh đến ngày nay vẫn ngồi xe gắn máy, chạy khắp đường Sài Gòn không sợ vì bệnh tật, chỉ còn sợ chur vì ahh hùng xa lộ mà thôi.

Còn một vài thắc mắc trong phương pháp trị bệnh này cần bàn giải để đáp ứng sự nghi hoặc, cho đức tin được nâng cao thêm để trợ duyên cho hành giả mau giải thoát bệnh hoạn.

1) Tại sao phải vào Tĩnh Thất?

2) Tại sao phải ngồi xếp bằng theo kiểu tọa thiền và công phu đúng giờ?

Xin đáp: 1) Vào Tĩnh Thất để tâm thần hành giả không bị ngoại cảnh chi phối, không tiếp xúc với ai để khỏi nghe sự bất bình, không trông thấy sự trái mắt, không nghe thấy sự ngang tai, tâm thần luôn luôn tĩnh mịch, luồng từ điện trong người điều hòa luân chuyển, không bị lúc chạy mau quá, lúc ngưng bất thường do sự bức bối đưa đến.

2) Tọa Thiền cốt cho toàn thân nghiêm trang đều đặn, để nhân điện luân chuyển đều hòa.

Công phu đúng giờ cũng không ngoài mục đích mạch máu tuần hoàn

quân bình.

Nói một cách khoa học thì công phu là hành giả điều khiển luồng từ điện của mình hòa nhịp với luồng từ điện quả đất đang luân chuyển, nên cần đúng giờ mỗi ngày cho nó đi sao được như ngày hôm trước để đúng chu kỳ quả đất quay, vì có ảnh hưởng và liên quan với khí nóng mặt Trời.

Nếu thất thường trong turtướng sẽ đưa đến mất quân bình cho cả Thần lẫn Trí, bệnh tật sẽ lâu thuyên giảm, nên hành giả nhập thất được là một sự rất hay bằng vì sinh kế mà không nhập thất được, tịch cốc mà vẫn phải đi làm thì nên cố tránh những phần nô, Phần nô là kẻ thù của người tịch cốc để trị bệnh.

Mấy điều dặn, tuyệt đối phải theo:

1) Khi chưa ra thất, không được ăn bất cứ thứ gì. Nếu uống nước chanh, cam, nên lọc bã, nhất là hột cứng, vì khi nhịn ruột teo lại, lỡ có thứ gì rắn nằm khe ruột sẽ đau ruột, không chữa được.

2) Nên uống nước chanh với đường loãng và ấm.

Các thứ nước ngũ cốc và cả sữa đều không được dùng.

Nhịn lần đầu, ngày thứ 3 và thứ 4 thêm ăn, cổ nhịn qua 2 ngày ấy không thêm ăn nữa, thất thứ 2 trở đi dễ nhịn hơn.

Nếu chữa bệnh trẻ nhỏ bằng phương pháp này nên cho vào Tĩnh Thất để dễ săn sóc, trẻ thêm, ăn bậy một tý cũng đủ nguy hiểm đến tính mạng.

Còn nhiều chi tiết cần thiết, chép ra đây dài dòng quá. Độc giả bốn phương, quý vị nào muốn thực hành phương pháp này để chữa bệnh cho được chắc chắn xin mời gặp tôi mách giùm, miễn thù lao, địa chỉ Tuần báo Thiếu Nhi 159 đường Thiệu Trị Phú-Nhuận (gần công xe lửa số 6).

Quý vị nào muốn chữa bệnh bằng phương pháp này, cứ mạnh gian mà thi hành, đừng e ngại gì cả. Đói ư? Ta đã có phương pháp khai thác bí mật của thiên nhiên cho hết đói là công phu hậu thiên. Mệt ư? Ta lại khai thác bí mật của thiên nhiên lần nữa là Công phu Tiên thiên sẽ hết mệt. Yếu ư? Không, trong những ngày tôi tịch cốc

bất cứ thất nào tôi đều vận động, có khi cưa gỗ, quay máy bơm nước, sáng ra tập cử tạ đều được cả.

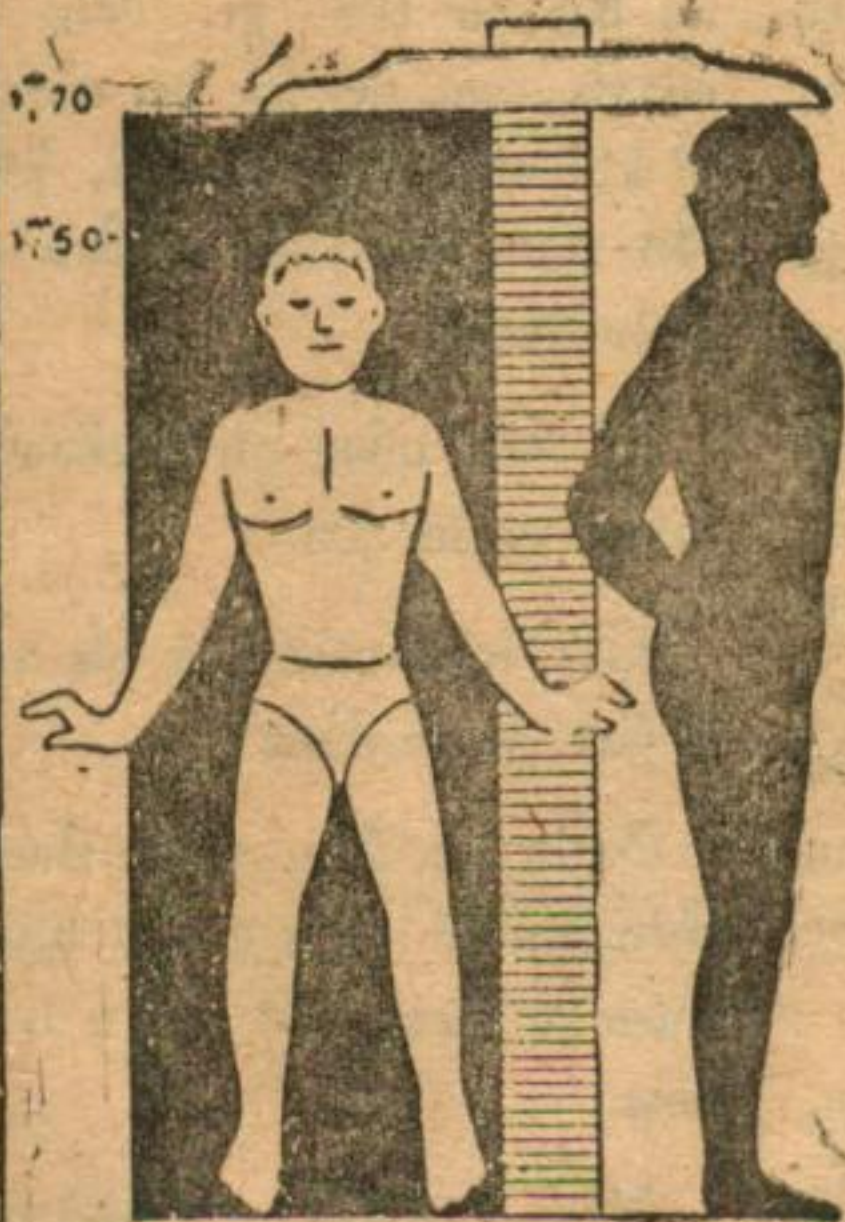
Suốt thời gian từ khi bắt đầu một thất, rồi 2 thất, 3 thất, 4 thất, mỗi thất là 7 ngày — đến thất thứ 8 cộng là 56 ngày, không bao giờ mệt cả, miễn là phải theo đúng phương pháp đã được chỉ dẫn thì yên tâm luôn luôn như thường cho tới khi hết bệnh.

Bảy tám niên trời nay tôi không hề dùng thuốc, gặp khi thay đổi thời tiết, bị cảm tôi vào một hai thất là khỏi liền.

Uyên-Ba ĐỖ-NGỌC-Á

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU
BIẾT ĐI
- CÙNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI,
MỆT MỎI.

LABOHADZER

• VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ •

Buổi hòa tấu nhạc cổ truyền miền Nam với nhạc sĩ Nguyễn - Vĩnh - Bảo ở Paris

Chiều tối ngày thứ sáu 14 tháng tư, năm 1972, tại Institut de Musicologie (viện Nhạc học) ở Paris, quận 6, Trung-tâm Nghiên cứu nhạc Đông phương (Centre d'études de musique orientale) mà Giám đốc là Giáo sư Trần Văn Khê, đã tổ chức một buổi trình diễn duy nhất nhạc cổ truyền miền Nam do Giáo sư và Nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo cùng với Giáo sư Trần văn Khê đảm nhận. Tài danh và ngón đàn tuyệt kỹ của hai vị Giáo sư đủ sức lôi kéo trên 500 Việt kiều và ngoại quốc đến thưởng thức một nghệ thuật đặc sắc mà hai vị đã nắm vững. Tám giờ tối, thiên hạ lũ lượt đến. Kê ghế, người trẻ, trai thanh, gái lịch, hoặc từ nhà, hoặc từ sở, kẻ trước, người sau, chẳng mấy chốc, phòng nhạc đã chật ních người. Đúng tám giờ rưỡi, ai ai đều náo nức chờ nghe tiếng đàn tranh huyền diệu của Nhạc sư Nguyễn Vĩnh Bảo. Việt kiều ở Pháp đã có dịp thưởng thức tiếng đàn tranh của Giáo sư Vĩnh Bảo qua hai cuốn băng nhựa, do Nam-Bình phát hành ở Saigon, nhưng chưa bao giờ có dịp thấy tận mắt người đã tạo ra chữ đàn nào nùng ai oán đã làm xúc động đến rơi lệ rất nhiều Việt kiều tha hương. Đến 8 giờ 45, Giáo sư Trần văn Khê và Giáo sư Vĩnh Bảo cùng bước ra chào khán giả. Một tràng pháo tay rộn như pháo nổ vang dậy bốn bề để chào đón hai nhân tài âm nhạc, hai thần tượng của một số

nhạc-sinh cổ nhạc ở Pháp. Giáo sư Khê giới thiệu với kiều bào Việt rằng theo giáo sư, nhạc sư Vĩnh Bảo là nhạc sĩ tài ba nhất về đàn tranh của toàn cõi Việt-Nam. Lại thêm một tràng pháo tay hoan nghinh. Theo lời giới thiệu của Giáo sư Khê, nhạc sư Vĩnh Bảo đã dạy đàn tranh trong chín năm trường ở Quốc-gia Âm-nhạc Viện Saigon. Sau đó, nhạc sư Vĩnh-Bảo xin từ chức, nhưng vẫn tiếp tục thu nhận học trò dạy riêng, và đồng thời ra công nghiên cứu đề sáng chế những cây đàn tranh 17 dây, rồi 19 dây, rồi 21 dây mà âm thanh và kỹ thuật có thể nói giàu hơn, phong phú hơn cây tranh cổ truyền. Giáo sư Vĩnh-Bảo đã dùng cây *kiri pawlania*, một loại cây đặc biệt dùng để đóng đàn koto Nhật, để làm mặt đàn tranh Việt. Kích thước cũng thay đổi: từ một thước của đàn tranh cổ truyền, các cây đàn tranh, do Giáo sư Vĩnh-Bảo đóng, dài từ một thước tư tới một thước tám. Có thể nói đó là những cây trung tranh và đại tranh. Giáo sư Vĩnh-Bảo được mời sang Hoa-kỳ và đã dạy lý thuyết, kỹ thuật đóng đàn, và dạy đàn các cây tranh, kìm, cò ở Southern Illinois University. Số học trò lên đến mấy mươi. Viện Đại-học đó muốn mời Giáo sư ở lại thêm sáu tháng nữa, nhưng Giáo sư nào nức trở về Việt-Nam nên đã khước từ. Trên đường về Việt-Nam,

Giáo sư Vinh-Bảo đã ghé Paris theo lời mời của Trung-tâm Nghiên cứu nhạc Đông phương để trình bày và trao đổi tài liệu nghiên cứu nhạc Việt-Nam. Sự có mặt của Giáo sư Vinh-Bảo ở Paris mang một niềm tin tưởng lớn lao và là một khích lệ quan trọng đối với phong trào học nhạc cổ truyền ở Pháp.

Mở màn chương trình, Giáo sư Khê giải thích về vai trò và chỗ đứng của nhạc cổ truyền Việt trong làng nhạc Á châu. Theo Giáo sư Khê, nhạc Việt Nam ở trong đại gia đình nhạc Hoa Nhứt gồm các nước Trung Hoa, Nhứt Bồn, Đại Hàn, Mông Cổ và Việt Nam. Năm quốc gia vừa kể trên sử dụng những loại thang nhạc và thể nhạc giống nhau trong nhạc lễ. Riêng Việt-Nam hưởng sự giao thoa của hai luồng văn minh Trung-Hoa và Ấn-Độ nhờ ở một địa thế đặc biệt. Sự kết tạo đó đã chứng minh trong kho tàng nhạc Việt Nam : cái trống cơm rất giống trống *mridangam* Ấn-Độ, cách rạo trước khi đàn bài bản chẳng khác *alapa* trong nhạc Ấn, phương pháp học trống theo chu-kỳ tiết điệu rất gần cách dạy trống *tabla* hay *mridangam* Ấn, trong khi các loại đàn dây như tranh, tỳ, cò, các loại sáo, tiêu, cách xếp loại nhạc khí đều chịu ảnh hưởng Trung Hoa. Tuy nhiên, dân tộc Việt-Nam đã khéo biến chế cái của người thành của mình, và do đó mới nảy sinh ra các điệu Nam, Bắc, Xuân, Ai, Oán, Đảo, Quảng, Nhạc, và các cây đàn như đàn đáy trong hát ả-dào, đàn độc

huyền hay đàn bầu, và sinh tiền, phách, đều mang một đặc chất thuần túy Việt-Nam. Giáo sư Khê lần lượt giới thiệu và giải thích từng cây đàn, bắt đầu bằng cây đàn kìm. Theo Giáo sư Khê, cây kìm còn được gọi là đàn nguyệt ở miền Trung và miền Bắc Việt-Nam vì mặt đàn tròn như trăng rằm. Dây dài và dây tiểu được lên dây theo quãng tư hay quãng năm tùy theo bài, các phím lại rất cao giúp cho nhạc sĩ có thể nhấn dễ dàng. Một mặt khác, cây kìm được sáng chế một cách thâm mỹ và khoa học. Tất cả kích thước đều xoay chung quanh con số 36 phân hoặc nhân hoặc chia : đường kính thùng đàn là 36 phân, sợi dây từ cò đàn tới thú đàn dài 72 phân, nghĩa là 36×2 , trục đàn dài 12 phân, thành ra $36 : 3$, vv... Ở đây xin mở một dấu ngoặc cho biết rằng Giáo sư Khê đã trình bày cây kìm về phương-diện âm-thanh học ở Viện Âm-thanh-học Paris hồi năm ngoái. Giáo-sư Emile Leipp, Giám đốc Viện Âm-thanh-học, rất thán phục người đã nghĩ ra kích-thước hoàn mỹ của cây kìm.

Trở lại buổi hòa nhạc, Giáo sư Vinh-Bảo tiếp lời Giáo sư Khê và giải thích bằng tiếng Pháp rất trôi chảy nguồn-gốc và đặc tính của đàn tranh. Thế rồi, Giáo-sư Khê với tiếng kìm cứng cỏi, Giáo-sư Vinh-Bảo với tiếng tranh là lướt hòa tấu một trong sáu bài Bắc, bài Lưu-thủy-trường đi từ lẽ lối tới phóng túng, từ đơn giản tới hoa mỹ. Tiếng vỗ tay hoan nghênh vang dậy trong phòng khi hai cây đàn



Giáo sư Vĩnh Bảo và Giáo sư Trần Văn Khê trong buổi hòa tấu nhạc cổ truyền tại Paris 14-4-72.

gặp nhau ở chữ hò dứt bản. Tiếp theo đó hai vị đàn tiếp hai bài Ngũ diêm, bài tạ theo điệu Quảng. Ở đây, các chữ nhấn vuốt, rung, mỗ, nhấn mượn, nhấn nhảy, trên đàn tranh, đùa nghịch với cách nhấn gân nổi, gân chìm, gân láy, gân vỗ, chày, phi, trên đàn kìm đủ làm thán phục bao nhiêu người trong phòng.

Học trò cũ của Giáo-sư Vĩnh-Bảo đều có mặt trong phòng. Thề theo ý muốn của Giáo-sư Vĩnh Bảo, một cô học trò cũ đã bằng lòng đàn chung với hai vị giáo sư qua hai bản Không Minh tọa-lầu và Lý ngựa ô. Trước khi đàn, Giáo-sư Khê nói rằng hai bài này có thể đàn theo dây Bắc hay dây Quảng cũng được. Nói tóm lại là đề minh xác rằng nhạc cổ truyền Việt-Nam rất tự do và phóng túng trong cách diễn tấu. Chính đó là một trong những đặc tính cho thấy rõ rằng nhạc cổ Việt là một loại nhạc động chứ không phải là nhạc tĩnh như nhạc cổ của vài xứ khác. Trong phần rạo, người khảy đàn tạo những câu do mình sáng tạo ra. Giáo-sư Khê đã có lần nghe bài Không Minh tọa lầu do

người Trung Hoa đàn và đã hỏi nhạc sĩ người Trung Hoa tựa bài đó là gì. Ông ta mới nói bài đó ở Trung Hoa gọi là Đông Sơn Trà. Làn điệu bài Đông Sơn Trà giống bài Không Minh tọa lầu, nhưng có vài chỗ hơi khác chút đỉnh. Rồi hai cây tranh do Giáo sư Vĩnh Bảo và cô học trò cũ đàn hòa chung với cây kìm của Giáo sư Khê rất được tán thưởng. Tiếp theo đó hai vị giáo sư đàn bài Tây thi theo điệu Quảng. Lần này Giáo sư Vĩnh Bảo đàn xến và Giáo sư Khê đàn gáo. Theo Giáo sư Khê, bài Tây-thi là một trong sáu bài Bắc, nhưng có thể đàn theo điệu Quảng. Về hai cây đàn, Giáo sư Khê đã giải thích rằng cây đàn cò gáo sở dĩ gọi như thế vì gáo đàn làm bằng gáo dừa. Cây gáo không những có ở Việt-Nam, mà lại còn được thấy ở Trung-Hoa gọi là hồ-cầm hay nhị-hồ, ở Cao-miên gọi là tro u, ở Lào và Thái-lan gọi là so i. Nguồn gốc cây đàn kéo hai dây đó không ai biết từ đâu và từ bao giờ. Chỉ biết rằng người Trung-Hoa gọi nó là hồ cầm, nghĩa là cây đàn của rợ hồ — người Trung Hoa cho rằng những ai không phải Trung-Hoa đều là hồ, man —. Cũng

theo giáo sư Khê cây đàn xến bắt nguồn từ Trung-Hoa vì bên ấy cũng có một cây tương tự như thế. Theo người Trung Hoa, cây xến xuất xứ từ Mông-Cồ. Cây xến rất thích hợp với các bài Quảng nhờ chuyển chữ rất dễ dàng trên cây đàn này. Giáo sư Vĩnh Bảo đã biểu diễn cách chạy chữ và chuyển chữ trong bài Tây-thi Quảng rất ngoạn mục trong khi tiếng gáo trầm trầm như sợi chỉ, luôn các chữ đàn xến như những hạt cuôm để tạo thành một xâu chuỗi tuyệt mỹ.

Sau khi trình bày điệu Bắc và điệu Quảng, hai vị so dây đề đàn điệu Nhạc, hơi Hạ trong bài Ngũ-đối-hạ, một trong bảy bài lớn của nhạc lễ được dùng đệm nói lối hay ngâm trong hát bội. Lần này, Giáo sư Vĩnh-Bảo đàn cò và Giáo sư Khê đàn gáo. Hai cây kéo hòa chung nhưng theo hai cách lên dây khác nhau, cho thấy hai làn điệu tuy khác nhưng rất hợp nhau. Khán giả không tiếc lời tán thưởng.

Đề thay đổi chương trình, Giáo-sư Khê đã ngâm một bài thơ của Bà Huyện Thanh-Quan theo hơi Xuân và hơi Nam. Giáo sư đã giải nghĩa rằng tiếng Việt có sáu âm khác nhau, và người ngâm thơ hay người đặt nhạc phải tuân theo cách lên xuống của âm, nếu không thì câu thơ hay câu văn sẽ không có nghĩa. Giáo sư Vĩnh Bảo dạo đàn tranh theo hơi Xuân trong khi giọng ngâm ăm, trầm, vang sâu trong lòng mọi người. Bốn câu thơ đầu :

*Bước tới đèo ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lơ thơ dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.*

Chỉ bốn câu thơ thôi, dựa trên hơi Xuân, gieo một tình cảm buồn lâng lâng. Đến bốn câu tiếp theo

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Sau khi dứt chữ "chợ mấy nhà" của câu thứ tư, tiếng tranh chuyển sang hơi Nam, nào nùng ai oán rất phù hợp với sự nhớ thương đất nước của nữ thi-sĩ thời xưa. Giáo sư Khê đã lột được tinh thần bài thơ với cách ngâm xuất thần. Ít khi được nghe Giáo sư Khê ngâm hay như thế. Một số khán giả đã không cầm được dòng lệ vì xúc động. Ngâm theo miền Nam xong, giáo sư Khê chuyển sang ngâm sa mạc với bốn câu thơ Kiều :

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm
xa xa.*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.*

Một tràng pháo tay lâu hàng phút. Giáo sư Khê nói vài lời cảm ơn trước khi tiếp tục chương trình. Giáo sư Khê giải thích về cách lên dây và công dụng của mỗi dây trên đàn kìm. Chẳng hạn, buổi sáng, người đàn thường có tâm thần sáng khoái, nên đàn dây hò nhứt hay dây Bắc, đến buổi xế trưa thì thường đàn dây hò ba, và khi về khuya thì lại

thích dùng dây hồ năm. Ngoài ra, còn có các dây khác như dây hồ nhì, dây hồ tư, dây tỳ, và dây tổ lang. Dây tổ lang do thân phụ của Giáo sư Khê là Trần Quang Triều sáng tạo và hiện nay rất ít người biết đàn dây tổ lang. Theo cách đàn kìm trong cải lương, người đàn kìm phải biết đổi dây khi đệm cho đào kép ca Vọng cổ vì giọng hát của đào kép không cùng một cao độ. Chẳng hạn đương đàn dây hồ ba đệm cho kép, phải đổi sang dây hồ năm khi đào cất giọng hát. Giáo sư Vĩnh Bảo minh họa đủ các loại dây vừa kể trên một cách dễ dàng. Sau đó, Giáo sư Vĩnh Bảo dạo đàn tranh tùy hứng hơn năm phút phơi bày những kỹ thuật mới sáng tạo ra như đánh phiến thanh (sons harmoniques) trên đàn tranh. Sau phần rạo oán xong, hai vị giáo sư đàn bài «Lý con sáo» miền Nam. Tiếng tranh hùng mạnh, tiếng tỳ bà duyên dáng thi đua nhau trong làn hơi buồn thắm. Thiết nghĩ, ở miền Nam, ít có ai dùng đàn tỳ bà để đàn các bài lớn Bắc hay Nhạc, hoặc bài Vọng cổ. Thế mà Giáo sư Khê hôm nay đã đàn tỳ bà hòa với đàn tranh trong hai bài Lý con sáo và sau đó bài Vọng cổ. Khán giả cổ vũ không ngớt.

Đề chấm dứt chương trình, thế theo lời yêu cầu của giáo sư Vĩnh Bảo, Giáo sư Khê gọi hai con của Giáo

sư lên đàn chung đề gọi là lưu lại một kỷ niệm âm nhạc. Thế rồi trong ba bài ngắn Bắc Lưu Thủy, Bình Bán, Kim Tiền, Giáo sư Vĩnh Bảo với cây tranh, Giáo sư Khê với cây tỳ bà, thứ nữ của giáo sư Khê gõ song lang, thứ nam với cặp muống, tạo một bầu không khí vui nhộn và mới lạ. Khán giả vỗ tay, lớp dặm chân hàng năm, sáu phút, vì họ còn muốn được nghe nữa.

Đã hơn 10 giờ 15, người đàn muốn đàn nữa, người nghe còn muốn nghe thêm, nhưng phòng phải giao lại. Việt kiều đồ xô bao quanh hai vị giáo sư thăm hỏi, chào đón, khen ngợi. Ai ai cũng tiếc sao thời gian trôi qua nhanh quá, để cho buổi hòa đàn phải sớm chấm dứt. Khi ra về, trong tai tôi hãy còn văng vẳng tiếng đàn tranh khó quên của Giáo sư Vĩnh Bảo. Kể xa quê như được ăn một bữa ăn thịnh soạn bằng âm thanh hoàn toàn tươi ngon chứ không phải ăn mãi đồ hộp. Một ngọn gió mùa xuân mát lạnh xoa nhẹ đôi má tôi và lừa sâu vào mớ tóc rối bù. Tôi khẽ rung mình kéo sát áo bành tô và lăm lăm bước đều về phía cửa hầm xe điện ngầm.

Paris tháng 5, 1972

THẾ NHÂN

BNP

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

Danh từ mới của Trung-Hoa

Cách đây trên 10 năm, chúng tôi có tặng bạn học B.K. mấy mươi biểu đối chiếu danh từ Nam-Bắc Việt khác nhau. Nay chúng tôi xin tiếp tục công việc, nhưng không phải là đối chiếu Việt-ngữ nữa mà trình diện những danh từ được Trung-Hoa sáng tác không lâu và ít người biết.

● Không có mục đích dạy chữ Nho, vì đây là danh từ mà ta cũng đã có, nhưng ta sẽ thấy họ sáng tác ra sao, bằng phương pháp nào, hay hoặc dở, có cần bắt chước phương pháp của họ hay không, và nhất là ta đọc báo Tàu ta có thể hiểu được nhiều chuyện mới.

● Đây là những danh-từ mà chúng tôi đã học từ hơn mười năm trước và có thể đã bị thay đổi mà chúng tôi không hay biết. Vì nào biết những danh từ mới hơn, xin tự bổ chính, hoặc bổ chính trên mặt báo cho mọi người cùng biết thì rất hay. Bài bổ chính. Sẽ đăng ở mục này.

Pháp kiểm : Sà bông, sà phòng. Kiểm là Alcalin, tức là Bô tạt và Soude. Pháp Kiểm là Bô-tạt của người Pháp. Người Nhật, biết sà phòng do nhiều người Âu Châu cung cấp nên khi sáng tác, họ không dùng danh xưng Pháp, mà nói là Thạch Kiểm, tức chất Bô tạt đóng thành bánh cứng như một hòn đá.

Nhưng Nhật và Hàn cũng gọi Savon là Sapun, tức từ Đông Bắc Á đến Đ.N.Á đều phiên âm, trừ Trung Hoa, thế nên khi ta nghe họ nói bằng Quảng Đông Fát Kải, hoặc bằng Quan Thoại Fát Chèl, ta rất ngạc nhiên, không biết họ sáng tác ra sao mà không giống ai hết. Có đọc chữ mới biết đó là gì.

Nhưng tưởng sáng tác như thế không hay bằng Đông Nam Á phiên âm, vì chữ tạo sà phòng thì dầu chiếm đến ba phần tư trong thành phần nguyên

liệu, còn bô tạt chỉ chiếm có $\frac{1}{4}$ thôi.

Hải du : dầu giầy, tức Cirage đánh giầy. Danh từ này nghe hơi chướng tai, vì dầu giầy không nói lên được cái gì hết.

Hoạt Du : Dầu nhớt. Đây là sáng tác hay. Hoạt hay hơn Nhớt của ta vì tro đúng ý niệm hơn. Nếu ta sáng tác là Dầu trơn thì giống hệt Tàu và sẽ hay bằng Tàu.

Súc-diện-trì : Bình ắc-cuy. Batteries d'accumulateurs de génératrices d'électricité.

Điện đồng : Đèn pile. Đồng là cái ống tròn như cái ống tre. Đây là sáng tác thuở đèn bấm mới ra đời, có hình thù như vậy. Nhưng nay thì loại đèn ấy mang đủ cả hình dáng, hóa ra danh từ bị viết-vị.

Điện thê : Thang máy.

Điện linh : Chuông điện.

Điện phiến : Quạt máy

Điện lô : Lò điện

Điện đồ : Mạ. Xi. Đồ là sơn. Sơn một lớp kền hay một lớp vàng lên một vật dụng bằng kim khí. Nickeler, Amalgamer.

Phiếu-bạch-phấn : Bột giặt. Poudre pour lessive. Đây là một sáng tác quá dở ? Phiếu : Làm cho trắng. Vậy trong danh từ ghép này có đến hai tính từ trắng. Vả lại ngày nay có cả thanh-phấn lục-phấn, hoàng-phấn, chớ không phải chỉ có bạch-phấn.

Chưng-khí-cơ : Machine à vapeur. Việt-Nam không có sáng tác danh từ hay dùng đỡ danh từ *Máy hơi*. Danh từ Trung Hoa này cũng quá dở, theo lối Phiếu-bạch-phấn. Chưng = Bốc hơi. Khí = Hơi. Vậy danh từ chứa đựng đến hai tiếng «Hơi». *Chưng cơ* là đủ rồi.

Như đã nói, chúng tôi giới thiệu danh từ mới của Trung Hoa là để chúng ta cùng nghiên cứu chớ không phải để dạy ai học danh từ, vì đó là những danh từ mà ta đã có rồi, đôi khi có trước Trung Hoa nữa. Nhưng đặc biệt kỳ này chúng tôi đề-nghị với đồng bào mượn ba danh từ Tàu mà là ba chữ Nho Cổ thời chớ không phải danh từ đời nay, để trở ba thứ mà ta không có danh từ để gọi.

Đỉnh-trở : Đỉnh-trở chỉ là cái Nồi và cái Thớt. Nhưng người Tàu lại cho nó một nghĩa bao la, chỉ tất cả dụng cụ nhà bếp. (Ustensiles de cuisine). Ta không bao giờ có danh từ Ustensiles de cuisine cả.

Năm ngoái có một ê-kíp ký-giả tự

xưng là «Nhóm nồi, niêu, xoong, chảo». Kể ra thì rất hay, nhưng có tính cách đùa cợt và thiếu sót. Pháp có danh từ Ustensiles de cuisine gồm tới 9 hoặc 16 món, nếu kể ra theo lối *Nồi niêu xoong chảo* thì quá dài, không thành một danh từ được. Trong khi đó thì Tàu cũng có danh từ còn ngắn hơn của Pháp nữa mà ta cần vay mượn để diễn cái ý niệm Nồi, niêu, xoong, chảo, nghiêm trang và đầy đủ hơn.

Mãnh : Tàu có danh từ Mãnh viết như chữ *Huyết* là *Máu*, nhưng thiếu cái phết trên đầu, dùng để chỉ Chén, Bát, Đĩa, Tô, Thìa, Đũa v..v. dịch đúng danh từ *Vaisselle* của Pháp mà ta cũng không có. Dân chúng Trung Hoa thường nói *Mãnh khí* chớ không nói Mãnh gọn lỏn. Chắc ta cũng nên nói như thế.

Tầm cụ : Danh từ này Trung Hoa dùng để chỉ Nệm, gối, mền, chăn, mùng, màn, chiếu, drap mà ta cũng không có. Pháp gọi là *Literie*. (Tầm = Ngủ).

Đó là ba danh từ cần thiết mà ta nên mượn ngay. Có vị sẽ nói là khó hiểu quá. Nhưng xin thưa rằng ngày nay ở công sở ta, ông công chức nào cũng viết : *Du-di kinh phí* mỗi ngày ít lắm là một bận. Có khó hơn là **Đỉnh** trở hay không ? Nhưng rồi ai cũng hiểu cả.

Ta đã vay mượn của Tàu hàng ngàn danh từ không cần thiết như là Hoa, Quả, Thuyền, thì không có lý nào mà ta lại từ chối vay mượn ba danh từ tối cần thiết trên đây, để khỏi phải nói : «Nồi, niêu, xoong, chảo, thớt, trách, ăm, đá» một dục danh từ quá dài.

(mỗi kỳ mỗi tiếp)

BÌNH NGUYỄN LỘC

VÀO ĐỜI

Chương 6

... Đến ngã tư Võ Tánh Tăng bật Hồ, đang đi Quang nghe có tiếng phanh rít và tiếng bánh xe kéo lê trên đường nhựa, ngay phía sau lưng mình. Vân ngồi trên Lambretta hỏi:

— Sao khi hôm không lại đăng tao?

— Tao có lại đăng Phan bội Châu, những nhà khóa cửa. Sẵn tiện đường, tao ở tạm nhà thằng Báo Chí.

Vân vỗ tay cười có vẻ thích chí:

— Nếu biết mày, tao đã mở rồi. Chị Lý với anh Vinh chưa về. Tao bảo con. Thương lên trên anh Hân, đề tao giữ nhà cho. Còn một mình, tao khóa cửa, làm chủ am đại ần. Nhờ vậy, suốt ba tuần vừa qua, tao ôn bài kỹ lắm.

Trưa nay về Phan bội Châu với tao.

Quang đang còn ngần ngừ, Vân đã đập nồ máy, lái tới trước, nói như ra lệnh:

— Lên mau. Gắn vào trường rồi.

Quang lên ngồi phía yên sau, hỏi bạn:

— Mày thi trung tâm nào?

— Ban A thi ở Bồ Đề. Mày thi ở trường mình phải không?

— Ừ. Tại phòng bảy nữa mới lạ. Hồi hôm tao cứ trần trở mãi không ngủ được.

Không hiểu tại sao. Tao lục trí nhớ tìm đủ nguyên do. Nhưng không kịp nhớ một nguyên do nào tiên: tại sao mình học phòng bảy, ra hội đồng kỷ luật ở phòng bảy, bây giờ lại thi ở phòng bảy?

Vân cố nói to cho gió khỏi tạt đi:

— Mày nói như một chiêm tinh gia. Như Huyền Linh tiên sinh, chuyên đoán tương lai hậu vận, tình duyên gia đạo. Lôi thôi. Xuống tinh thần dữ vậy à?

Tao học được như mày, tao ngủ khi đến 8 giờ 15 mới vào phòng thi.

Quang ngồi ở sau, thấy bạn đi thẳng ra phố, ngạc nhiên hỏi:

— Đi đâu đây?

— Bây giờ mới bảy giờ bốn mươi. Ra phố ăn sáng đã.

Quang đập vai bạn bảo:

— Tao ăn phở rồi. Cho tao lên trường đi.

Vân cứ cho xe chạy thẳng, bình tĩnh như không có gì xảy ra:

— Ăn rồi thì uống. Trong khi tao điêm tâm, mày ngồi uống cà phê cho tinh thần phấn chấn, quên hết điêm



lành điềm dữ. Hương cả phê tỏa lên, mây sẽ thấy Platon đứng hầu bên phải, Claude Bernard đứng hầu bên trái, Bergson vừa cười vừa hỏi: Uống gì thêm không cậu ?

Quang không thể nhịn cười. Bao giờ Quang cũng khâm phục cái tài hoạt kê và lối nhìn đời thẳng thắn, trong sáng, lạc quan của Vân. Đối với Vân, không có gì đáng bỏ tay qui hàng. Khi nào cũng có một kẻ hờ nào đó cho mình chui qua, phui sạch bụi bặm, rồi vươn vai uốn ngực tiếp tục tiến tới. Vân không bối rối, không e ngại, vững chắc vạm vỡ như một lực sĩ vô địch trước bọn tép riu. Vân quyết định nhanh, gọn, và trong trường hợp sự vội vã đưa tới những hậu quả xấu, Vân vẫn vui cười chấp nhận, không hề hối tiếc hay ngần ngại trong các lần chọn lựa sau. Cho nên việc điều khiển ban chấp hành là trách nhiệm của Quang, nhưng sự thi hành và đôn đốc kiểm soát thực sự đều do Vân.

Vân đã có lý. Ngụm cà phê buổi sáng trong một quán nhỏ cạnh rạp chiếu bóng làm cho Quang thấy dễ chịu hơn, trí óc tỉnh táo. Vân cầm cái ăn tô phở gầu lớn không nói chuyện Quang đưa nhận xét:

— Mày làm cái gì cũng hết mình, như cái xe gắn máy tay ga thật bốc, mới rồ một chút đã vọt lẹ. Thấy cách ăn của mày mà tao thèm. Húp chùn chụt. Nhai ngấu nghiến. Đưa lưỡi lên hàm răng rà một lượt rồi chấp chấp cho hết hương vị, bắt chấp thì giờ và triết lý rồi rằm. Mày có biết đã tám giờ rồi không ?

Vân vẫn ngồi dựa ngửa trên ghế, tươi cười nhìn Quang :

— Biết. Nhưng đừng lo. Còn những nửa giờ nữa Tao là đồ đệ trung thành của anh Hân về một chân lý: tận dụng khả năng của sự vật. Mày không nhớ sao ?

Rồi Vân đưa tay vẫy thẳng bồi lại. Quang ngại ngừng, vừa dứt tay vào túi quần vừa bảo bạn :

— Đề tao trả cho.

Nhưng Vân lắc đầu, đích thân đến chỗ trả tiền móc túi đưa một tờ năm trăm. Quang ngồi chỗ cũ, cảm thấy hơi bẽ bàng, lấy một cây tăm trong ống định xia răng, sau chợt nhớ mình không ăn nên bẻ gãy làm hai, rồi làm tư, làm tám. Vân trở lại, nét mặt vẫn giữ vẻ thỏa mãn điềm tỉnh, rủ Quang :

— Thôi, mình đi. Tao chở mày lên trường. Từ hôm đó, mày có tới trường không ?

— Không. Tao thấy ngại ngừng. Thà đừng tới cho cả thầy lẫn trò tránh sự khó chịu cho nhau.

— Ngay sáng hôm sau, khoảng 10 giờ, Tao và thằng Liễn đem kháng thư tới cho thầy hiệu trưởng. Thầy bảo tội tao ngồi chơi, rồi đọc ngay tại đấy. Thầy cười, không nói gì. Một lúc sau, thầy nhìn tao, nói: Các em làm thế này là phải. Đây là tình liên đới trách nhiệm. Em có

gặp Quang, nhờ nhả giùm là thầy muốn gặp lại Quang trước khi đi chấm thi.

— Sao mày không nhả lại ?

— Tao thấy không cần. Tao có cảm tưởng tất cả mọi người đều thỏa mãn : mày thỏa mãn vì đã chu toàn trách nhiệm tổng thư ký, thầy hiệu trưởng thỏa mãn vì đã bảo vệ trật tự học đường và uy tín giáo sư, ban chấp hành thỏa mãn vì đã tận tình bên vực mày. Hòa cả làng. Đủ lắm rồi. Làm cái gì nữa, là thừa thãi vô ích.

— Cái gì mày cũng chăm biếm được. Chăm biếm cả chính mày.

Xe dừng đột ngột ở cổng. Vân dặn bạn :

— Mày ra chậm chậm một chút. Tao chạy lên đèo về Phan bội Châu. Có làm xong thì cũng ngồi đó, đọc đi đọc lại kiểm soát lỗi chính tả. Tao dốt triết lý, chắc chắn ra sau mày.

Quang chưa kịp trả lời, Vân đã rú ga, phanh rít thật đúng lúc trước một nữ sinh vừa băng qua đường, uốn lưng bẻ cho xe lách khéo léo bên phải, rồi chạy nhanh xuống Bồ Đề. Quang huýt sáo một bài hát vui lúc nào không tự nhận ra, và ngồi trường trước mặt vẫn mang đầy đủ vẻ thân yêu triu mến những tháng năm cũ.

oOo

Chiếc đồng hồ nhà binh vỏ nhựa màu xanh già trên tay Quang chỉ đúng 8 giờ 10. Các thí sinh khác đã vào phòng trước. Ngoài sân chỉ còn vài người đi trễ, hấp tấp vội vã chạy về phòng mình. Vài thí sinh quân nhân

tà tà đi trên hành lang tìm số phòng, tay còn cặp điều thuốc cháy đang dở.

Đây cái bảng lưới thông cáo dán chổng chắt hết lớp nọ đến lớp kia. Đây bậc thềm có lát gạch hoa màu tím thẫm. Cầu thang hình xoắn ốc với các bậc cấp lở lói dây đỏ. Tấm bảng màu xanh lá cây đề chữ đỏ CẤM LÊN LẦU TRƯỚC GIỜ HỌC. Hành lang dài hun hút. Những dấu chân đã in đã xóa bao lần ở đây, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Những tấm cửa lá sách màu xanh sơn đã chết nên biến thành màu trứng sáo. Những khung cửa gương vỡ gió lùa mỗi lúc đông về, làm lạnh lòng những cậu bé nghèo. Tất cả vẫn như cũ, có lẽ còn tươi vui rạng rỡ hơn là đêm hôm ấy. Quang là thí sinh đi trễ cuối cùng. Hai cô giám thị đang phát giấy thi xuống từng bàn, một người phát giấy trắng một người phát giấy màu. Cô trẻ im lặng làm việc, cô khá lớn tuổi vừa phân phối giấy nháp vừa dặn :

— Cấm đòi giấy màu cho nhau đấy, tôi đã phát giấy nháp theo lời dặn của ông chủ tịch, người ngồi trước cùng màu với người ngồi sau. Ai trao giấy nháp cho nhau, giám thị hành lang bắt được, sẽ bị lập biên bản gian lận. Tất cả mọi người đặt thẻ học sinh hay căn cước trước mặt cho tôi kiểm soát.

Quang cúi đầu nắn nót tên họ, ngày và nơi sinh vào tờ phách. Nghe có tiếng gõ trước mặt bàn, Quang nhìn lên. Cô giám thị già đứng trước hỏi cộc lốc :

— Thẻ?

Quang móc túi đưa thẻ học sinh ra. Cô giám thị so nét mặt trên thẻ với ảnh dán trên phiếu thí sinh, rồi nhìn lại mặt Quang lần nữa. Cái nhìn qua đôi kính cận thị để trề xuống chớp mũi tẹt cổ vẻ nghi ngờ. Cô giáo trạc tuổi ba mươi, khuôn mặt ồm và chút son thoa trên má không che dấu nổi làn da xanh chán chường. Đôi mắt mệt mỏi, môi dưới hơi dày có lẽ là hậu quả của một nỗi chờ đợi tuyệt vọng cái biển biệt mất hút, nên buông thả mặc nhiên chứ không cố mím lại làm duyên. Cô ta hỏi:

— Sao nét mặt trong ảnh trẻ quá vậy?

— Thời-gian mà cô.

Đặng sau có tiếng cười khúc khích. Cô giáo lườm Quang rồi bỏ sang bàn bên kia. Quang hơi hối tiếc vì câu nói vô tình của mình đã chạm đến thứ mặc cảm chua xót cố gắng

giấu sàu vẻ nghiêm nghị bắt cần của cô giám thị. Ánh nển mập mờ lung lay hôm trước hiện về. Hành lang tối và âm thầm. Cầu thang dẫn xuống một vùng đe dọa vì ánh đèn pha hữu hình và những hòng súng vô hình... Cô giáo trẻ ngượng nghịu đưa hai tờ giấy ghi điểm cho Quang ký.

Khuôn mặt cô không già dặn gì hơn khuôn mặt Lan. Quang đưa viết ký như cái máy. Tiếng guốc đi chuyển về phía dưới phòng. Thí sinh bên tay mặt đưa tay khều hông Quang. Ông ta đã lớn tuổi, mái tóc lốm đốm bạc, và đôi kính đang mang có lẽ là kính lão. ông ta hỏi Quang:

— Em có biết ông Lân, giám thị tổ chức kỳ thi này không?

— Dạ, không.

— Em không biết qua, nhưng qua biết em. Qua có đứa con học đệ nhị trường này về nhà nói chuyện em

PHÂN ƯU

Vô cùng xúc động khi nghe tin

Anh DOÃN - DÂN

đã vĩnh viễn ra đi ngày 29-4-1972 tại chiến trường Trị-Thiên.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng chị Doãn Dân, các cháu và xin cầu nguyện cho linh hồn Anh siêu thoát.

VÕ - HỒNG. NGUYỄN - KIM - PHUỢNG. TRẦN - HUIỀN - AN.
PHAN-VIỆT-THỦY. MANG-VIÊN-LONG. THẾ-VŨ. PHẠM-CAO-
HOÀNG. NHÃ-NAM. PHẠM-NGỌC-LƯ. KHÁNH-LINH. NGÔ-
PHAN-LƯU. LŨ-QUỲNH.

luôn. Nhất là sau vụ đó. Qua làm bên ty hợp tác xã. Em có biết thằng Lữ học nhị B I không ?

— Dạ thưa bác không.

— Lữ là con trai qua. Già rồi mà còn lo thi, may ra được chuyển ngạch tham sự. Thời bây giờ công chức đồng lương eo hẹp quá em.

— Dạ.

— Lớn tuổi học hành không vô. Bù đầu lo ngày hai bữa cho gia đình cũng đủ mệt phờ rồi.

— Dạ.

— Qua nói với ông Lân, ráng tìm cách xếp cho qua ngồi gần em. Ông ta nói kệt quá, vì phải xếp theo thứ tự ABC. May mắn là ông chủ tịch này đa nghi đòi dán lại theo hàng dọc. Thấy em không tới, qua đã lo. Trời đã giúp qua rồi, bây giờ em giúp thêm cho chút nữa.

— Chắc khó quá bác. Cô cận thị coi bộ gay gắt dữ.

Lúc đó, thí sinh ngồi bên trái hỏi :

— Có đem thước cho tôi mượn ?

Quang quay sang trả lời :

— Tôi không đem theo. Bữa nay thi triết chưa cần thước vôi.

— Tôi tên Quỳnh. Lâm Quỳnh. Anh tên Lê xuân Quang phải không ?

— Phải.

— Chắc hai đứa mình sẽ thông cảm nhau. Con mẹ dui đó, thắm gì. Tôi có cách. Năm ngoái thi bán phần, tôi áp dụng, các mẽ găm mặt xuống không dám hó hé một câu.

Quỳnh có một gương mặt lười cày và đôi mắt hơi xếch. Nước da đen,

tóc để dài tới tận ót, và hai cái mai đường như được vuốt bi dăng tin nên nhọn hoắc như ngòi viết.

Vừa lúc ấy, tiếng chuông ngoài hành lang nổi lên chát chúa. Cô giám thị trẻ vẫn ngồi ở bàn thầy, ghi ghi chép chép trên giấy trắng. Cô giám thị già thành thạo với công việc, đang ngồi trên bục gỗ, nhanh nhẹn đứng dậy cầm bi để giờ cao 'ên, xoay qua xoay lại cho thí sinh thấy còn nguyên dấu khăn. Quỳnh bực mình, nói nhỏ :

— Bày đặt. Mở cho rồi, mẹ nội.

Cô giám thị xé đề, phân làm đôi; đưa cho cô trẻ một nửa, rồi bắt đầu phát dây bên kia. Cô trẻ đương nhiên phải lãnh phần, xuống khỏi bục gỗ chậm chạp phát cho dây bên này. Cô già phát xong trước, lên đứng trên bục cao, nghiêm nghị nói :

— Ai có đem theo tài liệu, phải nộp lên bàn. Tài liệu dù chưa dùng, vẫn bị xem như gian lận.

Cả phòng lo đọc đề, trả lời bằng những tiếng lật sách xé sách sột soạt. Cô trẻ trở lại ngồi trên bàn thầy, giở một cuốn sách ra đọc. Cô già đến nhắc nhở điều gì, cô trẻ lắng nghe rồi lắc đầu. Quang nghe một giọng Huế nhỏ nhẹ ngọt ngào :

— Em xin chịu. Em dạy tại đây, khó lắm. Lúc hội đồng giải tán, ai lo cho em. Chị ở xa tới, dễ hơn.

Cô già có vẻ không bằng lòng, mím môi lại, bước xuống lớp tịch thu cuốn Đạo-đức-học kê dưới bài một thí sinh. Cô quay lên, tiện đường bảo một thí sinh khác đứng

dây, rì rầm thu một cuốn vở để mở dưới băng ngồi. Sổ vở sách tịch tịch thu chặt thành đống cao trên bục gỗ. Dưới phòng có nhiều tiếng xầm xì. Quang không chú ý đến các tiếng động chung quanh, cắm cúi viết. Người công chức già và Quỳnh lặng lẽ làm bài. Đang lơ mơ cố nhớ tên một triết gia hoài nghi giá trị tri thức, Quang giật mình vì có tiếng gõ cạch cạch ngay trên bàn mình. Giọng cô già xằng xóm :

— Anh ngồi đầu bàn, tôi làm biên bản bây giờ.

Quang hơi ngạc nhiên, nhìn lên xem có phải cô ta nói đến mình. Cái nhìn của cô hướng về Quỳnh. Quỳnh giả bộ thờ ngây :

— Thưa cô, em có làm gì đâu ?

— Anh đừng giả vờ. Đưa cuốn vi phim cầm nơi tay cho tôi.

Quỳnh không thể biện bạch gì hơn. Hắn đứng dậy, hai ngón tay giữ một đầu, rồi xò bàn tay cho cuộn giấy mỏng xò dài đến tận chân bàn. Cả phòng cười rộ, Cô giáo không nói gì, cũng không cười, đến lấy cuộn phim của Quỳnh, cuộn lại cẩn thận, rồi ghi ký danh của Quỳnh lên mặt giấy.

Quỳnh vẫn đứng, nói một cách bình tĩnh :

— Thưa cô, em đã tình nguyện nộp tài liệu. Nếu cô làm biên bản, phải làm luôn những người khác mà cô vừa tịch thu sách vở.

Cô giám thị không biết trả lời thế nào, tìm cách hòa giải :

— Thôi, anh cứ tiếp tục làm bài.

Nếu tìm cách dùng tài liệu lần nữa, tôi sẽ không bỏ qua đâu.

Dưới cuối phòng, một thí sinh khá lớn xác đứng dậy nói :

— Thưa cô, chúng tôi cần yên tĩnh để nhớ lại bài học. Cô cứ nói chuyện với thí sinh hoài, chúng tôi không thể làm bài được.

Cô giáo không thể chịu đựng được nữa, vùng vằng xách bóp bỏ ra hành lang.

Cô giám thị trở ngược lên, bỏ cuốn sách chạy theo ra ngoài. Một nam giáo sư ở đâu đến đứng trước ửa lớp, và cả ba người bàn tán gay go. Cô giám thị già bỏ đi, ông giáo sư trẻ mang cà vạt xanh điểm hoa đỏ vào thay thế.

Từ lúc đó đến cuối giờ, hai người phụ trách giám thị phòng cứ rầm rì nói chuyện với nhau. Không khí bên dưới tự do cởi mở, nhộn nhịp hẳn lên. Bác hợp tác xã đề nguyên quyền sách lên bàn, lật qua lật lại mãi không tìm ra câu trả lời. Quỳnh cũng làm vậy. Cô trẻ không xem sách nữa dùng viết ghi gì đó trên giấy trắng rồi đưa cho ông giáo sư. Ông giáo sư cười, viết trả lời. Quang nghe tiếng hí hí bị bàn tay bụm lại, và giọng nũng nịu :

— Mô có. Thằng em bà con đó.

Ông giáo sư rầm rì câu gì, giọng trầm khó nghe.

Cô giáo lại cười ;

— Thôi, thôi. Về bộ được rồi. Nhà em gần rứa tề.

(còn tiếp)

NGUYỄN-MỘNG-GIÁC

Mưa và nỗi chết ở An-Lộc

Thơ NGUYỄN-TIẾN-CUNG

Mưa đổ quanh mặt trận đầy thấy người chết
Xác vắt trên kẽm gai, xác vắt cạnh hào
Xác cúi khom khó cứng, xác gầy như bệnh
Mưa trên xác chết trời chẳng chút ghen ngào.

Có mẹ già bỏ nhà chạy mang cháu nhỏ
Những đoàn người ngơ ngác chạy trốn chiến tranh
Đạn bông rơi và thêm nhiều người ngã xuống
Còn nỗi chết nào hơn nỗi chết quanh đây.

Có người tình đứng nhìn người yêu chết trận
Vẻ hất hùng còn in trên đôi mắt quầng thâm
Anh đứng giữa cơn mưa đầy tràn cảm xúc
Lòng người ở đây như biệt dạng mất tâm

Có người thân yêu còn bên kia vĩ tuyến
Biết kẻ phương trời này có được bình yên
Ra đi là kẻ rằng suốt mai tuyệt vọng
Nỗi chết vấy mờ người an giấc cô miên,

Trời đã mưa, mặt trận đầy thấy người chết
Anh đứng giữa trời mắt nhìn lững xa xôi
Biết ai xót thương cho từng này nỗi chết
Những nỗi chết gọi mời, nỗi chết chia phôi.

Tháng 4-72

Tặng các chiến hữu ở An-lộc

TUỔI TRĂNG SẦU

Tặng những ai đồng trang lứa với YSA

«Om đầy tay mộng cùng mơ
Mơ tan theo mộng lững lờ trôi qua.
Tình xuân ôm chặt mùa hoa,
Vòng ôm nhẹ hẫng, xuân nhòa về đâu?»

Sương khuya nhuộm bạc trắng sầu,
Ngàn sao mỗi đọi, sân châu vắng tanh.
Xe mây lùi mãi trống canh,
Từng đêm với hết tuổi xanh còn gì!

Đêm Tròn-trắng, tuổi Truyền-kỳ...
Mắt xanh Công-chúa màu hy vọng chìm.
Tiếng gà lay rúng trái tim,
Bề Đông bề Bắc cánh chim tuyết mù.

Lặn sâu đời sống ao tù,
Giấc mơ về bến La-Phù chẳng say.
Tàn canh gượng vẽ nét mây,
Đêm mai rồi một chút này cũng không!

Của tin mòn mỏi theo giòng,
Mòn cho đến hết đường cong hạ huyền.

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Sài Gòn 5-5-1972

Ghi chú.- Bài thơ này không thể không nhắc đến Ysa, vì 4 câu đầu chỉ là phỏng dịch từ 4 câu thơ Pháp-ngữ của Ysa tặng V.H.C.:

J'ai embrassé les rêves
Qui passent puis s'achèvent.
J'ai embrassé la vie
Qui passe et qui fuit.

KHU TIỀN CHẾ 2

Buổi sáng thức dậy thật sớm và lặng lẽ như bao nhiêu buổi sáng khác, Ánh nắng thánhtư hanh nóng và tràn ngập mau lẹ khu trại thần kinh, lập lòe soi đỏ mái ngói đã có rêu của ngôi nhà thờ nhỏ nằm bên cạnh, cách một lối đi trải cát vàng, xe chạy được. Thật lạ. Thật khó chịu. Mặc dù mặt trời còn ửng hồng một vùng trời đông bắc, đám bệnh nhân đã tản mát, ngồi theo biên cửa, ngả lưng trên giường hút thuốc, vào lễ nhà thờ, xuống câu-lạc-hộ uống cà-phê... Một vài đứa ngủ muộn, hấp tấp, uể oải cầm chiếc lon nhựa xanh đỏ, hộp sữa Guigoz đi lấy nước chải răng hay thu lại chăn nệm. Khuôn mặt thẳng nào cũng đờ đẫn, nặng nề và thân hình rút lại, luộm thuộm trong bộ áo có hàng cúc cài bên trái may bằng thứ vải dùng làm bao chứa bột, vàng nhạt. Chuyện gẫu, chửi tục, nằm dài trên giường, khạc, nhổ, nói nhỏ về đám y-tá và viên bác sĩ, lên cơn, chạy qua chạy lại ghì đỡ... Khu trại thần kinh cất theo kiểu tiền chế, bằng tôn, hai mặt có nhiều cửa ra vào, phòng bác sĩ sát bên mé tường trong, cô y-tá tên Lan làm trưởng trại; một trại còn mới nhất trong các trại của một bệnh viện nhà binh lớn nhất nước có đủ dui, què, điếc, sút mề toàn khoa. Khu trại thần kinh: chiếc hộp chữ nhật, 24 giường, kinh phong, suyễn, kinh phong. Đẩy vào thể tiêu-biểu thì khu trại nóng bức, nằm về góc trong cùng ngay cổng vào

này chính là hình ảnh của một quốc gia bị kéo dài chiến tranh, được thu gọn lại. Thằng giường số 1 già nua nằm nhai mẩu bánh mì, thằng giường số 4 lên cơn, giọng Huế nặng nặng la sáng: đó, Việt Cộng vô đó, trời ơi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, thằng giường số 6 cười hề hà, viết vào một mẩu giấy đưa qua thằng giường số 7 đầu cao nhẵn chờ đưa vào Chợ Rẫy chạy E.E.G, đã cầm vì té rập thối, thằng giường số 15 uống thuốc, mệt mỏi, Khu trại thần kinh này chỉ có mỗi chúng bệnh kinh phong. Đang ngồi chuyện giỡn tự nhiên bỗng ngã lăn ra, tay chân quắp lại, miệng sùi bọt, ú ớ rồi nằm, bảy phút tỉnh lại đi ăn cơm, đi tắm rửa... Có thằng hai, ba ngày lên cơn, có thằng mỗi ngày lên cơn ba, bốn lần. 24 giường, 24 thằng nằm. Kinh phong từ các tiền đồn heo hút, kinh phong từ các sư đoàn, kinh phong từ các văn phòng tham mưu, kinh phong hằng chục năm, kinh phong vừa mấy tháng. Kinh phong trên 4 quân khu. Kinh phong từ lúc khu tiền chế này chưa có. Hình như khu tiền chế dựng lên đã được 5, 6 năm nay?

oOo

Đám bệnh nhân đứng hoặc ngồi xôm vây quanh hơn chục đứa từ trung tâm nhập ngũ 3 vừa chở tới, phía sau phòng bác sĩ. Đây là những thằng nghiện ma-túy bị bắt chờ được giám định để làm lính. Thằng nào như cũng chỉ còn da bọc xương, tóc râu bồm xồm, câu ghét, áo quần xốc xếch. Có cả đứa trông hơn 40

tuổi. Đứa nằm trên thềm xi măng đen ngoạch, đứa lăn lộn kêu la trên cỏ, mồ hôi ướt đầm, đứa đang mấp nuốt nhựa, đứa đang chích vào tay bằng ống kim nylon nhỏ, nhưng đường gân trên tay bắn lên vết kim xám xịt. Vào đi, bác sĩ khám nghe anh em. Đám bệnh nhân trở lại phòng, ngồi trên giường im lặng. Người y-tá đi từ đầu phòng đến cuối phòng đặt lên mỗi giường một mảnh bìa có ghi số, đó là hồ-sơ y-bạ. Thằng này thằng khác hé giở bọc bìa, mở lớn mắt nhìn vào rồi xếp lại ngay ngắn. Tất cả vòng tay trước gối lặng lẽ, đợi chờ. Viên bác sĩ còn trẻ mang lon thiếu tá bước vào, cầm cái ống nghe, đi chậm chạp qua từng giường, nhìn vào bảng ghi nhiệt độ mắc ở đầu giường, vừa giở y-bạ vừa hỏi: thế nào, mấy hôm nay có lên cơn không? Thằng này thưa, tôi bị ba, bốn lần không nhớ nữa, thằng kia ngạc nhiên, dạ tôi vừa lên cơn lúc bác sĩ chưa vào có y-tá thấy, dạ tôi suốt đêm qua không ngủ được, dạ tôi mới đo đầu về, dạ tôi còn chờ kết quả chụp hình đầu. Bác sĩ gật gật đầu quay nói, người y tá ghi ghi chép chép. Tuần nào cũng ngần ấy. Thứ ba và thứ sáu. Từ 9 giờ. Thật đều đặn. Bác sĩ dừng lại giường số 17, đặt ống nghe vào ngực, bắt mạch thằng lên cơn sốt đã nhờ gọi gấp y tá chiều qua còn đang trùm chăn. Bác sĩ nhìn lướt vào thằng giường kế bên, mang kính cận:

— Anh mới nhập viện? Ở đơn vị nào thế?

— Dạ, tôi ở sư đoàn 7 Mỹ tho.

Anh đi lính lâu chưa? Làm gì?

Anh bị động kinh từ lúc nào? Anh có uống thuốc gì chưa? Trước khi lên cơn anh cảm thấy có gì khác lạ không? Thưa bác sĩ tôi đi lính được 3 năm, làm phòng Tâm-lý-chiến. Tôi bệnh khi còn đi học cách đây gần 10 năm. Tôi có uống Dilantin và Gardénal. Tôi có chạy E.E.G. Hết mất ngủ liên tiếp là tôi thường lên cơn... Bác sĩ gật gù, bảo nằm xuống, đặt ống nghe, úp bàn tay gõ gõ vào khớp xương gối, xương bàn chân. Vẫn những câu hỏi nhưng câu trả lời quen thuộc ấy. Vẫn cách khám bệnh ấy dù có nhiều thằng nhập viện và được gọi qua phòng riêng. Sau đó cứ thi nhau nằm. Nằm không thuốc men trong 2 tuần lễ hơn rồi mới có quyết định của bác sĩ: cho về hay cho nằm 1, 2 tháng nữa để chụp hình đầu, chạy điện não ký, ra Hội đồng giám định họp vào sáng thứ tư mỗi tuần. Vài đứa làm vẻ hiểu biết thường nói là "bác sĩ thử coi mình có lên cơn không" khi có thằng nào cầu nhau, chải rửa không được chăm sóc. Hôm qua ba đứa ở giường số 8, số 15, số 22 mang trả chăn màn, mặc lại quần phục xuất viện. Không đứa nào được cho ra Hội đồng giám định, không được nghỉ dưỡng bệnh, ba thằng đã chải nhoi lên trong khi chờ y tá mang lại giấy tờ. Đ.M. mình bệnh vậy mà ống không tin, không cho đo đầu. Đ.M, nằm gần một tháng không có viên thuốc, còn lúc bệnh thì không có ống. Ới giờ ơi, tiền đâu để về Qui Nhơn đây... Có tiếng kêu hốt hoảng. Tiếng bước chân chạy. Thằng giường số 6 ngã chúi mặt úp vào đất, chân tay quắp lại, co giật. Viên bác sĩ khom người, đưa tay ngăn mấy thằng

nằm gần không cho lòi lên giường, ra dẫu bảo y tá đỡ lại thành bệnh — cái mặt xạm nắng nhưng còn non choẹt, bên mép rỉ dòng máu—dĩ điều thuốc đang hút vào bấp chân, chăm chú quan sát. Thành nhỏ không cựa quậy, miệng sùi bọt, ú ớ ú ớ như nghẹt thở rồi bỗng hét khàn lên : «Đ M. mày, đại úy Đ., mày hại anh em. Tao bắn mày. Tao bắn mày»...

oOo

10 giờ sáng mà ánh nắng muốn xuyên thủng mái tôn khu trại thần kinh. Đám bệnh nhân mỗi lúc một thêm cái vẻ khổ sở, chịu đựng. Thành nào cũng chỉ mặc áo lót, có thành còn cởi trần, mặc cái quần đùi ngắn ngắn, mặc dù có lệnh cấm. Cả bọn cứ than vãn là không có nước tắm. Nước gì chỉ chảy có một lúc buổi chiều. Có đứa lại nói về việc không có thức ăn, về cầu tiêu ứ đọng. Một đứa đã nói lớn khi thấy y-tá mang chai «nước biển» đến vào cho thành đang sốt, mẹ, còn tôi đây lên cơn ngày hai ba lần như mấy anh thấy đó mà không biết làm sao cho ông bác sĩ ông tin nữa. Ông này có vẻ ác quá. Một đứa nói, cứ nằm hoài đây rồi xuất viện, không hết bệnh, thôi xin mẹ nó về, sợ hơn. Một thành đi vào phòng, mặt chán ngán, leo ngồi lên giường, hoa tay kêu lên : «Mẹ, mới chùng này trực thăng chở về cả đồng hai ba chuyến. Lên mà coi. Mười mấy hai chục tên». Hai ba đứa choàng vội áo quần, uà kéo lên phòng cứu cấp. Còn lại hơn chục thành quay nhau bàn tán, chắc là đánh ở Miên nên tối qua không tải về được, chắc là nhiều quá có khi cả đại đội

chở không hết và thứ này phải là thứ nặng, nhứt chín nhì bù mà, mẹ, đánh cái gì hằng hai ba năm bên đó mà không một tin tức. Tiếng người đàn bà già cao giọng, lọt vào phòng : Cơm đi. Tất cả nhao lên : Cơm đi, cơm đi. Tiếng muông tiếng mâm chạm nhau lanh canh. Một thành áo quần xốc xếch giờ cao chiếc mâm có những hõm chứa thức ăn vừa đi vừa gõ cười hề hà như gõ mõ. Bữa cơm trưa đi qua không được 15 phút, tất cả đã kéo về phòng với mâm muông đã rửa, lon nước trà trên tay, rồi lại cởi áo cởi quần ngồi ngả trên giường hút thuốc, uống nước, chửi đồng về bữa ăn trong khi một số họp lại nói tiếp về mục đánh nhau ở Miên... Chưa đầy 11 giờ. Mấy thành còn lại, thành nằm coi tờ báo cũ, thành ngồi ở ngạch cửa, thành nhắm mắt lăn lộn tay quạt phành phạch, thành lau lấu ngó lên trần nhà như cái xác bỏ ở khu vĩnh biệt chờ tẩm liệm. Một người đàn bà độ 30 ngoài bước vào hỏi lớn : «Còn mấy ông nào sao chưa chịu lấy cơm đi. Cho người ta thu dọn với chứ. Ông này sốt phải không, đã lấy sữa chưa?». Không tiếng trả lời. Người đàn bà lẩm nhẩm miệng, bực dọc bỏ đi. Căn phòng thật đã nóng bức. Những cái xác cựa quậy, quạt phành phạch, phành phạch. Thành bị sốt cổ kéo tấm chăn thò đầu ra lau nhàu : «Mẹ cha nó, đến sữa cũng quậy chó không thèm uống». Vài ba tiếng cười nắc nẻ. Một thành nào đó lên giọng mỉa mai : «Thì bọn nó vẫn vậy anh ơi. Không ăn được cũng phải nhắm mắt nuốt chứ tiền đâu ăn Câu-lạc-bộ. Anh nằm lâu anh sẽ thấy. Chó đẻ lắm». Chiếc hộp bịt bùng cháy ngút trên nắp, 4 góc tường

rực lửa Lừ như Nồng nghệt. Những cái xác vươn mình cựa quậy cựa quậy. Ồ, Việt Cộng vô đó, trời ơi, Lạy Chúa tôi, Lạy Chúa tôi. Những cặp mắt dồn về thằng giường số 4 đang dầy dụa. Vài tiếng cười khúc khích khúc khích, một hai tiếng nhần nhừ. Thằng già ở giường 1 ngồi dậy bốp ngậm nước khề khà nói khàn khàn: «Mẹ, thằng này chắc đá cả ra quần khi thấy Việt Cộng rồi nó mắc bệnh luôn chớ gì». Tiếng cười vang rân. Nhiều thằng ngồi dựng dậy, vỗ tay lớp bốp. Cô y tá trực đang đứng bên giường thằng sốt, bèn lên bước mau ra khỏi phòng. Hai ba thằng ng oắc ngoắc àm dẫu tay ôm hôn, mặt tứ ọi mát, nhìn nhau cười nắc nẻ. Tiếng một đứa nào rất khoái trá: «Chắc nó cứ tưởng lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi là hết Việt Cộng chớ gì. Mẹ, con lạy cả Phật suốt đời con cũng không hết Việt Cộng nữa con ơi». Một đứa khác lại xen giữa tiếng cười: «Phải cho anh Ba già làm bác-sĩ chắc bọn mình được giải ngũ hết hờ mấy anh?» Tất cả lại quay nói về viên bác sĩ, thắc mắc sao ông ta lại thường đi điều thuốc đang cháy vào thằng lên cơn. Một thằng nói: «Chắc là ông coi có bệnh thật không». Thằng khác cãi lớn: «Coi mẹ gì kỳ vậy. Người ta đang bệnh mà làm vậy thất đức quá». Thằng hay lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, tỉnh lại, thều thào: «Đ.M. phải cho ông bệnh ông mới biết». Nhưng cái miệng lại hăng hái bàn cãi, chửi thề. Lúc nào cũng vậy, bất kể sáng trưa chiều tối những cái miệng ở đây đều như sẵn sàng chiến đấu gay go. Tất cả bàn cãi thật hăng say và cãi xong

là không còn nhắc nhở.

Buổi trưa chờ dẫn đi qua căn phòng quét vôi vàng ửng lừ đừ, chậm chạp. Hơi nóng dịu xuống nhưng vẫn hừng hực từ trong 4 miếng tường. Những cái xác hơi hóp, hơi hóp. Năm, ba thằng ra ngồi ở ngạch cửa nhìn ra cổng. Một số kéo nhau xuống phòng tắm. Đã gần 4 giờ rưỡi chiều. Người đàn bà già xách bình sữa đi vào phòng, tìm đến giường thằng sốt, gần cuối góc mặt, và cắt cái giọng cau có «cơm đi». Một hai tiếng rồi rả «cơm đi, cơm đi». Thằng sốt giữ cái lon trên ngực không cho rót sữa, người đàn bà đảo mắt khắp phòng, nói lớn: «Thôi mấy ông này đi ăn đi chứ. Tối rồi cho người ta còn thu dọn. Cứ hầu hạ mấy ông mãi hay sao». Chiếc loa mắc ở góc trại phía trước hội trường nhắc lại lời yêu cầu thân nhân ra về để thương bệnh binh dùng cơm và «xin hẹn gặp lại quý vị vào 4 giờ chiều mai». Năm bảy người đứng lên, nắm tay, khóc lóc, lau mắt rồi bước khỏi phòng. Đám đông bệnh nhân vẫn còn uể oải chùi rửa mặt, uống canh, lạnh canh. Một thằng mới nhập viện buổi sáng, hết giường, nằm cùng với thằng mang kính cận, hỏi lớn:

— Sao cơm nước gì chừng này. tôi đói chết hờ mấy anh?

— Đói vẫn phải chịu. Tôi ăn rồi đây. Đứa nào có tiền thì xuống cầu lạc bộ ăn thêm. Khó gì. Thằng nhỏ ở giường sát phòng bác sĩ ngồi nói giữa tiếng cười.

Anh Ba già giường số 1 đang chùi mặt bằng mảnh giấy báo, quay lại khàn khàn:

— Nó nói đúng đó. Đứa nào không ăn được bây giờ hãy xuống lấy cơm rồi mua xì dầu, tỏi ăn. Còn ở đây lâu mà, hằng tháng trời. Như anh Ba này, đã nằm đi nằm lại mấy lần. Thử hỏi tiền đâu ăn câu lạc bộ cho đủ hở?

Những đứa đã ăn xong cơm lại cởi áo cởi quần nằm, ngồi, uống nước, hút. Vài ba thằng mang cơm về phong đặt vào chiếc bàn nhỏ kê đầu giường lấy báo đây lại, có thằng ngồi ăn ngay trên giường. Cười giỡn, cần nhẩn và nói tục. Ngày nào cũng vậy. Cơm trưa. Cơm chiều. Hôm nay. Ngày mai. Cô y tá trực cúi đầu thay «nước biển» cho thằng bị sốt trong khi miệng nó chửi nhoi lên: «Mẹ nó, sữa quậy chó không thêm uống»...

oOo

Nhiều thằng lui cui mắc mừng khi nắng bắt đầu lệch sang một phía. Hơi nóng vẫn tỏa ra từ mái tôn, từ những miếng tường. Gần hết đám bệnh nhân ngồi dọc theo hành lang nhìn mông lung xuống Câu-lạc-bộ và hướng con đường dẫn ra cổng. Giữa những khu trại ngoại thương nhiều người ngồi trên xe lăn hay chống nạng đi qua đi lại, một số

đông kéo về Câu-lạc-bộ. Từ phía hội-trường đối diện với trại thần kinh, hai mục sư đứng ngoài mé đường mời gọi bệnh nhân vào dự buổi giảng thuyết thứ hai trong tuần trong khi chiếc xe ca chạy quanh các trại để đón những thằng không đi đứng được. Những dãy ghế vẫn còn bỏ trống quá nhiều mặc dù tiếng loa đã vang vọng, không như những buổi chiếu phim ngày thứ tư. Rất nhiều thằng đã chửi đổng vì không còn biết làm gì trong cái bóng tối chết chóc, ma quái, lù mù những ánh đèn vàng bệch khi màn đêm nặng nề chụp xuống. Có thằng chen lấn đã đòi đập mẹ nó cho rồi cái ti-vi 19 inches duy nhất đặt ở góc quầy Cầu-lạc-bộ, quay một phần khung ảnh ra ngoài. Có thằng ngồi góc trại trơ vơ hút thuốc, đóm lửa lập lòe. Có thằng nằm thiêm thiếp trên giường hay hát ê a. Gió đêm thổi từng chập từng chập mang theo hơi nóng. Bệnh viện thu lại mùi mờ xa vắng. Khu tiền chế 2 mập mờ 2 góc 2 bóng sáng 45 watts. 9 giờ: Câu-lạc-bộ đóng cửa. Một bọn đông đảo ủa ra huyền ảo, tản mát. Tiếng honda, tiếng xích lô máy nổ ầm ầm

ĐÃ PHÁT HÀNH

SA ĐẠO

Truyện kể của ALBERT CAMUS

Trần Thiện Đạo phiên dịch và chú giải — Giao Điểm xuất bản.

♦ Một tác phẩm nòng cốt của triết thuyết hiện sinh, mà các bạn sinh viên, bạn yêu văn học không thể không đọc.

vượt qua con đường ngoài cổng. Sự ăn chơi của thủ đô ngời lên trăm nẻo ngã đường. Và đây là tương lai. Còn trong này là quá khứ. Chỉ là quá khứ thôi. Một đứa chống nạng qua ngang khu tiền chế và chửi : «Mẹ, cứ hát chút thì tin tức chút thì bình luận, thứ gì đó ai thèm nghe». Thằng đi cạnh, cánh tay bó trắng xóa cười hề hà : «Chắc mày khoái lắm mấy cảnh con thì đốt thư khóc

lóc kể chuyện tình xưa, con thì chấp tay lạy Phật lạy Chúa « cho con cưới được người con yêu» hay thằng thì tóc đến vai mặc đồ lính nói chuyện chiến đấu, hử Sơn ? Tao chán bỏ mẹ, toàn những thất tình di tình mộng tình, thét rồi bản nào như bản này». «Tao hỏi : vậy chớ mày làm gì cho qua buổi tối đây ?»...

Mỹ-tho, mùa Hoa lý.

THÁI-MINH-PHƯƠNG

Sửa lại cho đúng

Bài «**Căn bản kinh tế học của giáo-dục**» của Giáo sư Trần Ngọc Ninh đăng trên Bách Khoa 2 số trước và số này (368, 369 và 370) có những lỗi ấn loát sau đây, xin bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho.

● BK số 368 (1-5-72)

— Trang 34, cột 1, hàng 10 : đã in «**một inh-chứng**», xin sửa là «**một minh chứng**».

— Trang 36 cột 1, hàng 21 : đã in «**cấp phát một sinh viên**», xin sửa là «**cấp phát cho một sinh viên**».

— Trang 37, cột 2, đếm từ dưới lên, hàng 5 : đã in «**cao lại**», xin sửa là : «**cao hơn lại**» ; hàng 7 đã in «**đó là năng xuất**», xin sửa là : «**đó là vì...**» ; hàng 18 đã in «**phai tính**», xin sửa là «**phái tính**».

— Trang 38, cột 2, phần chót : đã in «(Tỉ lệ đã lật ngược) giáo dục góp...» xin sửa là : «1929-1957 : tư bản góp 15%, giáo dục góp 23⁰/₀ của sự phát triển kinh tế (Tỉ lệ đã lật ngược)».

● BK số 369 (15-5-72)

— Trang 25, cột 1 hàng 1, đã in «**Phương pháp tương tự...**», xin sửa «**theo một phương pháp tương tự...**».

— Trang 28, cột 1, hàng 20 : đã in «**Những mô-hình**», xin sửa «**Nhưng mô hình**».

— Trang 29, cột 2, hàng 10 in thiếu, xin sửa : «**hỏi của thể hệ trẻ**».

● BK số 370 (1-6-72) số này :

— Trang 23, cột 2, hàng 7, xin sửa : «**đường phải đi. Đối với**».

— Trang 24, cột 1, hàng 2, xin sửa : «**khoảng 30 đến 70⁰/₀ dân số,**»

Trên đoạn đường quê em

Thơ VŨ HỮU ĐỊNH

Thương tiếc Anh Doãn Dân.

Lửa đã cháy đường ra quê em
Lửa đạn, lửa trời đốt người nghiệt ngã
Lửa đã cháy trong lòng anh hóa đá
Giữa biển người thành thú bỏ ngổn ngang

Trong hai lần đạn giữa đồng hoang
Máu chảy ngập chân lúa gầy cổ đại
Máu đã đổ con đường anh đi lại
Của những ngày xưa yêu dấu vô cùng

Ôi con trẻ cũng biết tìm sự sống
Bỏ giữa hôn người vừa chết nát thân
Đêm ngã xuống vô tình con trắng bạc
Những tiếng gọi gào sao không động từ tâm ?

Lửa rực đỏ treo trăm đường sinh tử
Trong đêm cay đêm địa ngục hải hùng
Mẹ thét tìm con tóc dài điên dại
Xiêu vẹo giữa đường chết đuôi sau lưng

Lửa đã cháy đường ra quê em
Lửa đã cháy một đoạn lòng của Mẹ
Ôi cái chết có còn chẳng lý lẽ
Có lý lẽ nào đã giết anh em

Đường ra quê em trăm ngàn cay đắng
Lửa hạ đạn gào trăm tiếng kêu la
Những giòng máu vô tình vô tội
Đã chảy lên nhậu thành suối chan hòa

Lửa Quảng-Trị lửa rượt về Mỹ-Chánh
Rãi những thân người gục giữa đồng khô
Những giòng máu đã thấm tràn mạch đất
Có làm tương lai con cháu huy hoàng ?

(15-5-72)

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Mời đọc những tác phẩm mới:

☐ NẸO VÀO THIỀN HỌC

của Nhất Hạnh

☐ 10 KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ HÔM NAY

của Tạ Tỵ

☐ VÔ MÔN QUAN

của Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mẫn dịch

☐ ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA

của Bác sĩ Trần Ngọc Ninh

☐ NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI

của Nhất Hạnh (tái bản lần VI)

☐ CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TÂN KHÚC

của Phan Huy Ích — Nguyễn Văn Xuân phát giác

Mua sách tại LÁ-BỐI được trừ hoa hồng. Luôn luôn bán các sách của các nhà xuất bản uy tín. Nhận gửi sách cho bạn đọc qua bưu điện, Xin hỏi thư mục, nhớ kèm tem. Thư đề Ông Võ-Thắng-Tiết.

Đàm thoại với Ngô-Thế-Vinh từ Vòng-đai-xanh đến Mặt-trận-ở-Saigon

L.T.S. Nhà văn Ngô Thế Vinh, tác giả truyện dài «Vòng Đai Xanh» vừa nhận được giải thưởng bộ môn Văn trong Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc 1971 trước Tết, thì sau Tết lại nhận được Trát gọi ra Tòa về bài «Mặt trận ở Saigon» trên tạp chí Trình Bày số 34, có «luận điệu phương hại trật tự công cộng và làm suy giảm kỷ luật, tinh thần chiến đấu của quân đội». Nếu giải Văn trao cho Vòng Đai Xanh không gây một dư luận sôi nổi như giải Thơ thì trái lại vụ án Ngô Thế Vinh đã là đề tài cho rất nhiều anh em cầm bút trên các nhật báo cũng như tuần báo, tạp chí, trên báo dân sự cũng như báo quân đội và dư luận đã nhất trí bênh vực nhà văn quân đội mà ngày lĩnh giải văn chương vẫn còn liên tục hành quân ở Cao nguyên. Do đó mà có cuộc đàm thoại sau đây đề độc giả Bách-Khoa biết rõ tác phẩm trúng giải Vòng Đai Xanh đã được thai nghén, hình thành ra sao, và tác giả VDX đã quan niệm vụ án của anh thế nào.

Cũng xin ghi lại : Ngô-Thế-Vinh sinh năm 1941 ở Thanh Hóa. Anh đã là Chủ bút báo Tỉnh Thương, cơ quan tranh đấu Văn hóa Xã hội của Sinh-viên Y-khoa 63-66, Tốt nghiệp Y-khoa năm 1968, anh gia nhập Quân-y phục vụ tại Lực Lượng Đặc Biệt và đã giữ chức vụ Y-sĩ trưởng Liên đoàn 81 Biệt Cách Nhảy Dù.

Tác phẩm đã xuất bản : Những tiểu thuyết Mây Bão (1963) Bóng Đêm (1964), Gió Mùa (1965) và Vòng Đai Xanh (1971).

BÁCH-KHOA : Cuốn «Vòng Đai Xanh» của anh đã được giải thưởng văn học Nghệ thuật toàn quốc 71. Xin anh cho biết hoàn cảnh nào đã gợi ý cho anh viết tác phẩm trên.

NGÔ-THẾ-VINH : Trong khoảng thời gian 63-66 cùng các bạn hữu ở trường Đại-học Y-khoa chủ trương tờ Tỉnh Thương chúng tôi có dịp đề cập tới nhiều vấn đề, từ những sinh hoạt giới hạn trong vòng thành Đại-học tới cả các biến cố sôi bỏng của đất nước. Vấn đề «Nổi dậy» của người Thượng và Cao Nguyên là một trong những biến cố được chú ý ở giai đoạn đó. Từ năm 1957,

người ta đã nghe thấy những tin đồn về một «Phong trào Thượng tự trị». Tiếp theo là các vụ nổi dậy chính thức bộc phát vào những năm sau. Sau mỗi vụ tàn sát của người Thượng, vấn đề Cao-nguyên được đặt ra sôi nổi rồi cũng lại rơi vào quên lãng. Nhưng cho đến biến cố tháng 12 65, cả một âm mưu Tổng-nổi-dậy của người Thượng tại khắp các tỉnh Cao-nguyên của Phong-trào đòi tự-trị FULRO, cùng với những vụ thảm sát người Kinh, hiểm họa đe dọa Cao-nguyên đã trở thành một sự thực. Lại thêm những lời tuyên bố úp mở của một số nhà lãnh đạo V.N. lúc đó về «những hành động vô ý



thức của những tay sai ngo ại bang” sự đả kích gần xa của báo chí về một thứ “Thực dân” mới, khiến cho mọi người cảm thấy một điều gì thiếu minh bạch đằng sau những biến cố đó. Nói trắng ra thái độ lúng túng của chính quyền thời đó về vấn đề này càng làm người dân tin rằng đã có bàn tay và áp lực từ phía người Mỹ, nhất là khi mà các thành phần nổi dậy lại thường phát xuất từ các trại Lực Lượng Đặc Biệt và Dân sự chiến đấu Thượng, huấn luyện và trợ cấp trực tiếp bởi người Mỹ. Đó là những lý do của các chuyển đi của tôi lên Cao-nguyên với tư cách một nhà báo Sinh viên. Và một số báo *Tình thương* đặc biệt về phong trào FULRO và vấn đề chủ quyền V.N. được thành hình sau đó. (1) Phải nói là tôi đã bị xúc động sâu xa bởi những chuyển đi này, khi ý thức được rằng cả người Thượng lẫn người Kinh chỉ là nạn nhân của một âm mưu lớn lao.

Như anh biết, chế độ kiểm duyệt thời đó đã giới hạn tối đa mọi phổ biến trên báo chí và do đó tôi có ý định viết một cuốn sách, không phải là tiểu thuyết, sưu khảo về vấn đề Cao-nguyên.

— Rồi tại sao từ cuốn sưu khảo dự định viết tại trở thành cuốn tiểu thuyết mà khung cảnh là Cao nguyên?

— Ra đến số 30, tờ *Tình Thương* bị nội các Chiến Tranh đóng cửa, Không có những bận rộn về Báo chí, tôi đã có thì giờ để khởi viết những chương đầu tiên của cuốn sách và

tiếp tục thu thập thêm tài liệu, tiếp xúc với các giới chức liên hệ kể cả những người Thượng.

Phải ghi nhận ở đây là kiểm duyệt đã là mối ám ảnh thường xuyên mỗi khi tôi cầm bút. Và cũng thật khó để mà có thể giữ nguyên hứng khởi và cả kiên nhẫn nữa để hoàn thành một cuốn sách khi không thấy tương lai có thể xuất bản.

Bởi vậy sau một thời gian gián đoạn, tôi phải tìm cách vượt qua khó khăn này bằng một lựa chọn hình thức tiểu thuyết cho cuốn sách

— Và anh đã viết và cho xuất bản cuốn “Vòng Đai Xanh” trong những trường hợp nào?

— Có lẽ do bởi mối duyên với người Thượng, nên khi vừa tốt nghiệp Y-khoa, gia nhập quân đội, tôi đã tình nguyện chọn binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt, với địa bàn hoạt động là vùng Cao-nguyên chung đụng rất nhiều với các sắc dân thiểu số. Tôi đã viết tiếp được một số chương của *Vòng Đai Xanh* trong giai đoạn này.

Nhưng ý định xuất bản *Vòng Đai Xanh* chỉ thật mãnh liệt khi tôi có trong tay cuốn Green Beret của Robin Moore, một cuốn sách Best seller trong nhiều tuần và nổ như một trái bom trên đất Mỹ, với nội dung ca ngợi những chiến sĩ Mũ xanh LLDB Hoa-kỳ, còn lại là sự xuyên tạc và hạ giá người Việt cùng với sự kỳ thị tẻ hại của các sắc dân Kinh

Thượng ở Cao nguyên. Đối lại với Green Beret, Vòng Đại Xanh sẽ là một «lối nhìn» Việt-Nam về vấn đề Cao-nguyên, cùng với thực chất và huyền thoại De Oppresso Liber, của những người lính L.L.Đ.B Mũ xanh Hoa-kỳ lúc nào cũng tự nhận là anh hùng giải phóng các dân tộc bị trị. Họ quan niệm đang làm một cuộc giải phóng cho những người Thượng bị áp bức ở Cao nguyên...

— Việc xuất bản Vòng Đại Xanh có gặp khó khăn gì không và tại sao anh lại chọn nhà xuất bản Thái-Độ để cho ra đời tác phẩm của anh?

— Với kinh nghiệm từ ba cuốn sách trước về những khó khăn của Kiểm Duyệt, đề VĐX có thể được chấp thuận ra mắt, tôi đã phải tự cắt xén đi gần một nửa số trang của cuốn sách. Đó gần như một sự phá hỏng tác phẩm với mục đích đề được xuất bản. Bởi vì như tôi đã trình bày với anh, tôi thiết tha mong muốn cho VĐX ra đời được khá sớm để kịp đối lại với Green Beret của Robin Moore.

Nhưng sở Kiểm Duyệt vẫn làm khó dễ, vẫn cấm đoán. Thoạt tiên anh Thế Nguyên, chủ trương nhà Trình Bày, nhận xuất bản. Sau anh chịu thua Kiểm Duyệt. Anh Thế Uyên chủ trương nhà Thái Độ lại nhảy vào vòng tranh đấu và anh kiên nhẫn làm đơn từ lên xuống mãi, rồi sau cùng thì Kiểm Duyệt nhượng bộ, Thế Uyên thành công và Vòng Đại Xanh được ra đời sau những hậu

thuần nhiệt thành của các anh em cầm bút trên báo chí.

— Tại sao anh có ý kiến gửi Vòng Đại Xanh dự giải Văn học Nghệ thuật 71 và xin anh cho biết cảm tưởng khi biết anh trúng giải.

— Sống với người Thượng và Cao nguyên tôi không ngừng nghĩ tới tương lai của Vùng Đất Hứa này, tương lai đó ra sao là do mức độ quan tâm của nhiều người. Từ một cuốn sách bị cấm đoán cho đến khi V.Đ.X được xuất bản, việc tham dự giải Văn chương đối với tôi cũng là một cách thể bày tỏ thái độ. Sự kiện V.Đ.X được chọn, hay chính quan điểm V.Đ.X được công khai chấp nhận, đối với tôi là một dấu hiệu khích lệ trong một hoàn cảnh nhiều thách đố như hiện tại.

— Hôm phát giải anh cũng không có mặt ở Dinh Độc-Lập?

— Trước Tết, sau cuộc hành quân vượt biên ở Krek, tôi theo đơn vị trở lại Saigon để rồi sau đó lại trở lên Cao nguyên vì tình hình được coi là khẩn trương lúc đó. Có nhiều dấu hiệu của một cuộc tổng tấn công của CSBV trên khắp lãnh thổ, nhất là Cao-nguyên vào dịp Tết, điều mà Hà-nội gọi là cú-đấm-then-chốt để tạo một dấu-ngoặc-lich-sử; trong sự căng thẳng chờ đợi đó, tôi nhận được công điện từ hậu-cứ báo tin về kết quả của giải thưởng văn chương.

Vì nhu cầu hành quân, tôi đã không về Saigon và quyết định ở

lại đơn vị. Cũng như cách đẩy gần một năm, tôi đã không thể về Saigon để dự buổi ra mắt cuốn VDX do nhà xuất bản Thái-Độ tổ chức.

— Gần đây anh vừa bị ra tòa về một bài báo trên tạp san *Trình Bày*?

— Dứt cuộc hành quân kéo dài gần hai tháng, trở lại Saigon, tôi được Anh Thế Nguyên cho biết tin bị truy tố vì một bài viết ở *Trình Bày* số 34, mà theo Anh, ngoài Chủ nhiệm, Bộ Nội vụ còn truy tố đích danh tác giả. Tuy là một vụ án truy tố theo qui chế báo chí, điều 28, nhưng tôi quan niệm ngay tính cách văn nghệ của vụ án này, liên quan tới nhà văn và quyền phát biểu trong sáng tác. Đó là lý do tôi quyết định sẽ ra Tòa chứ không chấp nhận một bản án khuyết tịch như ý kiến của một số bạn hữu khác.

— Anh có thể cho biết qua nội dung bài báo mà anh bị truy tố không?

— Đó là bài *«Mặt trận ở Saigon»* một bút ký ngắn ghi lại cuộc hành trình ý thức của một người lính chấp nhận cuộc hy sinh chiến đấu

gian khổ hiện tại, đồng thời cũng có những mơ ước về một xã hội tốt đẹp hơn trong tương lai. Chỉ với nội dung đó mà tôi bị truy tố về tội dùng báo chí phò biến luận điệu phương hại trật tự công cộng và làm suy giảm kỷ luật, tinh thần chiến đấu của quân đội, một tập-thể mà chính tôi là một thành phần trong đó!

— Vụ án đã diễn tiến ra sao?

— Như anh biết vụ án đã được đem ra xét xử sáng ngày 18-5-72 sau hai lần bị đình hoãn. Các luật sư Vũ văn Huyền, Mai văn Lễ và Đinh Thạch Bích đã biện hộ theo chiều hướng một vụ án văn nghệ chứ không phải một vi phạm báo chí. Về việc tách rời một câu, một đoạn ra khỏi một bài hay một tác phẩm để buộc tội, Luật sư Huyền có đem cuốn *Vòng Đai Xanh* ra tòa trích ngay một đoạn đầu đọc lên và nói rằng nếu tách ra riêng đoạn đó thì không phải là phát giải Văn học Nghệ thuật cho tác giả mà có thể lại truy tố tác giả thật nặng là khác nữa. Phải xét sự nhất trí của lập

Đã phát hành

VUỜN THÚY
của QUỲNH DAO
THỜI THƠ ẤU
của MAXIME GORKI

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

luận toàn bài hay toàn tác phẩm chứ không thể cắt rời một mảnh mà phê phán được.

Tuy nhiên phán quyết của ông Chánh án Nguyễn Huân Trình vẫn là xác nhận tội trạng của tác-giả bài «Mặt trận ở Saigon» và phạt án treo 100.000 đồng tiền vạ, cùng bồi thường 1 đồng bạc danh dự cho Bộ Nội vụ.

Đây là một vụ án có tính cách tượng trưng và để tránh một tiền lệ cho nhà văn có thể bị truy tố ra tòa bất cứ lúc nào về những phát biểu trong sáng tác của họ, nên tôi đã quyết định kháng án lên Tòa Thượng-thẩm.

— Sau cùng xin anh cho biết dư luận báo chí và các hội đoàn văn nghệ về vụ án của anh.

— Mặc dù vụ án xảy ra giữa một tình hình sôi bỏng của chiến cuộc, như anh thấy, đã có một hậu thuẫn khá tốt đẹp trên dư luận báo chí, kể cả những tờ báo đại diện cho khuynh hướng của quân đội. Và tôi nghĩ rằng một dư luận báo chí như vậy sẽ có tác dụng ngăn chặn những vụ án tương tự xảy ra trong tương lai.

Riêng đối với Hội Bút-Việt, sự im lặng của Hội cho tới hôm nay là một sự kiện đáng phàn nàn. Ngoài những cuộc tiếp xúc riêng tư với các cấp lãnh đạo của chính quyền, tôi ghi một khuyến cáo chính thức của Hội với Nhà nước là một sự cần thiết. Phải chăng đó là một thái độ không

âm chính trị, như linh mục Thanh lãng đã xác nhận, đúng với Hiến chương của Văn bút Quốc tế, chính trị ở đây phải hiểu bao gồm cả những phát biểu của nhà văn trong sáng tác tự do của họ. Một lý lẽ thứ hai để giải thích sự không lên tiếng của Bút Việt là vụ án chưa xử hay một bản án chưa thành hình, trong khi tiếng nói đó có thể ngăn chặn lại vụ án. Không lẽ Ban Chấp-hành của một hội nhà văn lại tự giới hạn trong cái quyền đi xin nhà nước gia ân tha cho những văn nghệ sĩ đã bị án tù tội chứ không phải là ngăn chặn, những sai lầm của chính quyền trong quyết tâm bảo vệ nhân quyền, với văn nghệ sĩ là quyền tự do được thể hiện trong các sáng tác phẩm của họ (1).

Dù ở hoàn cảnh nào, tôi vẫn không ngừng tin tưởng rằng trong tương lai miền Nam vẫn có một chỗ đứng xứng đáng cho nhân phẩm và trí tuệ để có thể giữ vững cuộc chiến đấu.

BÁCH KHOA

(1) Sau khi có bản án của Tòa Sơ-thẩm Saigon, trong phiên họp Ban Chấp hành ngày 24-5-72 vừa qua, hội Bút Việt đã quyết định lên tiếng về vụ án Ngô Thế Vinh và một bản tuyên bố đã được phổ biến ngày 26-5 phản đối bản án xử các nhà văn Ngô Thế Vinh và Thế Nguyên «là một trường hợp xâm phạm đến tự do tư tưởng và ngôn luận» và «tố cáo trước dư luận trong nước và quốc tế» cùng «kêu gọi các vị có thẩm quyền xét xử tại Tòa Thượng thẩm hãy sáng suốt duyệt xét nội vụ để tiêu hủy bản án». (Ghi chú của Tòa soạn BK.)

Tiếp theo « đoạn chót của một cuộc phỏng vấn »

Saigòn ngày 17 tháng 5 năm 1972

Kính gửi Ông Lê Ngô Châu, chủ nhiệm và chủ bút báo Bách Khoa - Saigòn.

Kính thưa Ông, Trong Bách Khoa số 369 ngày 15 tháng 5 năm 1972 quý báo có cho đăng tải một bài phỏng vấn do tác giả Lê Phương Chi thực hiện, trong đó có điều liên quan tới tôi. Vậy xin ông cho tôi được lên tiếng thưa lại. Trân trọng kính chào Ông.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

XIN THƯA LẠI

Trong Bách Khoa số 369 ngày 15/5/72 trong cuộc phỏng vấn do tác giả Lê Phương Chi thực hiện, tác giả có ghi lại một câu của nhà thơ Trần Dạ Từ trả lời như sau : ... Mậu cho biết, các anh TTT, TTY, hôm trước khi chấm giải, có họp ở nhà anh TTY đề bàn về giải thưởng. Các anh ấy nói với nhau trong buổi họp : Đưa trường hợp TTK ra đi. Đề xem phản ứng của chúng ra sao. Chắc tức cười lắm.

Nay tôi xin thưa lại. Có lẽ TDT đã nghe lầm điều tôi nói. Hôm trước tôi đến chơi với anh TTY ở phòng làm việc, rồi gặp anh TTT ở đó, sau nhiều câu truyện anh TTY có hỏi tôi có ký tên vào bản xin cho TTK, tôi nói chưa thấy. Anh TTT có nói TTK có gửi thơ dự thi. Tôi nói tới cách đối xử của chính quyền với người cầm bút thật là tệ, và chính tôi đã nói : nếu TTK mà được giải thưởng thì chắc phản ứng của họ sẽ tức cười lắm. Tôi nói thế vì tôi nghĩ tới truyện TTK được moi từ nhà tù ra để phát giải rồi lại đưa vào nhà tù. Tôi rất buồn phiền vì phải nói lại điều này.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Sau khi Tòa soạn Bách-Khoa nhận được bài lên tiếng thưa lại của nhà văn Dương Nghiêm Mậu, đề độc giả khỏi thắc mắc lâu, bạn Lê Phương Chi có tới gặp ngay nhà thơ Trần Dạ Từ hỏi về những lời nói lại trên đây, thì được tác giả «Thơ Làm Thơ Yêu Em» trả lời như sau :

1-/ Tôi có nghe anh Dương Nghiêm Mậu kể là có cuộc họp mặt giữa nhà thơ Thanh Tâm Tuyền - Tô Thùy Yên, và có nói : « Phát giải cho Trần Tuấn Kiệt coi phản ứng của chúng ra sao. Chắc tức cười lắm ».

2-/ Khi ấy (hôm mừng 8 Tết) tôi không nghe anh Mậu đề cập về « cách đối xử của chính quyền với người cầm bút ». Có thể vì tôi lỡ không hỏi kỹ, thành anh chưa có dịp nói. Nay anh kể thêm. Vậy là đã rõ lắm.

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần qua sự kiện chính của thời sự quốc tế là cuộc Nga du của Tổng-thống Nixon (1). Nhưng cả Nga du của Tổng-thống Hoa kỳ dù quan trọng cũng không làm lu mờ những biến chuyển khác trên chính trường quốc tế.

Trước hết là việc thâu hồi đảo Okinawa của Nhật. Sau hơn một phần tư thế-kỷ bị quân đội Mỹ chiếm đóng, đảo Okinawa đã được trả lại cho Nhật trong một buổi lễ long trọng. Việc thâu hồi đảo Okinawa đã đánh dấu một giai-đoạn lịch-sử mới của Nhật tại Á-châu.

Tại Trung-Đông, khi mà Do-thái và Ả-rập đều không còn hy vọng trực tiếp thương-thuyết để vấn-hỏi hòa bình thì người ta lại vận động với các quốc-gia đệ-tam để không những các nhà cầm quyền tại Do-thái và Ả-rập củng cố địa-vị ngoại giao của nước họ trên thế-giới mà còn củng cố địa vị của chính họ tại quốc nội.

Hai năm sau khi được long trọng ký kết, các hiệp-ước hợp-tác bất-tương-xâm Đức-Nga và Đức-Balan đã được Quốc-hội Tây-Đức duyệt y.

Sau hết là các cuộc khủng hoảng niên thời tại Hắc Phi. Vùng này, sau nhiều năm ít được người ta nói tới, đột nhiên đã trở thành đề-tài thảo luận khi tại Cộng-hòa Nam-Phi sinh viên nổi dậy chống chính-sách kỳ-thị chủng-tộc của Thủ - Tướng John Vorster và nhất là khi các cuộc đụng

độ đồ máu giữa các bộ lạc đã xảy ra tại Burundi.

Hoa-kỳ giao trả đảo Okinawa lại cho Nhật

Tháng 9-1945 quân đội Nhật đã đầu hàng quân đội Hoa-kỳ sau 82 ngày chiến đấu đẫm máu, khiến 12.000 quân Mỹ và 100.000 quân Nhật phải thiệt mạng. Ngoài ra số thường dân đảo Okinawa bị tử thương trong các cuộc chiến này còn lên tới 62.500 người.

Đề chuẩn bị tấn công Nhật, quân đội Hoa-kỳ đã dồn mọi nỗ lực để chiếm Okinawa hầu dùng đảo này làm bàn đạp. Sau khi Nhật đầu hàng, đảo Okinawa đã trở thành một căn cứ quân sự vào hàng đầu của Hoa kỳ ở Á-Châu.

Trong những năm qua, các pháo đài bay khổng lồ B.52 đã thường cất cánh từ đảo Okinawa để tới oanh tạc cộng quân ở Nam-Việt và khi hoàn tất nhiệm vụ lại trở về Okinawa.

Vì vậy mà cả dân chúng Nhật lẫn dân địa-phương Okinawa đều phản đối Hoa-kỳ đã dùng đảo này làm căn cứ can thiệp quân sự ở Á-châu. Năm 1968 ông Chobyō Yara đã vận động tranh cử chức vụ Chủ tịch Ban Chấp hành (Chief Executive) đảo Okinawa với đề-tài giao hoàn đảo

(1) Xin xem bài «Cuộc viếng thăm Nga sở của Tổng-thống Hoa-kỳ» của Từ Minh trong số này.

này về cho Nhật. Ông Yara đặc cử đã hoạt động ráo riết để đạt được mục tiêu này. Tại chính quốc Nhật, Thủ-tướng Sato cũng nhằm mục tiêu tương tự. Ông đã hứa là sẽ rút lui sau khi thu hồi lại Okinawa.

Năm 1971 nhiều cuộc biểu tình tại Nhật đã nổi lên đòi Mỹ phải rút guồng máy chiến tranh ra khỏi đảo. Trước áp lực của Nhật, chính phủ Mỹ đã phải đưa các pháo đài bay B.52 ra khỏi đảo. Năm 1971 cũng là năm mà bang giao Mỹ-Nhật bước vào một giai-đoạn căng thẳng nhất, sau vụ Mỹ phá giá đồng Mỹ-kim. Để nối lại tình thân hữu Nhật-Mỹ ông Nixon đã quyết định trao trả đảo Okinawa cho Nhật.

Buổi lễ giao hoàn đã được tổ chức hết sức long trọng tại Đại - sảnh Nghệ-thuật Chiến-tranh ở Đông-Kinh với sự hiện diện của Phó Tổng-thống Hoa-kỳ Agnew, Thủ-tướng Sato và trên 10.000 quan khách.

Ông Agnew đã tuyên bố trong dịp này rằng «buổi lễ giao hoàn Okinawa đã giải quyết một vấn đề cuối cùng của cuộc thế chiến».

Đây là một thành quả ngoại-giao quan trọng của Thủ-tướng Nhật Sato. Lấy lại Okinawa, ông Sato đã xóa bỏ được một phần nào các nhục bại trận của Nhật vào đồng thời mang lại cho Nhật một bộ mặt hiền hòa hơn trong khi Nhật đang xuất hiện như một đại-cường quốc trên thế-giới.

Phe đối lập cực tả không còn có lý do để tố cáo ông Sato là tiếp tay với chính-sách xâm-lược của Mỹ ở

Á-châu nữa. Nhưng mặt khác người ta lại thấy rằng dân đảo Okinawa, trước đây đòi trở về với nước mẹ, thì nay khi được toại nguyện, họ lại bắt đầu tiếc rẻ sự hiện diện của người Mỹ.

Thật vậy, với quân đội đồn trú, với số tư bản được đầu tư tại đảo, nền kinh-tế của đảo đã được phát triển mạnh mẽ. Sự rút lui của quân Mỹ sẽ gây nhiều khó khăn kinh - tế cho đảo và người ta tự hỏi không hiểu giới tư-bản Nhật có thể thay thế được giới tư - bản Mỹ tại đảo Okinawa hay không.

Ngoài ra trong 27 năm chiếm đóng, Hoa-kỳ đã nhập cảng các thề-chế dân-chủ vào Okinawa. Một nghị-viện lập-pháp và một Ban chấp - hành đã được thành lập để quản-trị đảo khiến cho người dân đảo ý - thức được cá tính của mình. Ngày nay Mỹ ra đi, những người Nhật từ chính quốc sẽ trở lại, dân Okinawa sẽ có thể bị đa số chèn ép trong cộng đồng quốc-gia.

Nhưng dù sao thì ông Sato có thể rút lui khỏi chính quyền với cảm tưởng là đã làm tròn nhiệm vụ. Nhưng nếu các chính-trị-gia Nhật đều đồng ý là ông Sato nên về hưu thì người ta lại không biết nên đưa ai ra thay thế ông. Ba nhân vật được coi là có nhiều hy vọng nhất là Ngoại - trưởng Takeo Fukuda (67 tuổi) Tổng-trưởng Kỹ-thương Tanaka (54 tuổi) và Cựu Ngoại trưởng Ohira (62 tuổi). Nhưng cả 3 ông đều không kiếm đủ số 240 phiếu ở Quốc-hội để được giữ chức vụ Thủ-tướng.

Trung Cộng đang chăm chú theo

đổi sự tiến triển chính trị tại Nhật. Chính phủ Bắc-Kinh đã nói ý rằng họ không ưa gì ông Fukuda hơn ông Sato vì ông Fukuda bảo thủ. Có lẽ, ông Tanaka muốn lấy lòng Trung-Cộng nên ông đã nói rằng ông sẽ có một chính sách đối ngoại tương tự như chính-sách của Tổng-thống Nixon...

Vận động ngoại giao tại Trung Đông.

Để chứng tỏ rằng mình độc lập với Nga, ông Nicolae Ceausescu luôn luôn có những hành động đi ngược lại đường lối của Điện Kremlin. Một lần nữa ông Ceausescu lại trêu gan Mạc-tư-khoa bằng cách mời bà Golda Meir, Thủ-tướng Do-thái, sang viếng thăm Lỗ-mã-ni. Bà G.Meir đã vội vã nhận lời và đã sang hội đàm với các lãnh tụ Lỗ trong 3 ngày để củng cố địa vị ngoại-giao của Do-thái trên trường quốc-tế. Sang Lỗ-mã-ni bà Meir đã cùng một lúc tìm cách giải-quyết vấn đề các người Do-thái bị áp bức ở Trung-Âu và Nga. Ngoài ra bà cũng muốn tỏ ra rằng chính phủ Do-thái có một lập trường ôn-hòa trong các vụ tranh chấp với phe Ả-rập. Thái độ ôn-hòa này còn có thể giúp cho Tổng-thống Nixon thành công khi ông đề cập tới vấn đề Trung Đông với ông Brejnev trong cuộc Nga du sắp tới.

Trong khi bà Golda Meir đi tìm sự ủng hộ của các nước Cộng-sản Trung-Âu thì ông Anwar Sadat cũng đi tìm một vài thành quả ngoại-giao có thể cho phép ông làm dịu những mối bất bình của dân chúng. Thật vậy, sau khi hứa hẹn quá nhiều với dân chúng nào là giải phóng các lãnh thổ

bị Do-thái chiếm đóng, nào là đánh đuổi Do-thái khỏi Palestine v.v... mà không một lời hứa nào được thực hiện. Thợ thuyền và sinh viên luôn luôn biểu tình và đình công để phản đối chính quyền. Cách đây 3 tuần lễ thợ thuyền kỹ-nghệ bông vải đã đình công tại ngoại ô Thủ-đô Le Caire. Khi Thủ-tướng Ai-cập Aziz Sidky tới giải thích chính-sách xã hội của chính-phủ thì ông đã bị thợ thuyền ném đá đến phải bỏ chạy.

Để dân chúng đỡ bất mãn, ông Sadat đã quay trở lại đường lối của ông Nasser ngày trước, tức là lãnh đạo phong trào «Liên Ả-rập». Ông đã sang Alger để gặp Tổng-thống Algérie Boumédiène và Quốc-trưởng Lybie Kaddafi. Sau đó ông đã sang Tunisie và Syrie. Ông đang sửa soạn sang Irak để ve vãn các lãnh-tụ của nước này hầu lập ra một khối Ả-rập mà ông sẽ đóng vai trò lãnh-tụ. Nhưng những hoạt động này chỉ là những hành động tuyệt vọng của một chính-trị gia không còn làm chủ được tình-thế.

Duyệt-y các hiệp-ước Đức-Nga và Đức-Ba-lan.

Sau nhiều tuần hoãn đi hoãn lại để thương thuyết với phe đối lập ông Willy Brandt, Thủ tướng Tây Đức đã đệ trình hai bản hiệp-ước hợp-tác và bất-tương-xâm ra trước Quốc-hội để xin duyệt-y. Trước đó ông Rainer Barzel lãnh tụ đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo đối-lập đã ra điều-kiện là ông chỉ đề cho một số đảng-viên của ông bỏ thăm cho ông Brandt nếu ông

Brandt đưa ra một bản tuyên-bố làm sáng tỏ vấn-đề biên - giới. Thật vậy đảng Dân-chủ Thiên-Chúa-giáo không chấp nhận rằng đường biên giới Oder Neisse có tính cách vĩnh viễn.

Vì muốn cho hiệp-ước được duyệt y, chính phủ Nga tuyên bố sẵn sàng chấp nhận một quyết nghị của Quốc-hội Đức nhấn mạnh tính cách tạm thời của biên giới Đức. Do đó ông Brandt đã đưa hai hiệp-ước này ra trước Quốc-hội để xin duyệt y. Hai hiệp-ước đã được Quốc-hội duyệt-y với các phiếu thuận của hai đảng Xã-hội và Tự-do, trong khi đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo bỏ phiếu trắng. Như vậy tình hình Âu-châu đã được hòa dịu thêm một phần nào trước khi cuộc hội nghị thượng đỉnh Nga-Mỹ nhóm họp.

Tình hình sôi động tại Hắc Phi

Một quốc gia Phi - châu mà ít người nói tới là Liên bang Nam-Phi. Tại đây một thiểu số da trắng gốc Hòa-lan đã thống trị đa số da đen. Chính phủ nước này luôn luôn áp dụng chính sách "Apartheid" tức là một chính-sách kỳ-thị chủng tộc để bảo đảm ưu thế của người da trắng.

Trong những tuần qua sinh viên da đen đã nổi dậy biểu tình chống chính phủ. Một tờ nội-san của trường Đại-học Witwatersrand đã đưa ra một bức hí họa vẽ một đứa trẻ nhỏ nhìn vào chiếc chậu cầu tiêu và hỏi : "Có phải ông là Thủ tướng không ?" Thủ tướng John

Vorster đã phản ứng lại bằng cách ra lệnh trục xuất Chủ-nhiệm tờ báo, một sinh viên Anh, tên là Mark Douglas-Home, cháu của Ngoại-trưởng Anh.

Tại Turfloop, một trường Đại-học toàn người da đen, đã bãi khóa phản đối việc một lãnh-tụ sinh-viên tên là Tiro bị đuổi vì đã chỉ trích chính sách kỳ-thị chủng-tộc của chính phủ.

Nhưng khi chính sinh viên da trắng của trường Đại-học Stellenbosch cũng biểu tình chống chính phủ thì ông Vorster đã tỏ ra hết sức xúc động vì chính ông Vorster đã từng làm Viện-trưởng của trường này. Chính sách "Apartheid" hiện giờ đã bị ngay cả dân da trắng không chấp nhận.

Trong khi đó nhiều cuộc đụng độ đẫm máu tại xứ Burundi đã khiến trên 50.000 người thiệt mạng. Sau khi ông hoàng Ntare bị ám sát, các người cùng bộ-lạc với ông tố cáo chính Tổng - thống Burundi là Micombero đã chủ mưu ám sát. Đó là những người thuộc bộ lạc Watutsi. Họ đã cầm khí giới chống lại chính phủ. Các người Watutsi ở các xứ Zaire (cựu Congo của Bỉ) và Tanzanie cũng tỏ tình đoàn kết bằng cách vượt biên-giới sang trợ giúp người Watutsi ở Burundi.

Nhưng Tổng-thống Burundi đã kêu gọi Tổng-thống Zaire tiếp tay với Burundi để đàn áp các bộ lạc Watutsi. Rốt cục là phe chính-phủ đã thắng sau các cuộc tàn sát đẫm máu. Vấn đề tranh chấp giữa các bộ lạc vẫn còn là một dữ kiện chính của Phi-châu vào cuối thế-kỷ thứ 20.

TỪ MINH